

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



NGUYỄN MINH HOA

**QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO THỂ THAO
TẠI SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH BẮC NINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ



NHÀ XUẤT BẢN HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP - 2018

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

NGUYỄN MINH HOA

**QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO THỂ THAO
TẠI SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH BẮC NINH**

Chuyên ngành : Quản lý kinh tế

Mã số : 08.34.04.10

Người hướng dẫn khoa học: TS. Phạm Thị Minh Nguyệt

HÀ NỘI – 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng, công trình nghiên cứu này là của riêng tôi. Những số liệu, thông tin và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là trung thực và chưa được sử dụng để bảo vệ bất cứ một luận văn nào.

Tôi xin cam đoan rằng, mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong luận văn đều đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Hà Nội, ngày ... tháng năm 2018

Tác giả luận văn

Nguyễn Minh Hoa

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo, sự giúp đỡ, động viên của bạn bè, đồng nghiệp và gia đình.

Nhân dịp hoàn thành luận văn, cho phép tôi được bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đến TS. Phạm Thị Minh Nguyệt đã tận tình hướng dẫn, dành nhiều công sức, thời gian và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề tài.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới Ban Giám đốc, Ban Quản lý đào tạo, Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn - Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình học tập, thực hiện đề tài và hoàn thành luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn tập thể lãnh đạo, cán bộ công chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Xin chân thành cảm ơn gia đình, người thân, bạn bè, đồng nghiệp đã tạo mọi điều kiện thuận lợi và giúp đỡ tôi về mọi mặt, động viên khuyến khích tôi hoàn thành luận văn./.

Hà Nội, ngày ... tháng năm 2018

Tác giả luận văn

Nguyễn Minh Hoa

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| Lời cam đoan | i |
| Lời cảm ơn | ii |
| Mục lục | iii |
| Danh mục bảng | vi |
| Danh mục hình, biểu đồ | viii |
| Danh mục từ viết tắt | ix |
| Phần 1. Mở đầu | 1 |
| 1.1. Tính cấp thiết của đề tài | 1 |
| 1.2. Mục tiêu nghiên cứu | 2 |
| 1.2.1. Mục tiêu chung | 2 |
| 1.2.2. Mục tiêu cụ thể | 2 |
| 1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu | 2 |
| 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu | 2 |
| 1.3.2. Phạm vi nghiên cứu | 3 |
| 1.4. Câu hỏi nghiên cứu | 3 |
| Phần 2: Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về quản lý chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thể thao | 5 |
| 2.1. Cơ sở lý luận | 5 |
| 2.1.1. Lý luận chung về quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao | 5 |
| 2.1.2. Nội dung quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao | 10 |
| 2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao | 23 |
| 2.2. Cơ sở thực tiễn | 26 |
| 2.2.1. Kinh nghiệm quản lý chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thể thao ở một số địa phương nước ta | 26 |
| 2.2.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh | 29 |
| Phần 3: Đặc điểm địa bàn và phương pháp nghiên cứu | 30 |
| 3.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu | 30 |
| 3.1.1. Giới thiệu chung về tỉnh Bắc Ninh | 30 |
| 3.1.2. Khái quát về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh | 33 |

| | | |
|---|--|-----------|
| 3.2. | Phương pháp nghiên cứu của đề tài | 38 |
| 3.2.1. | Phương pháp thu thập số liệu..... | 38 |
| 3.2.2. | Phương pháp xử lý thông tin và phân tích số liệu | 39 |
| 3.2.3. | Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu..... | 40 |
| Phần 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận..... | | 41 |
| 4.1. | Thực trạng quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh | 41 |
| 4.1.1. | Tình hình phát triển sự nghiệp thể thao của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh | 41 |
| 4.1.2. | Nguồn vốn đầu tư cho thể thao của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh | 43 |
| 4.1.3. | Thực trạng quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh..... | 45 |
| 4.1.4. | Đánh giá kết quả công tác quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh..... | 74 |
| 4.2. | Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh..... | 80 |
| 4.2.1. | Cơ chế, chính sách của Nhà nước về quản lý chi ngân sách nhà nước..... | 80 |
| 4.2.2. | Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước..... | 81 |
| 4.2.3. | Năng lực quản lý của người lãnh đạo và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý trong bộ máy quản lý ngân sách nhà nước | 83 |
| 4.2.4. | Hệ thống kiểm tra, kiểm soát tài chính của bộ máy quản lý ngân sách nhà nước..... | 84 |
| 4.2.5. | Công nghệ thông tin trong quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao..... | 85 |
| 4.3. | Định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh | 86 |
| 4.3.1. | Định hướng phát triển sự nghiệp thể thao của tỉnh Bắc Ninh..... | 86 |
| 4.3.2. | Định hướng hoàn thiện công tác quản lý chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp thể thao của tỉnh Bắc Ninh cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh | 87 |

| | | |
|---|--|-----------|
| 4.3.3. | Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh..... | 88 |
| Phần 5. Kết luận và kiến nghị..... | | 96 |
| 5.1. | Kết luận..... | 96 |
| 5.2. | Kiến nghị..... | 97 |
| 5.2.1. | Đối với Chính phủ, Bộ Tài chính..... | 97 |
| 5.2.2. | Đối với chính quyền tỉnh Bắc Ninh | 97 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | | 98 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 3.1: Tình hình nhân sự của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015 - 2017 | 37 |
| Bảng 4.1. Tình hình phát triển sự nghiệp thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 | 41 |
| Bảng 4.2. Nguồn vốn đầu tư cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 | 44 |
| Bảng 4.3. Dự toán chi NSNN cho các đơn vị sự nghiệp thể thao của Sở VH-TT- DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 | 48 |
| Bảng 4.4. Dự toán chi NSNN cho thể thao theo các nhóm của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 | 50 |
| Bảng 4.5. Kết quả khảo sát nguyên nhân của việc lập dự toán chưa sát với thực tế (n = 11) | 51 |
| Bảng 4.6. Chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015- 2017 | 53 |
| Bảng 4.7. Định mức tiền công cho huấn luyện viên, vận động viên | 55 |
| Bảng 4.8. Định mức tiền dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên | 55 |
| Bảng 4.9. Chi thanh toán cho cá nhân | 56 |
| Bảng 4.10. Chi cho nghiệp vụ chuyên môn | 59 |
| Bảng 4.11. Định mức khoán chi | 60 |
| Bảng 4.12. Chi quản lý hành chính | 61 |
| Bảng 4.13. Chi mua sắm, sửa chữa lớn và xây dựng nhỏ | 62 |
| Bảng 4.14. Chi các khoản khác | 64 |
| Bảng 4.15. Tình hình thực hiện chi so với dự toán chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 | 66 |
| Bảng 4.16. Đánh giá của cá nhân thụ hưởng về công tác quản lý chi NSNN của các trung tâm thể thao (n = 40) | 67 |
| Bảng 4.17. Kết quả khảo sát nguyên nhân của việc lập báo cáo quyết toán chi ngân sách chậm (n = 11) | 70 |
| Bảng 4.18. Kết quả kiểm soát các khoản chi NSNN qua KBNN của các đơn vị sự nghiệp thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 | 73 |
| Bảng 4.19. Đánh giá của cá nhân thụ hưởng về hệ thống tổ chức bộ máy quản lý NSNN của các trung tâm thể thao (n = 40) | 84 |

| | |
|--|----|
| Bảng 4.20. Đánh giá của lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về công tác <u>lập dự</u> toán chi NSNN của các trung tâm thể thao (n = 11)..... | 77 |
| Bảng 4.21. Đánh giá của lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về công tác <u>chấp</u> hành dự toán chi NSNN của các trung tâm thể thao (n = 11)..... | 78 |
| Bảng 4.22. Đánh giá của lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về công tác <u>quyết</u> toán chi NSNN của các trung tâm thể thao (n = 11)..... | 79 |
| Bảng 4.23. Đánh giá của lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về công tác <u>kiểm</u> tra, kiểm soát chi NSNN cho thể thao (n = 11)..... | 80 |

DANH MỤC HÌNH, BIỂU ĐỒ

| | |
|---|----|
| Hình 3.1: Bản đồ hành chính tỉnh Bắc Ninh..... | 31 |
| Hình 3.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy của Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh | 36 |
| Biểu đồ 4.1. Tỷ trọng chi cho các trung tâm thể thao trong tổng chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 | 49 |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| Từ viết tắt | Nghĩa tiếng Việt |
|-------------|------------------------------|
| HĐND | Hội đồng nhân dân |
| KBNN | Kho bạc nhà nước |
| NSNN | Ngân sách nhà nước |
| TDTT | Thể dục thể thao |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| VH-TT-DL | Văn hóa – Thể thao – Du lịch |

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1.1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi Nhà nước phải sử dụng một cách có hiệu quả chính sách tài chính tiền tệ, đặc biệt là chi ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước nói chung, chi ngân sách nhà nước nói riêng là công cụ để Nhà nước thực hiện sứ mệnh của mình trong việc điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Nó giữ vai trò quan trọng trong việc phân phối các nguồn lực của nền kinh tế nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Nhà nước; thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, ổn định, bền vững; đảm bảo an ninh, an toàn xã hội, đảm bảo sự toàn vẹn lãnh thổ Quốc gia. Đối với hoạt động thể thao, chi từ NSNN cho sự nghiệp thể thao là nội dung quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chất lượng, hiệu quả của các hoạt động thể thao có ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ, tăng cường sức khỏe, phát triển và hoàn thiện thể chất cho con người, góp phần tích cực vào quá trình bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần phong phú, lối sống lành mạnh nhằm thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của tỉnh Bắc Ninh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp thể thao. Nhờ đó, công tác quản lý chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp thể thao của Sở đã có nhiều chuyển biến tích cực, nguồn vốn đầu tư cho thể thao hàng năm được tăng lên, ngân sách nhà nước được phân bổ đúng, kịp thời tới các đơn vị sự nghiệp thể thao, công tác kiểm soát các khoản chi cho thể thao đang ngày được tăng cường.

Tuy nhiên, công tác này hiện nay vẫn có nhiều bất cập, hạn chế còn tồn tại cần phải tiếp tục điều chỉnh như: công tác xây dựng định mức, công tác lập, phân bổ dự toán, quản lý sử dụng nguồn kinh phí cho đến khâu quyết toán. Cụ thể như nhiều khoản chi chưa đúng mục đích, thiếu sự minh bạch, gây thất thoát lãng phí ngân sách, xây dựng dự toán chưa sát với thực tế, công tác kiểm tra, kiểm soát chưa thường xuyên, trình độ năng lực của cán bộ quản lý tài chính chưa cao,

chưa thật sự đáp ứng yêu cầu đặt ra. Câu hỏi đặt ra là thực tiễn quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh trong những năm qua đang diễn ra như thế nào? Còn những tồn tại hạn chế, bất cập gì cần phải giải quyết? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao và để làm tốt công tác quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao trong thời gian tới thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh những giải pháp gì?

Tổng quan các tài liệu nghiên cứu cho thấy chưa có nghiên cứu nào đi sâu tìm hiểu về quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao, mà cụ thể là tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh.

Xuất phát từ những lý do nêu trên tôi lựa chọn đề tài ***“Quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sỹ của mình.

1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1.2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của đề tài là trên cơ sở đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh trong thời gian vừa qua, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm làm tốt công tác quản lý chi NSNN cho thể thao trong thời gian tới.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý chi NSNN trong lĩnh vực thể thao.
- Đánh giá thực trạng và tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm làm tốt công tác quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới.

1.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý chi NSNN trong lĩnh vực thể thao.

1.3.2. Phạm vi nghiên cứu

+ Về nội dung: Phản ánh thực trạng công tác quản lý chi NSNN trong lĩnh vực thể thao, các giải pháp nhằm làm tốt công tác quản lý chi NSNN trong lĩnh vực này.

+ Về không gian: Đề tài tiến hành nghiên cứu trong phạm vi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh.

+ Về thời gian: Số liệu được thu thập từ năm 2015 đến 2017. Đề tài được thực hiện từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018.

1.4. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN VĂN

1.4.1. Về lý luận

Luận văn đã tập hợp, hệ thống và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quản lý chi NSNN cho thể thao trên các khía cạnh: các khái niệm liên quan đến quản lý chi NSNN cho thể thao, vai trò của quản lý chi NSNN cho thể thao, đặc điểm của quản lý chi NSNN cho thể thao, nguyên tắc của quản lý chi NSNN cho thể thao, nội dung của quản lý chi NSNN cho thể thao và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi NSNN cho thể thao và vận dụng vào nghiên cứu quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh.

1.4.2. Về thực tiễn

Luận văn đã trình bày với nhiều dẫn liệu và minh chứng về các nội dung quản lý chi NSNN cho thể thao, về cơ sở thực tiễn về quản lý chi NSNN cho thể thao ở một số địa phương của Việt Nam và những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn cho quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh. Từ những nội dung đó, Luận văn phân tích thực trạng quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh theo các mặt còn tồn tại hạn chế và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi cao.

1.5. KẾT CẤU NỘI DUNG LUẬN VĂN

Kết cấu nội dung của Luận văn bao gồm các phần sau:

Phần 1. Mở đầu

Phần 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Phần 3. Đặc điểm địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Phần 4. Kết quả nghiên cứu

Phần 5. Kết luận và kiến nghị

PHẦN 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO THỂ THAO

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO THỂ THAO

2.1.1. Các khái niệm cơ bản về quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

2.1.1.1. Khái niệm về Ngân sách nhà nước

Ngân sách Nhà nước là một phạm trù kinh tế và là phạm trù lịch sử, là một thành phần trong hệ thống tài chính. Thuật ngữ “Ngân sách nhà nước” được sử dụng rộng rãi trong đời sống kinh tế, xã hội ở mọi quốc gia. Song quan niệm về NSNN lại chưa thống nhất, người ta đã đưa ra nhiều định nghĩa về NSNN tùy theo các trường phái và các lĩnh vực nghiên cứu. Các nhà kinh tế Nga quan niệm: Ngân sách nhà nước là bảng liệt kê các khoản thu, chi bằng tiền trong một giai đoạn nhất định của quốc gia.

Trong luận văn này tác giả dựa theo Luật Ngân sách nhà nước Việt Nam:

Tại Khoản 14 Điều 4 của Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 25/6/2015 định nghĩa: “Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước”.

NSNN vừa là nguồn lực để nuôi dưỡng bộ máy nhà nước vừa là công cụ hữu hiệu để Nhà nước quản lý điều tiết nền kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. NSNN luôn gắn chặt với sở hữu nhà nước, luôn chứa đựng những lợi ích chung, lợi ích công cộng. NSNN cũng có những đặc điểm như các quỹ tiền tệ khác. Nét khác biệt của NSNN với tư cách là một quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước là được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng, sau đó mới được chi dùng cho những mục đích đã định.

Hoạt động NSNN là hoạt động phân phối lại các nguồn tài chính, nó thể hiện ở hai lĩnh vực thu và chi của Nhà nước. Hoạt động thu chi của NSNN luôn gắn chặt với quyền lực kinh tế - chính trị của Nhà nước và việc thực hiện các chức năng của Nhà nước, được Nhà nước tiến hành trên cơ sở những luật lệ nhất định và theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp là chủ yếu.

2.1.1.2. Khái niệm chi ngân sách nhà nước

Chi NSNN là việc phân phối và sử dụng quỹ NSNN nhằm đảm bảo thực hiện chức năng của nhà nước theo những nguyên tắc nhất định.

Chi NSNN là quá trình phân phối lại các nguồn tài chính đã được tập trung vào NSNN và đưa chúng đến mục đích sử dụng. Do đó, chi NSNN là những việc cụ thể không chỉ dừng lại trên các định hướng mà phải phân bổ cho từng mục tiêu, từng hoạt động và từng công việc thuộc chức năng của nhà nước. (Nguyễn Văn Hà, 2016)

Dựa vào khái niệm chi NSNN đã nêu ở trên có thể thấy chi NSNN có một số đặc điểm sau:

- Chi NSNN là hoạt động phân phối và sử dụng quỹ NSNN, hoạt động chi này dựa trên cơ sở quy định pháp luật và dự toán NSNN đã được cơ quan có quyền lực nhà nước có thẩm quyền quyết định.

- Chi NSNN là hoạt động được tiến hành bởi những chủ thể quyền lực gồm hai nhóm:

- + Nhóm chủ thể đại diện cho Nhà nước thực hiện chức năng quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN. Đó là những cơ quan đại diện cho nhà nước thực thi quyền hạn có liên quan tới việc xuất quỹ NSNN cho các mục tiêu đã được phê duyệt. Nhóm chủ thể này bao gồm: Bộ Tài chính, Sở tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng tài chính huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Sở kế hoạch và đầu tư, Kho bạc nhà nước.

- + Nhóm chủ thể sử dụng NSNN. Đó là những chủ thể được hưởng kinh phí từ NSNN để trang trải những chi phí trong quá trình hoạt động của mình. Nhóm chủ thể này rất đa dạng nhưng có thể chia thành ba loại chủ yếu sau: Các cơ quan nhà nước, kể cả cơ quan hành chính thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính; Các đơn vị, kể cả đơn vị sự nghiệp có thu; Các chủ dự án sử dụng kinh phí NSNN.

- Mục tiêu cơ bản của chi NSNN là đáp ứng nhu cầu tài chính cho sự hoạt động của bộ máy nhà nước, đảm bảo cho nhà nước thực hiện được chức năng và nhiệm vụ của mình. Chi NSNN luôn gắn liền với bộ máy nhà nước. Nhà nước thông qua hoạt động chi ngân sách để đảm bảo hoạt động của mình trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng... Ngoài ra, thông qua việc thể chế hóa bằng pháp luật đối với chi ngân sách, nhà nước còn hướng đến những mục tiêu

khác, trong đó bao gồm mục tiêu quản lý hiệu quả việc sử dụng công quỹ và tăng cường kỷ luật ngân sách, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về chi ngân sách, góp phần hạn chế tình trạng tham nhũng, lãng phí tài sản nhà nước.

Căn cứ vào nội dung kinh tế các khoản chi, chi NSNN được chia thành: Chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển và chi khác. (Vũ Thị Thu Trang, 2015)

* *Chi thường xuyên*: là quá trình phân phối, sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để đáp ứng cho các nhu cầu chi gắn liền với thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước về lập pháp, hành pháp, tư pháp và một số dịch vụ công cộng khác mà Nhà nước vẫn phải cung ứng.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ thường xuyên mà Nhà nước phải đảm nhận ngày càng tăng, đã làm phong phú thêm nội dung chi thường xuyên của ngân sách Nhà nước.

Xét theo từng lĩnh vực chi thì nội dung chi thường xuyên của NSNN bao gồm:

- Chi quản lý hành chính Nhà nước
- Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội
- Chi sự nghiệp văn hóa xã hội: bao gồm các khoản chi cho các hoạt động sự nghiệp: sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình và các hoạt động khác...
- Chi sự nghiệp kinh tế của Nhà nước
- Chi khác như chi trợ giá theo chính sách của Nhà nước, chi trả tiền lãi do Chính phủ vay, chi hỗ trợ quỹ bảo hiểm xã hội,...

* *Chi đầu tư phát triển*: là quá trình phân phối và sử dụng một phần vốn tiền tệ từ NSNN để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất và dự trữ vật tư hàng hóa của Nhà nước, nhằm thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Xét theo mục đích, chi đầu tư phát triển bao gồm: Chi xây dựng các công trình thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn; Đầu tư, hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước, góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh

vào các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước; Chi hỗ trợ các quỹ hỗ trợ phát triển; Chi dự trữ Nhà nước.

* *Các khoản chi khác*: bao gồm những khoản chi còn lại không xếp được vào nhóm chi kể trên bao gồm như: chi trả nợ gốc và lãi; chi viện trợ; chi cho vay; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; chi bổ sung cho Ngân sách cấp dưới; chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

Việc phân loại các khoản chi thành chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển là rất cần thiết trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Nó cho phép đánh giá, so sánh các khoản chi thường xuyên phải bỏ ra cho các hoạt động quản lý kinh tế - xã hội của nhà nước làm cơ sở để xác định được hiệu quả hoạt động của đơn vị.

2.1.1.3. Khái niệm Thể thao

Người ta phân biệt thể thao theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng.

Theo nghĩa hẹp:

Thể thao là một hoạt động thi đấu, hoạt động này được hình thành trong xã hội loài người mà thông qua thi đấu con người phô diễn, so sánh khả năng về thể chất và tinh thần.

Khái niệm này chỉ nêu lên những đặc điểm bên ngoài để phân biệt thể thao với các hiện tượng khác, chưa bao quát được hết những biểu hiện cụ thể, phong phú của thể thao trong xã hội.

Theo nghĩa rộng:

Thể thao là bao gồm hoạt động thi đấu, là sự chuẩn bị tập luyện đặc biệt cho thi đấu, là mối quan hệ đặc biệt giữa người với người trong thi đấu cũng với ý nghĩa xã hội và thành tích thi đấu gộp chung lại.

Để đạt tới thành tích thể thao cao, con người phải tập luyện một cách có hệ thống qua lượng vận động lớn, khắc phục khó khăn về tâm lý. Vì vậy, thể thao chính là phương tiện, phương pháp hữu hiệu nhất để phát triển thể chất, đạo đức, thẩm mỹ cho con người.

Trong xã hội, thể thao bao gồm hai bộ phận: Thể thao thành tích cao (thể thao đỉnh cao) và thể thao cho mọi người (thể thao quần chúng).

Thể thao thành tích cao có mục đích trực tiếp là thành tích tuyệt đối. Hoạt động thể thao thành tích cao chiếm một giai đoạn lớn trong cuộc đời vận động

viên. Đối với vận động viên thể thao thành tích cao thì thể thao chính là nghề nghiệp của họ.

Thể thao cho mọi người khác với thể thao thành tích cao ở mức độ thành tích cần vươn tới. Thể thao thành tích cao lấy kỷ lục nhân loại, kỷ lục châu lục, khu vực làm đích phấn đấu. Trong khi đó, mục đích của thể thao quần chúng được xác định phù hợp với khả năng cá nhân, hướng tới sức khỏe là chủ yếu. (Nguyễn Xuân Cừ và cs, 2013)

Thể thao không chỉ thuộc lĩnh vực văn hóa – xã hội, nâng tầm vóc và thể chất con người, làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần, tăng ý thức dân tộc và sự hòa hợp, giao lưu trong nhân dân, giao lưu quốc tế... mà ngày nay thể thao còn là một ngành kinh doanh (ngành kinh doanh thể thao hay công nghiệp thể thao) đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước.

Từ những năm 1975 tới nay, thể thao nước ta không ngừng phát triển phục vụ cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Trong quá trình phát triển này, vị thế của thể thao trong xã hội ngày càng được nâng cao, vì thể thao góp phần quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Dân cường thì nước thịnh”. Ngày nay, ngành thể thao cũng góp phần quan trọng thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế, mở rộng hợp tác, đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đối ngoại nhân dân; nâng cao vị thế, vai trò và quảng bá hình ảnh của đất nước và con người Việt Nam trên trường quốc tế. Thể thao thực sự trở thành một nhịp cầu hội nhập một kênh dẫn để văn hóa dân tộc hoà chung trong dòng chảy văn hóa thế giới. Sự kiện môn thể thao truyền thống và một trò chơi dân gian là Kéo co được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể chung giữa Việt Nam - Campuchia - Hàn quốc - Philipines là một minh chứng sống động. (N.H, 2016)

2.1.1.4. Khái niệm quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Trước hết, ta cần hiểu thế nào là quản lý và quản lý chi NSNN.

Trong tất cả mọi lĩnh vực của hoạt động kinh tế xã hội nói chung, để đảm bảo hoạt động bình thường, đều phải có vai trò của con người tác động vào. Những tác động mang tính chủ quan đó gọi là quản lý. Nói cách khác, quản lý thực chất là việc thiết lập và tổ chức thực hiện hệ thống các phương pháp và biện

pháp, tác động một cách có chủ định tới các đối tượng quan tâm nhằm đạt được kết quả nhất định.

Quản lý chi NSNN là một bộ phận trong công tác quản lý NSNN và cũng là một bộ phận trong công tác quản lý nói chung. Quản lý chi NSNN là quá trình Nhà nước vận dụng các quy luật khách quan, sử dụng hệ thống các phương pháp, công cụ quản lý tác động đến các hoạt động chi NSNN phục vụ tốt nhất việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. (Bùi Thị Quỳnh Thơ, 2013)

Với khái niệm trên cho thấy:

Xét theo nghĩa rộng, quản lý chi NSNN là việc sử dụng NSNN làm công cụ quản lý hệ thống xã hội thông qua các chức năng vốn có.

Xét theo nghĩa hẹp, quản lý chi NSNN là quản lý các đầu ra của NSNN thông qua các công cụ và quy định cụ thể.

Đối tượng tác động của quản lý chi NSNN là toàn bộ các khoản chi của NSNN được bố trí để phục vụ cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Quản lý chi NSNN là sự liên kết hữu cơ giữa Nhà nước với tư cách là chủ thể quản lý với khách thể quản lý là các đơn vị sử dụng NSNN và đối tượng quản lý là các khoản chi NSNN.

Như vậy, có thể hiểu khái niệm về quản lý chi NSNN cho thể thao chính là việc sử dụng các nguồn vốn từ NSNN làm công cụ thực hiện các mục tiêu phát triển sự nghiệp thể thao hay chính là quản lý đầu ra của ngân sách thông qua các chế độ, định mức hiện hành.

2.1.2. Vai trò, ý nghĩa của quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Phát triển thể thao là một yêu cầu khách quan của xã hội, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; giáo dục ý chí, đạo đức, xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn có chủ trương huy động mọi nguồn lực xã hội để tham gia đầu tư xây dựng và phát triển sự nghiệp thể thao. Hiện nay, nguồn vốn đầu tư cho thể thao bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cấp để phát triển cho sự nghiệp thể thao.

Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước bao gồm: Khoản thu từ hoạt động thi đấu, biểu diễn, dịch vụ hoạt động thể thao; chuyển nhượng quyền sở hữu đối với giải thể thao thành tích cao và giải thể thao chuyên nghiệp; nguồn đầu tư, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

Mặc dù sự nghiệp thể thao được phát triển từ nhiều nguồn vốn khác nhau nhưng nguồn vốn từ NSNN vẫn là nguồn vốn quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn nhất. Vì vậy, công tác quản lý chi NSNN cho thể thao có một vai trò đặc biệt quan trọng.

Quản lý chi NSNN giúp cho NSNN thực hiện vai trò của mình trong việc định hướng phát triển sự nghiệp thể thao theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Quan điểm của Đảng ta luôn xác định việc đầu tư cho thể dục, thể thao là đầu tư cho con người, cho sự phát triển của đất nước. Do đó, phần lớn nguồn kinh phí cho thể thao được đảm bảo từ nguồn cấp phát của NSNN bởi việc duy trì, củng cố và phát triển các hoạt động thuộc lĩnh vực này là nhiệm vụ và mục tiêu mà nhà nước phải thực hiện trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế xã hội. Nhà nước quyết định mức chi cho sự nghiệp thể thao chi tiết theo từng mục, tiểu mục chi cụ thể nhằm đảm bảo các khoản chi theo đúng dự toán, kế hoạch.

Thông qua việc xây dựng dự toán có căn cứ thực tiễn và khoa học, giám sát chặt chẽ quá trình cấp phát và sử dụng, thực hiện quyết toán theo đúng chế độ, chính sách, quản lý chi NSNN cho thể thao giúp giảm thiểu cơ hội tham ô, tham nhũng của thủ trưởng, cán bộ làm công tác tài chính, kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp thể thao. Kết quả của những tác động quản lý đó là tạo ra được trật tự, kỷ luật nghiêm minh trong chi tiêu NSNN. Hơn nữa, với công cụ dự toán, quản lý chi NSNN góp phần làm cho quá trình chi NSNN cho thể thao trở nên minh bạch hơn, dễ kiểm tra, giám sát hơn.

Quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao là chiến lược để đạt mục tiêu về kinh tế, xã hội mà Đảng và Nhà nước đã đề ra thông qua việc xác định cơ cấu, tỷ trọng các khoản chi cho sự nghiệp thể thao. Thông qua quá trình thực hiện chi NSNN cho sự nghiệp thể thao, Nhà nước kiểm tra được việc sử dụng các khoản

chi cho hoạt động thể thao nói riêng và chi NSNN nói chung, từ đó tạo lòng tin với nhân dân, thu hút được sự đóng góp của các tầng lớp trong xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp thể thao, phát huy một cách tối đa hiệu quả các khoản chi từ NSNN cho sự nghiệp thể thao.

Thông qua quản lý chi NSNN để điều phối cơ cấu chi cho các bộ môn thể thao chuyên nghiệp, phát triển các môn thể thao mũi nhọn, có lợi thế giành huy chương, đồng thời tăng cường phát triển các bộ môn thể thao mới phục vụ cho việc tham gia thi đấu các giải thi đấu trong nước và quốc tế.

Từ những vai trò nêu trên ta có thể thấy chi từ NSNN cho sự nghiệp thể thao thực sự có ý nghĩa to lớn trong đời sống kinh tế xã hội. Để các khoản chi từ NSNN cho sự nghiệp thể thao thực sự mang lại hiệu quả và phát huy được những vai trò to lớn của mình thì việc tăng cường công tác quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao là rất cần thiết.

2.1.3. Đặc điểm của quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

2.1.3.1. *Quản lý chi NSNN thể hiện bản chất pháp luật của Nhà nước*

Chi NSNN được quản lý bằng pháp luật và theo dự toán. Bằng cách này Nhà nước và các cơ quan chức năng đưa ra cơ chế quản lý, điều hành chi NSNN đúng luật, đảm bảo hiệu quả và công khai, minh bạch.

Chi NSNN trước hết phải thực hiện đúng theo Luật Ngân sách nhà nước, theo quy định chung của Nhà nước, theo các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. Các khoản chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu quy định của nhà nước. Chi NSNN phải được hạch toán đầy đủ và phải được kiểm soát qua KBNN, tránh hiện tượng chi tiêu tùy tiện, gây lãng phí, thất thoát NSNN. Quản lý các khoản chi NSNN phải trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức phân bổ ngân sách, các chính sách chế độ của Nhà nước.

Chi NSNN phải dựa trên dự toán NSNN đã được Quốc hội thông qua. Dự toán ngân sách của đơn vị là cơ sở cho quá trình chấp hành và quyết toán ngân sách. Điều này được thể hiện các nguồn chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi có trong dự toán được duyệt.

Cơ chế quản lý tài chính cho thể thao tại các đơn vị hành chính sự nghiệp là quản lý theo dự toán năm. Kỳ lập dự toán là hàng năm; căn cứ lập dự toán là theo chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn định mức của nhà nước; thực hiện dự toán phải

tuyệt đối tuân thủ các tiêu chuẩn, định mức chi tiêu của nhà nước trong phạm vi dự toán được duyệt; quyết toán chi theo các mục chi của mục lục NSNN tương ứng với từng nội dung chi.

2.1.3.2. Quản lý chi NSNN được thực hiện trên cơ sở các tiêu chuẩn, định mức của Bộ Tài chính, của tỉnh và theo quy chế chi tiêu nội bộ

Các đơn vị sự nghiệp thể thao là các đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. Ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí cho các hoạt động nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao. Các khoản chi cho thể thao do NSNN cấp phải được quản lý chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích và trong phạm vi dự toán, từng nội dung chi theo tiêu chuẩn, định mức quy định của Nhà nước. Ngoài ra các đơn vị có trách nhiệm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ quản lý chi, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả và tăng cường công tác quản lý.

2.1.3.3. Quản lý chi NSNN mang tính chất thực hiện thường xuyên, liên tục và toàn diện theo chu trình ngân sách nhà nước

Trong một năm ngân sách phải quản lý tốt đồng thời 3 khâu trong chu trình quản lý chi NSNN từ lập dự toán, chấp hành dự toán đến quyết toán chi NSNN. Trong đó, việc lập dự toán chi NSNN phải thể hiện đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ chi. Trong khâu chấp hành dự toán chi NSNN phải lập và phân bổ ngân sách tương đối đều giữa các tháng trong quý, giữa các quý trong năm để tổ chức thực hiện tốt, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các khoản chi trong từng tháng, quý. Trong khâu quyết toán chi NSNN phải kiểm tra chặt chẽ các báo cáo chi ngân sách tháng, quý, đặc biệt là các báo cáo quyết toán chi ngân sách năm.

2.1.4. Nguyên tắc quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Chi cho các hoạt động thể thao là một trong những nội dung chi thường xuyên của NSNN, vì vậy nó tuân thủ nghiêm ngặt tất cả các nguyên tắc quản lý chi thường xuyên NSNN, cụ thể:

- Nguyên tắc quản lý theo dự toán

Dự toán là khâu mở đầu của một chu trình NSNN. Những khoản chi thường xuyên một khi đã được ghi vào dự toán chi và đã được cơ quan quyền lực nhà

nước xét duyệt được coi là chỉ tiêu pháp lệnh. Xét trên giác độ quản lý, số chỉ thường xuyên đã được ghi trong dự toán thể hiện sự cam kết của cơ quan chức năng quản lý tài chính nhà nước với các đơn vị thụ hưởng NSNN.

Thực hiện đúng nguyên tắc quản lý theo dự toán mới đảm bảo được yêu cầu cân đối của NSNN; tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều hành NSNN; hạn chế được tính tùy tiện trong quản lý và sử dụng kinh phí ở các đơn vị thụ hưởng NSNN.

Nguyên tắc quản lý theo dự toán được thể hiện:

Thứ nhất, mọi nhu cầu chi thường xuyên dự kiến cho năm kế hoạch phải được xác định trong dự toán kinh phí từ cơ sở, thông qua các bước xét duyệt của các cơ quan quyền lực nhà nước từ thấp đến cao. Khi các chỉ tiêu thuộc dự toán chi thường xuyên đã được thông qua thì các ngành, các cấp, các đơn vị phải có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh.

Thứ hai, trong quá trình tổ chức thực hiện, các đơn vị thụ hưởng ngân sách phải căn cứ vào dự toán kinh phí đã được phê duyệt mà phân bổ và sử dụng cho các khoản, mục chi và phải hạch toán theo đúng mục lục NSNN đã quy định.

Thứ ba, định kỳ, khi quyết toán kinh phí, các đơn vị thụ hưởng ngân sách cũng phải lấy dự toán làm căn cứ đối chiếu so sánh để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện của kỳ báo cáo.

- *Nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả:*

Tiết kiệm, hiệu quả là một trong những nguyên tắc quan trọng hàng đầu của quản lý kinh tế, tài chính, bởi lẽ nguồn lực thì luôn có giới hạn nhưng nhu cầu thì không có giới hạn. Do vậy, trong quá trình phân bổ và sử dụng nguồn lực khan hiếm đó luôn phải tính toán sao cho với chi phí ít nhất nhưng phải đạt hiệu quả một cách tốt nhất.

Mặt khác, do đặc thù của hoạt động NSNN diễn ra trên phạm vi rộng, đa dạng và phức tạp. Nhu cầu chi từ NSNN luôn gia tăng với tốc độ nhanh trong khi khả năng huy động nguồn thu có hạn nên càng phải tôn trọng nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý chi thường xuyên của NSNN.

- *Nguyên tắc chi trực tiếp qua Kho bạc nhà nước:*

Một trong những chức năng quan trọng của KBNN là quản lý quỹ NSNN. Vì vậy, KBNN vừa có quyền, vừa có trách nhiệm phải kiểm soát chặt chẽ mọi

khoản chi NSNN, đặc biệt là các khoản chi thường xuyên. Để tăng cường vai trò của KBNN trong kiểm soát chi thường xuyên của NSNN, hiện nay ở nước ta đã và đang thực hiện việc chi trực tiếp qua KBNN như là một nguyên tắc trong quản lý khoản chi này.

Để thực hiện được nguyên tắc chi trực tiếp qua KBNN cần phải giải quyết tốt một số vấn đề sau:

Thứ nhất, tất cả các khoản chi NSNN phải được kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau quá trình cấp phát, thanh toán. Các khoản chi phải có trong dự toán NSNN được duyệt, tuân thủ đúng cơ chế quản lý tài chính được phép áp dụng cho mỗi khoản chi và phải được thủ trưởng đơn vị sử dụng kinh phí NSNN hoặc người được ủy quyền quyết định chi.

Thứ hai, tất cả các cơ quan, đơn vị... sử dụng kinh phí NSNN phải mở tài khoản tại KBNN, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính, KBNN trong quá trình lập dự toán, phân bổ dự toán, cấp phát, thanh toán, hạch toán và quyết toán NSNN.

Thứ ba, cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm thẩm định dự toán và thông báo dự toán đã được thẩm tra cho các đơn vị thụ hưởng kinh phí ngân sách: kiểm tra việc sử dụng kinh phí, xét duyệt quyết toán chi của các đơn vị và tổng hợp quyết toán chi NSNN.

Thứ tư, KBNN có trách nhiệm kiểm tra các hồ sơ, chứng từ, điều kiện chi và thực hiện cấp phát, thanh toán kịp thời các khoản chi NSNN theo đúng quy định, phối hợp với các cơ quan tài chính, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để kiểm tra tình hình sử dụng NSNN và xác nhận số thực chi NSNN qua KBNN của các đơn vị.

KBNN có quyền tạm đình chỉ, từ chối thanh toán, chi trả và thông báo cho đơn vị sử dụng kinh phí NSNN biết, đồng thời gửi cơ quan tài chính đồng cấp giải quyết trong các trường hợp sau:

- Các khoản chi không có trong dự toán ngân sách được giao;
- Các khoản chi không phù hợp cơ chế quản lý tài chính mà đơn vị được phép áp dụng;
- Chưa được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền quyết định chi;

- Không đủ các điều kiện về chi theo quy định hiện hành về chi trực tiếp qua KBNN.

Thứ năm, mọi khoản chi NSNN được hạch toán bằng đồng Việt Nam theo từng niên độ ngân sách, từng cấp ngân sách và mục lục NSNN.

Thứ sáu, trong quá trình quản lý, cấp phát, quyết toán chi NSNN, các khoản chi sai phải thu hồi giảm chi. Căn cứ quyết định của cơ quan tài chính hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, KBNN thực hiện việc thu hồi giảm chi NSNN.

2.1.5. Nội dung hoạt động quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Công tác quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao là quá trình phân phối và sử dụng nguồn vốn của nhà nước nhằm duy trì và phát triển sự nghiệp thể thao. Đây là một khoản chi hết sức quan trọng, được diễn ra một cách thường xuyên, liên tục, đòi hỏi phải nắm rõ nội dung cụ thể của từng khoản chi để tiến hành chính xác, hiệu quả.

Quản lý chi NSNN nói chung và chi cho sự nghiệp thể thao nói riêng là quản lý theo chu trình ngân sách gồm ba khâu là: lập dự toán chi ngân sách; chấp hành dự toán chi ngân sách và quyết toán chi ngân sách.

Bên cạnh chu trình quản lý trên, quản lý chi NSNN còn bao gồm cả việc kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chi NSNN.

2.1.2.1. Mô hình và tổ chức bộ máy quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

- Về phân cấp quản lý NSNN:

Phân cấp quản lý NSNN là việc xác định phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách trong việc quản lý NSNN phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội. (Luật Ngân sách nhà nước, 2015)

Mục đích phân cấp quản lý NSNN là tăng cường hiệu quả sử dụng NSNN, phát huy tính chủ động của địa phương, khuyến khích cung cấp hiệu quả hàng hóa công cộng, tăng cường năng lực quản lý của các cấp chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho việc giám sát NSNN.

- Về tổ chức bộ máy quản lý chi NSNN cho thể thao:

Các cơ quan tham gia quản lý chi NSNN cho thể thao gồm: Các cơ quan Trung ương: Bộ Tài chính, Bộ VH-TT-DL và Kho bạc Nhà nước trung ương; các cơ quan quản lý ở địa phương: Sở Tài chính, Sở VH-TT-DL và KBNN nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch; các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở Tài chính và Sở VH-TT-DL thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc ngành thể thao.

Các đơn vị thực hiện chi NSNN cho thể thao: là các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc ngành thể thao.

2.1.2.2. Quản lý công tác lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Dự toán là một trong những công cụ quan trọng được sử dụng trong quản lý điều hành NSNN. Đối với quản lý chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL, lập dự toán chi ngân sách là khâu mở đầu quan trọng cho toàn bộ chu trình NSNN, nhằm mục đích để phân tích, đánh giá các khoản thu, chi tài chính trên cơ sở khoa học và thực tiễn, từ đó đưa ra các chỉ tiêu thu, chi tài chính sát với thực tế sao cho có hiệu quả nhất. Điều đó đòi hỏi việc lập dự toán chi ngân sách phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải phản ánh đầy đủ chính xác các khoản chi dự kiến theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước.
- Việc lập dự toán phải theo từng lĩnh vực chi
- Phải đảm bảo nguyên tắc cân đối, chi phải có nguồn đảm bảo.
- Lập dự toán phải đúng theo nội dung, biểu mẫu quy định, đúng thời gian, phải thể hiện đầy đủ các khoản thu chi theo Mục lục NSNN và hướng dẫn của Bộ Tài chính gửi kịp thời cho các cơ quan chức năng của nhà nước xét duyệt.
- Dự toán được lập phải kèm theo các báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán.

Căn cứ lập dự toán chi NSNN cho sự nghiệp thể thao hàng năm:

- Căn cứ vào chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp thể thao và dự toán ngân sách năm sau. Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập dự toán ngân sách và văn bản hướng dẫn của Bộ ngành liên quan.
- Căn cứ vào các chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội nói chung và kế hoạch phát triển sự nghiệp thể thao nói riêng của Nhà nước.

- Chế độ tiêu chuẩn, định mức chi NSNN cho sự nghiệp thể thao và khả năng nguồn kinh phí có thể đáp ứng được.

- Tình hình thực hiện dự toán năm trước.

Quy trình lập dự toán:

Theo phương pháp lập từ cơ sở lên, các đơn vị sự nghiệp thể thao là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách có trách nhiệm tổng hợp, xác định nhu cầu chi để lập dự toán chi năm kế hoạch cho đơn vị mình gửi lên Phòng Kế hoạch – Tài chính của Sở VH-TT-DL xét duyệt theo những căn cứ đã nêu ở trên. Phòng Kế hoạch – Tài chính xem xét tính hợp lệ, đúng đắn của dự toán cho các đơn vị trực thuộc và trình lên UBND tỉnh và Sở tài chính phê duyệt.

Dự toán sau khi đã được cơ quan các cấp có thẩm quyền duyệt và thông qua sẽ được Phòng Kế hoạch – Tài chính của Sở VH-TT-DL phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng kinh phí thể thao.

2.1.2.3. Quản lý việc chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Chấp hành dự toán là khâu tiếp theo khâu lập dự toán trong chu trình ngân sách. Chấp hành dự toán chi NSNN là quá trình sử dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế – tài chính và hành chính nhằm biến các chỉ tiêu chi NSNN ghi trong dự toán ngân sách trở thành hiện thực.

Thời gian chấp hành dự toán chi ngân sách ở nước ta được pháp luật quy định tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Trong quá trình chấp hành dự toán chi NSNN cho sự nghiệp thể thao cần dựa trên những căn cứ sau:

- Dựa vào định mức chi đã được duyệt của từng chỉ tiêu trong dự toán.

- Dựa vào khả năng nguồn kinh phí NSNN có thể đáp ứng chi cho sự nghiệp thể thao. Mức chi trong dự toán mới chỉ là con số dự kiến, khi thực hiện phải căn cứ vào điều kiện thực tế của năm kế hoạch mới chuyển hóa được chỉ tiêu dự kiến thành hiện thực.

- Dựa vào định mức, chế độ chi NSNN hiện hành. Đây là căn cứ pháp lý có tính chất bắt buộc mà quá trình chấp hành dự toán phải tuân thủ, là căn cứ để đánh giá tính hợp lệ, hợp pháp của việc sử dụng các khoản chi.

Những yêu cầu đặt ra đối với quá trình chấp hành dự toán chi NSNN cho sự nghiệp thể thao là:

- Đảm bảo phân phối nguồn kinh phí một cách hợp lý tập trung có trọng điểm trên cơ sở dự toán chi đã được duyệt.

- Đảm bảo việc cấp phát kinh phí kịp thời, chặt chẽ, cấp phát theo đúng định mức được duyệt, tránh mọi sơ hở gây thất thoát, lãng phí vốn của NSNN.

- Trong quá trình sử dụng các khoản chi ngân sách phải hết sức tiết kiệm, đúng chính sách chế độ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của mỗi khoản chi.

- Trong quá trình cấp phát NSNN đòi hỏi phải có sự giám sát, điều phối chặt chẽ giữa các cơ quan, nhất là giữa Phòng Kế hoạch – Tài chính với KBNN.

Việc cấp phát kinh phí:

Dựa trên cơ sở dự toán được duyệt, Phòng Kế hoạch – Tài chính của Sở VH-TT-DL gửi thông báo hạn mức kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp thể thao và thông báo với KBNN. Thông báo này ghi chi tiết hạn mức được phân bổ theo thời gian từng tháng, từng quý. Theo nhu cầu chi tiêu của đơn vị mình, các đơn vị rút hạn mức kinh phí từ Kho bạc về chi tiêu.

Trước đó, các đơn vị phải mở tài khoản hạn mức tại KBNN. Ngoài ra còn phải mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc để thực hiện các khoản giao dịch cần thiết khác. Định kỳ, các đơn vị thụ hưởng còn có nhiệm vụ báo cáo tình hình thực hiện chi NSNN của đơn vị mình gửi lên cơ quan tài chính cấp trên để cơ quan tài chính cấp trên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chi tiêu và sử dụng ngân sách. Trường hợp phát hiện các khoản chi vượt quá mức cho phép, sai chính sách, chế độ hoặc đơn vị không chấp hành chế độ báo cáo thì có quyền yêu cầu KBNN tạm dừng thanh toán.

Nội dung chi NSNN cho thể thao:

Chi NSNN cho thể thao là một trong các khoản chi thuộc nhóm chi sự nghiệp văn hóa xã hội của nhiệm vụ chi thường xuyên, bao gồm các nhóm chi sau:

Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân

Đây là khoản chi nhằm đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, huấn luyện viên và người lao động để họ yên tâm công tác.

Các khoản chi này bao gồm: Tiền lương, tiền công và phụ cấp lương; tiền thưởng; các khoản đóng góp theo tiền lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn); các khoản thanh toán khác cho cá nhân như tiền ăn, công tác phí, trợ cấp, phụ cấp khác...

Nhóm 2: Chi cho nghiệp vụ chuyên môn

Là các khoản chi dùng cho mua sắm hàng hoá, vật tư, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên và công tác tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao; các khoản chi phục vụ cho việc đi thi đấu các giải thể thao trong nước cũng như quốc tế như: Đồng phục, trang phục; sách, tài liệu chuyên môn; thiết bị tập luyện cho từng môn thi đấu.

Nhóm 3: Chi quản lý hành chính

Đây là các khoản chi phục vụ cho hoạt động quản lý thường xuyên tại các văn phòng thuộc các đơn vị.

Các khoản chi này bao gồm: Văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ văn phòng; thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, vệ sinh, môi trường, bưu điện...); thông tin, tuyên truyền, liên lạc (điện thoại, internet); thi phí thuê mướn; chi đoàn đi công tác.

Nhóm 4: Chi mua sắm, sửa chữa lớn và xây dựng nhỏ

Các khoản chi này bao gồm: chi phí để mua sắm thêm các tài sản (kể cả tài sản cố định) hay sửa chữa lớn các tài sản, các cơ sở hạ tầng đang trong quá trình sử dụng, nhằm phục vụ kịp thời cho nhu cầu hoạt động và nâng cao hiệu suất sử dụng của các tài sản đó.

Các khoản chi này không có định mức chi cụ thể mà phụ thuộc vào tình hình sử dụng và tình trạng của tài sản tại các đơn vị.

Nhóm 5: Chi các khoản khác

Thuộc phạm vi các khoản chi khác nằm trong cơ cấu chi thường xuyên của NSNN như chi các khoản phí, lệ phí; chi hỗ trợ; chi tiếp khách...

2.1.2.4. Quản lý quyết toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Quyết toán là khâu cuối cùng của một chu trình ngân sách. Đó là việc tổng kết lại quá trình thực hiện dự toán ngân sách năm, sau khi năm ngân sách kết thúc nhằm đánh giá toàn bộ kết quả hoạt động của một năm ngân sách, từ đó rút ra các ưu, nhược điểm và bài học kinh nghiệm cho những chu trình ngân sách tiếp theo.

Khi quyết toán chi ngân sách cho sự nghiệp thể thao cần chú ý các yêu cầu cơ bản sau:

- Phải lập đầy đủ và gửi kịp thời các loại báo cáo tài chính cho các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt theo đúng chế độ đã quy định. Việc xét duyệt quyết toán năm đối với những khoản chi cho thể thao phải được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- + Xét duyệt từng khoản phát sinh tại đơn vị.
- + Các khoản chi phải đảm bảo đủ các điều kiện chi.
- + Các khoản chi phải hạch toán theo đúng chế độ kế toán, đúng mục lục NSNN và đúng niên độ ngân sách.
- + Các chứng từ chi phải hợp pháp, sổ sách và báo cáo quyết toán phải khớp với chứng từ và khớp với số liệu của KBNN.

- Phải đảm bảo tính trung thực, chính xác đối với các số liệu trong báo cáo; nội dung báo cáo tài chính phải theo đúng các nội dung trong dự toán và theo đúng mục lục NSNN đã quy định.

- Báo cáo quyết toán năm phải có xác nhận của KBNN đồng cấp trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

- Báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán không được để xảy ra tình trạng quyết toán chi lớn hơn thu.

- Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp trên có trách nhiệm kiểm tra và duyệt quyết toán chi ngân sách của các đơn vị trực thuộc.

Trình tự lập, gửi, xét duyệt báo cáo quyết toán như sau:

- Đối với các đơn vị dự toán (các đơn vị sự nghiệp thể thao): Sau khi thực hiện xong công tác khóa sổ cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm, số liệu trên sổ sách của mỗi đơn vị phải đảm bảo cân đối và khớp đúng với số liệu của Kho bạc cả về tổng số và chi tiết, sau đó đơn vị mới được tiến hành lập báo cáo quyết toán năm để gửi lên Phòng Kế hoạch – Tài chính của Sở xét duyệt.

- Đối với Phòng Kế hoạch – Tài chính của Sở: Có trách nhiệm xét duyệt quyết toán năm và thông báo kết quả quyết toán năm cho các đơn vị dự toán. Trong quá trình quyết toán, cơ quan tài chính có quyền xuất toán thu hồi các khoản chi không đúng chế độ và không có trong dự toán được duyệt. Đồng thời ra lệnh nộp các khoản không đúng chế độ này vào KBNN.

Sau khi đã thẩm tra, xét duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán, Phòng Kế hoạch – Tài chính tiến hành tổng hợp báo cáo quyết toán NSNN trình lên cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

2.1.2.5. Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý chi NSNN cho thể thao không thể thiếu vai trò của công tác kiểm tra, kiểm soát, đặc biệt trong quá trình thực hiện dự toán chi NSNN. Quá trình kiểm tra, kiểm soát đảm bảo cho việc thực hiện ngân sách đúng chính sách, chế độ, pháp luật của Nhà nước, đồng thời giúp cho việc sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu đề ra. Quá trình này có nhiều cơ quan tham gia như: Cơ quan tài chính, Cơ quan chủ quản, Kho bạc nhà nước, Thanh tra tài chính, Đơn vị sử dụng ngân sách. Trong đó, các Bộ, Sở và cơ quan các đơn vị dự toán cấp trên chịu trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành các chế độ thu, chi và quản lý ngân sách, quản lý tài sản của các đơn vị trực thuộc và hướng dẫn các đơn vị này thực hiện công tác kiểm tra nội bộ. Cơ quan tài chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, định kỳ đối với các đơn vị sử dụng ngân sách. Thanh tra tài chính có nhiệm vụ thanh tra việc chấp hành thu, chi và quản lý tài sản nhà nước của các tổ chức, xem xét giải quyết các đơn khiếu nại về tài chính, kiểm tra các vụ việc đã xảy ra trong hoạt động quản lý ngân sách. Các tổ chức cá nhân có nhiệm vụ thu, nộp NSNN, sử dụng vốn, kinh phí NSNN và quản lý các khoản thu, chi tài chính phải tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo kế toán các khoản thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và mục lục NSNN.

Cơ quan KBNN tiến hành kiểm soát hồ sơ của các đơn vị sử dụng NSNN, bao gồm:

- Kiểm soát, đối chiếu các khoản chi so với dự toán NSNN được giao, đảm bảo các khoản chi có trong dự toán.
- Kiểm tra, kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, chứng từ theo quy định đối với từng khoản chi.
- Kiểm tra, kiểm soát các khoản chi đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.
- KBNN được quyền từ chối, không chấp nhận thanh toán, chi trả nếu các khoản chi không đủ điều kiện chi.

Quá trình kiểm tra, kiểm soát đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị nhằm mục tiêu đưa công tác quản lý chi NSNN theo đúng khuôn khổ pháp lý, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao nhưng vẫn đảm bảo tính chủ động cho các đơn vị sử dụng NSNN.

2.1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

2.1.3.1. Cơ chế, chính sách của Nhà nước về quản lý chi ngân sách nhà nước

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, pháp luật đã trở thành một bộ phận không thể thiếu trong việc quản lý Nhà nước nói chung và quản lý chi NSNN nói riêng. Hệ thống pháp luật với vai trò hướng dẫn và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trong xã hội hoạt động theo trật tự, trong khuôn khổ pháp luật, đảm bảo sự công bằng, an toàn và hiệu quả đòi hỏi phải rất đầy đủ, chuẩn tắc và đồng bộ. Vì vậy, hệ thống pháp luật, các chính sách liên quan đến quản lý chi NSNN sẽ có tác dụng kìm hãm hay thúc đẩy hoạt động quản lý hiệu quả hay không hiệu quả chi NSNN cho thể thao.

Cơ chế, chính sách về quản lý chi NSNN được thể hiện dưới hình thức những văn bản của Nhà nước, có tính quy phạm pháp luật, chi phối và tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động trong quy trình quản lý chi NSNN từ khâu lập dự toán, chấp hành dự toán đến khâu quyết toán chi.

Cơ chế, chính sách về quản lý chi NSNN bao gồm:

- Các quy định về phạm vi, đối tượng; về phân cấp nhiệm vụ chi, quản lý chi của các cấp chính quyền.
- Các quy định về trình tự, nội dung lập, chấp hành và quyết toán chi NSNN.
- Các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong quá trình quản lý chi NSNN.
- Các quy định về nguyên tắc, chế độ, định mức chi NSNN.

Cơ chế, chính sách được ban hành có đúng đắn, hợp lý, phù hợp với thực tiễn mới tạo điều kiện cho hoạt động quản lý chi NSNN đạt được hiệu quả.

2.1.3.2. Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước

Hoạt động chi NSNN cho thể thao được triển khai có thuận lợi và hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào tổ chức bộ máy quản lý NSNN và quy trình

ng nghiệp vụ, trong đó đặc biệt là quy trình nghiệp vụ quản lý. Tổ chức bộ máy và quy trình quản lý, quyền hạn trách nhiệm của từng khâu, từng bộ phận, mối quan hệ của từng bộ phận trong quá trình thực hiện từ lập, chấp hành, quyết toán và kiểm toán chi NSNN có tác động rất lớn đến quản lý chi NSNN. Tổ chức bộ máy quản lý chặt chẽ thì chất lượng quản lý sẽ được nâng cao, đồng thời sẽ hạn chế được tình trạng sai phạm trong quản lý. Quy trình quản lý được bố trí càng khoa học, rõ ràng thì càng góp phần quan trọng làm nâng cao chất lượng của thông tin tới cấp ra quyết định quản lý chi NSNN, giảm các yếu tố sai lệch thông tin. Từ đó nâng cao được hiệu quả quản lý chi NSNN cho thể thao.

2.1.3.3. Khả năng về nguồn lực ngân sách nhà nước

Dự toán về chi ngân sách cho sự nghiệp thể thao được lập luôn luôn dựa và tính toán có khoa học của nguồn thu ngân sách, tức là căn cứ vào thực tiễn thu ngân sách các năm trước và dự báo tăng thu trong năm nay mà đề ra kế hoạch thu ngân sách, vì vậy, chi ngân sách cho sự nghiệp thể thao tại mỗi địa phương không được vượt quá thu ngân sách dành cho đầu tư, đồng thời cũng căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương để lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp thể thao hàng năm. Đối với các địa phương có nguồn thu lớn, không phụ thuộc vào ngân sách nhà nước cấp thì chủ động hơn trong việc lập dự toán chi ngân sách và quản lý chi ngân sách cho sự nghiệp thể thao của địa phương mình.

2.1.3.4. Năng lực quản lý của người lãnh đạo và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý trong bộ máy quản lý ngân sách nhà nước

Con người là trung tâm của mọi hoạt động trong xã hội, cơ chế quản lý tài chính sẽ khuyến khích hay hạn chế sự phát triển của đơn vị tùy thuộc vào năng lực trình độ của người vận dụng nó.

Trước hết, người lãnh đạo bộ máy quản lý NSNN phải có tầm hiểu biết sâu rộng, trình độ, chuyên môn tốt trong lĩnh vực mà mình quản lý để đề ra chiến lược trong hoạt động ngân sách; đưa ra được các kế hoạch triển khai các công việc hợp lý, rõ ràng; tạo nên một cơ cấu tổ chức hợp lý, có hiệu quả, có sự phân định rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn giữa các nhân viên, cũng như giữa các khâu, các bộ phận của bộ máy quản lý NSNN tại đơn vị. Nếu năng lực của người lãnh đạo yếu, bộ máy tổ chức không hợp lý, các chiến lược không phù hợp với thực tế thì việc quản lý chi tiêu nguồn lực tài chính công sẽ không hiệu quả, dễ gây tình trạng chi

vượt quá thu, chi đầu tư giàn trải, phân bổ chi thường xuyên không hợp lý; có thể dẫn đến tình trạng thất thoát và lãng phí ngân sách nhà nước.

Ngoài năng lực chuyên môn thì người lãnh đạo cũng cần tránh chạy theo bệnh thành tích, bệnh quan liêu mệnh lệnh, thiếu ý thức chịu trách nhiệm, thậm chí là sa sút về phẩm chất đạo đức, lối sống như đòi hỏi lộ, đưa đút lót, thông đồng, móc ngoặc, gian lận... Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng không tốt tới quá trình quản lý chi ngân sách nhà nước gây giảm hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước nghiêm trọng.

Cùng với năng lực quản lý của người lãnh đạo thì năng lực, trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả chi NSNN. Nếu đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách có trình độ chuyên môn tốt, ý thức trách nhiệm cao sẽ giảm thiểu được những sai sót không đáng có, đảm bảo các khoản chi được chi đúng theo nội dung chi, nguyên tắc chi và quy định của pháp luật về ngân sách.

2.1.3.5. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát tài chính của bộ máy quản lý ngân sách nhà nước

Với bất kỳ cơ chế quản lý nào đều phải được giám sát thực hiện bởi một hệ thống kiểm tra, kiểm soát, đặc biệt là cơ chế quản lý tài chính. Đây có thể là công tác kiểm tra nội bộ trong đơn vị hay là sự giám sát của các cơ quan khác ngoài đơn vị như cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm toán... Trong quá trình quản lý, điều hành ngân sách, thực thi các nhiệm vụ của mình, đơn vị không thể tránh khỏi có những sai sót. Việc kiểm tra, kiểm soát sẽ tìm ra những sai sót đó để từ đó kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý, khắc phục. Đặc biệt là khi có người vô tình lợi dụng kẽ hở của quản lý tài chính để tham ô, tham nhũng. Chính vì vậy, việc kiểm tra, giám sát là rất cần thiết và có ảnh hưởng trực tiếp đến cơ chế quản lý tài chính của đơn vị.

2.1.3.6. Công nghệ thông tin trong quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Việc ứng dụng công nghệ tin học vào trong cuộc sống ngày nay đã và đang thực sự chứng tỏ vai trò không thể thiếu được của nó. Thực tế đã chứng minh với việc ứng dụng công nghệ tin học vào trong công tác quản lý chi NSNN nói chung và quản lý chi NSNN cho thể thao ở địa phương nói riêng sẽ giúp tiết kiệm được thời gian xử lý công việc, đảm bảo được tính chính xác, nhanh chóng và thống

nhất về mặt dữ liệu, tạo tiền đề cho những quy trình cải cách về mặt nghiệp vụ một cách hiệu quả. Chính vì lẽ đó mà công nghệ tin học là một trong những nhân tố ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quản lý chi NSNN cho thể thao tại địa phương.

2.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO THỂ THAO

2.2.1. Kinh nghiệm quản lý chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thể thao ở một số địa phương nước ta

2.2.1.1. Kinh nghiệm của Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh Bắc Giang

Trong những năm qua, mặc dù kinh tế của tỉnh Bắc Giang vẫn còn gặp nhiều khó khăn, ngân sách còn hạn chế song nhận thức được tầm quan trọng của thể thao đối với sức khỏe của con người cũng như đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách tỉnh đã cố gắng hết mình để đầu tư cho công tác này. Số chi ngân sách tỉnh cấp cho ngành thể thao của Sở năm sau luôn cao hơn năm trước, cụ thể: năm 2014 là 20.970 triệu đồng, năm 2015 là 21.566 triệu đồng, năm 2016 là 24.233 triệu đồng. Các trung tâm thể thao trực thuộc Sở là Trung tâm huấn luyện & thi đấu thể dục thể thao và Trường năng khiếu thể thao được đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị luyện tập nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên và tổ chức các giải thi đấu của tỉnh, quốc gia cũng như quốc tế.

Đầu tư cho thể thao tỉnh ngoài nguồn vốn từ NSNN còn có nguồn vốn ngoài ngân sách từ công tác xã hội hóa. Công tác xã hội hóa trong hoạt động thể dục thể thao của tỉnh ngày càng được đẩy mạnh. Hàng năm, Sở VH-TT-DL nhận được sự tài trợ của các doanh nghiệp cho các giải thể thao lớn, điển hình như: Năm 2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tài trợ hàng trăm triệu đồng cho các giải Cầu lông, Quần vợt và Việt dã của tỉnh; Công ty Đại Hoàng Sơn tài trợ Giải Quần vợt mở rộng 900 triệu đồng; Công ty trách nhiệm hữu hạn Ba Sao tài trợ 200 triệu đồng cho Giải cầu lông các câu lạc bộ mở rộng... Đặc biệt, vừa qua, Công ty cổ phần Dịch vụ cáp treo Tây Yên Tử đã ký kết chương trình tài trợ cho cầu lông Bắc Giang 1,8 tỷ đồng trong vòng ba năm. Nguồn kinh phí này được sử dụng cho việc thuê chuyên gia nước ngoài về phụ trách công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên.

Cùng với sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Nhà nước và Đảng ủy tỉnh Bắc Giang, cùng với sự cố gắng của toàn thể cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên

trong các trung tâm, chất lượng của ngành thể thao đã đạt được những thành tích đáng kể. Năm 2016, tỉnh Bắc Giang tham gia hơn 50 giải thi đấu quốc tế và quốc gia đạt 172 huy chương các loại, trong đó có 50 huy chương vàng, 47 huy chương bạc và 75 huy chương đồng.

Quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Giang được thực hiện theo quy trình liên tục, cùng với chu trình chi NSNN, gồm 03 khâu: Lập dự toán chi ngân sách nhà nước, chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước và quyết toán chi ngân sách nhà nước. Ở tất cả các khâu đều được thực hiện với nhiều chuyển biến tích cực. Khâu lập dự toán đã bám sát các định mức phân bổ ngân sách, định mức sử dụng ngân sách cũng như nhiệm vụ của từng đơn vị. Kinh phí chi thường xuyên được quản lý sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích. Công tác kiểm soát chi qua KBNN ngày càng chặt chẽ và hiệu quả. Trong quản lý chi NSNN đã thực hiện nghiêm túc cơ chế tự chủ tài chính và khoán kinh phí hành chính.

Tuy nhiên, công tác quản lý chi NSNN tại Sở VH-TT-DL Bắc Giang vẫn còn một số tồn tại hạn chế cần khắc phục như công tác lập dự toán còn chậm về mặt thời gian và thường bị phụ thuộc, việc phân bổ dự toán ở đơn vị sử dụng ngân sách chưa được thực hiện tốt, vẫn còn tình trạng lãng phí trong chi thường xuyên, công tác quyết toán ngân sách cuối năm vẫn còn bị chậm, không đáp ứng đúng thời gian quy định.

2.2.1.1. Kinh nghiệm của Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh Phú Thọ

Cùng với những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, sự nghiệp thể dục thể thao của tỉnh Phú Thọ đã có những bước phát triển mạnh cả về bề rộng lẫn chiều sâu, đạt được những kết quả tích cực.

Chất lượng phong trào thể thao quần chúng được nâng cao, ổn định và đi vào nề nếp, đẩy mạnh công tác xã hội hoá thể dục thể thao, tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội chủ động hoạt động. Phú Thọ tiếp tục thực hiện tốt “*Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về công tác thể dục thể thao. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 438.044 người thường xuyên tập thể dục thể thao (đạt 31% dân số của tỉnh); số gia đình luyện tập thể dục thể thao thường xuyên là 96.274 gia đình (đạt 25,4% tổng số gia đình toàn tỉnh).

Về Thể thao thành tích cao: Công tác phát triển lực lượng vận động viên và nâng cao thành tích thể thao cũng đã từng bước đạt được những kết quả bền vững và đáng phấn khởi. Năm 2015, tỉnh Phú Thọ đào tạo 214 vận động viên thể thao

năng khiếu, 120 vận động viên thể thao thành tích cao; tham gia thi đấu 33 giải thể thao khu vực và toàn quốc đoạt 149 huy chương các loại (30 huy chương vàng, 27 huy chương bạc, 92 huy chương đồng). Toàn tỉnh có 82 vận động viên đạt đẳng cấp (14 vận động viên kiện tướng, 68 vận động viên cấp I); 06 vận động viên tham gia đội tuyển trẻ Quốc gia giành được 03 huy chương vàng, 03 huy chương bạc, 01 huy chương đồng tại các giải khu vực Đông Nam Á và quốc tế.

Công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao trong những năm gần đây đã có những thay đổi tích cực trong quản lý, định hướng phát triển các môn thể thao mũi nhọn, áp dụng khoa học kỹ thuật trong huấn luyện nhằm đảm bảo thành tích của các vận động viên phát triển bền vững hướng tới Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018 và những năm tiếp theo.

Về cơ sở vật chất sân bãi dụng cụ tập luyện TDTT từ chỗ toàn tỉnh có 3, 4 sân bóng đá đơn giản đến nay đã có 01 Trung tâm Huấn luyện TDTT tỉnh, 01 Trường Năng khiếu TDTT tỉnh, 01 Trung tâm quản lý khai thác khu liên hợp TDTT tỉnh.

Phú Thọ được đánh giá là tỉnh có các thiết chế TDTT thuộc tốp đầu của khu vực phía Bắc với hệ thống nhà thi đấu, sân vận động và bể bơi hiện đại, liên hoàn có thể đăng cai tổ chức tốt các giải thi đấu của Quốc gia và khu vực. Ba công trình lớn gồm: Nhà luyện tập và thi đấu TDTT, sân vận động trung tâm, Bể bơi được coi là điểm nhấn về thiết chế TDTT tỉnh nhà.

Đạt được những thành tích như trên là nhờ nhận được sự quan tâm đầu tư, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp tích cực, có hiệu quả của các ngành, đơn vị liên quan, cùng với sự đoàn kết, nỗ lực phấn đấu quyết tâm cao của lãnh đạo Sở VH-TT-DL Phú Thọ, đội ngũ cán bộ, nhân viên, huấn luyện viên và vận động viên. Ngoài ra, cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ tập luyện một số môn thể thao tại các trung tâm trực thuộc Sở cũng được quan tâm đầu tư; chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên và vận động viên cũng dần được cải thiện...

Bên cạnh những thuận lợi trên, thể thao Phú Thọ còn gặp một số khó khăn đó là: Công tác phối hợp, liên kết giữa các tuyến phong trào TDTT quần chúng, năng khiếu thể thao và thể thao thành tích cao phát triển chưa đồng bộ, do vậy chưa khai thác, phát huy được hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương; công tác quản lý và đảm bảo chế độ dinh dưỡng cho vận động viên còn gặp khó khăn do chưa có nhà ở, bếp ăn tập trung cho vận động viên; địa điểm tập luyện một số

môn thể thao không ổn định, do vậy ảnh hưởng ít nhiều tới chất lượng tập luyện các đội tuyển; nguồn ngân sách cho tuyển chọn vận động viên, huấn luyện viên giỏi một số môn gặp khó khăn, điều đó ảnh hưởng không nhỏ tới thành tích thi đấu thể thao.

Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, đưa thể thao của tỉnh ngày một phát triển, Sở VH-TT-DL Phú Thọ đã chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực để đầu tư cho công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên và có cơ chế chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút các huấn luyện viên giỏi ở Trung ương và tỉnh ngoài về giúp tỉnh huấn luyện đào tạo vận động viên; đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, thiết bị tập luyện và nhà ăn cho vận động viên nhằm đảm bảo chất lượng tập luyện cho vận động viên.

Thực hiện chế độ khen thưởng kịp thời đối với các vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích cao trong các giải thi đấu; các cán bộ làm công tác quản lý trong đó có cán bộ quản lý ngân sách một cách chính xác, công khai, minh bạch, qua đó đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển sự nghiệp TDTT, góp phần hiệu quả tuyên truyền vận động nhân dân phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh

Từ kinh nghiệm về quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao ở một số địa phương nước ta có thể rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chi NSNN của Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh như sau:

- Để phát triển sự nghiệp TDTT thì cần phải quản lý tốt nguồn ngân sách hạn hẹp đồng thời phải thực hiện xã hội hoá TDTT bằng cách huy động nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài.

- Cơ chế quản lý chi NSNN cho thể thao cần kết hợp chặt chẽ giữa Trung ương và địa phương. Trung ương chỉ đạo thống nhất cả nước về cơ chế chính sách vĩ mô, về mục tiêu phát triển nhưng địa phương phải được vận dụng để phù hợp với các điều kiện cụ thể về tự nhiên, về con người và đặc biệt là phù hợp với ngân sách địa phương.

- Thực hiện phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách. Trao quyền chủ động nhiều hơn cho ngân sách cấp dưới trong việc phê duyệt các dự toán chi xuất phát từ nhu cầu và điều kiện thực tế của các trung tâm thể thao trực thuộc.

- Xác định đầu tư có trọng điểm các môn thể thao có lợi thế, truyền thống và mũi nhọn của Bắc Ninh, tránh tình trạng đầu tư một cách dàn trải, lãng phí nguồn ngân sách địa phương.

- Cùng với việc lập dự toán ngân sách, hàng năm các đơn vị trực thuộc phải xây dựng kế hoạch tài chính và chỉ tiêu trung hạn. Mục tiêu việc xây dựng kế hoạch tài chính và chỉ tiêu trung hạn là để tăng cường hiệu quả trong việc phân bổ nguồn lực ngân sách, gắn kế hoạch hàng năm với kế hoạch trung hạn.

- Có chính sách lương, thưởng hợp lý đối với cán bộ nhân viên, huấn luyện viên, vận động viên có thành tích nổi bật; tạo điều kiện để họ nâng cao trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng thể thao cũng như hoàn thành mọi mục tiêu kế hoạch mà tỉnh đã đề ra.

- Thường xuyên thanh kiểm tra công tác lập, chấp hành và quyết toán chi NSNN.

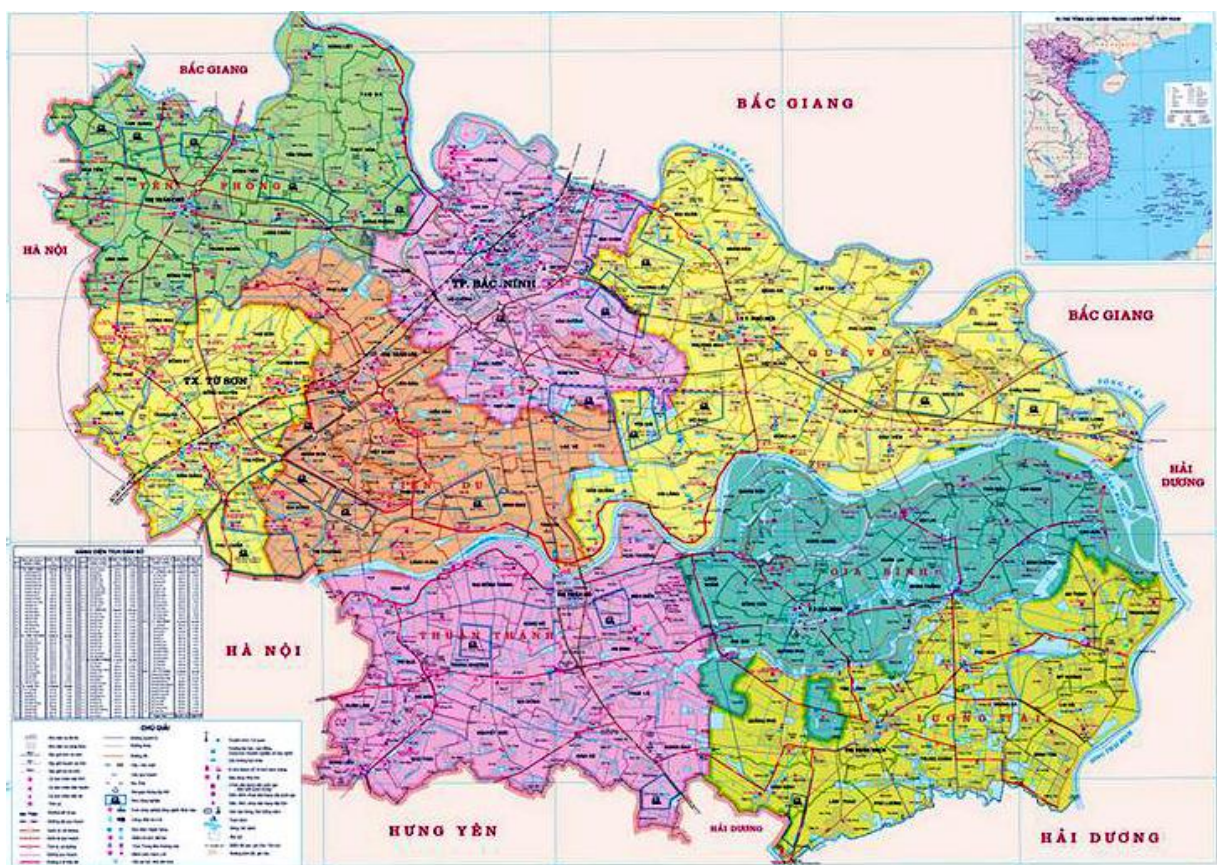
PHẦN 3

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

3.1.1. Giới thiệu chung về tỉnh Bắc Ninh

Bắc Ninh là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng, nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của thủ đô Hà Nội. Tỉnh có địa giới hành chính tiếp giáp với các tỉnh: Bắc Giang ở phía Bắc, Hải Dương ở phía Đông Nam, Hưng Yên ở phía Nam và thủ đô Hà Nội ở phía Tây. Theo số liệu thống kê năm 2016 tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên 823km² với tổng dân số 1.214.000 người.



Hình 3.1: Bản đồ hành chính tỉnh Bắc Ninh

Vùng đất trù phú nơi đây khi xưa vốn là “xứ Kinh Bắc”, nổi tiếng với nhiều làng nghề và các lễ hội dân gian phong phú diễn ra hàng năm. Vào năm 1822, xứ Kinh Bắc được Nhà Nguyễn đổi tên thành tỉnh Bắc Ninh. Đến tháng 10.1962, theo Nghị quyết của Quốc hội Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tỉnh Bắc Ninh sáp nhập với tỉnh Bắc Giang thành tỉnh Hà Bắc. Từ đó “Bắc Ninh” chỉ còn là tên của một đơn vị hành chính trong tỉnh Hà Bắc và có tên gọi là Thị xã Bắc Ninh. Sau đó, đến ngày 6.11.1996, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 9 kỳ họp thứ 10 đã ra Nghị quyết tái lập tỉnh Bắc Ninh.

Nhìn từ vệ tinh, tỉnh Bắc Ninh nằm ở phía Bắc của đồng bằng châu thổ Sông Hồng, địa hình tương đối bằng phẳng, được ngăn cách với vùng trung du và miền núi phía Bắc bởi hệ thống sông Cầu. Ngoài ra, Bắc Ninh còn có hai hệ thống sông lớn là sông Thái Bình và sông Đuống. Hệ thống sông ngòi đã tạo nên một mạng lưới vận tải đường thủy quan trọng, kết nối các địa phương trong tỉnh và nối liền tỉnh Bắc Ninh với các tỉnh khác trong vùng đồng bằng sông Hồng. Ngoài ra, chúng còn tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nông nghiệp và sinh hoạt của dân cư trong tỉnh.

Bắc Ninh ở vị trí thuận lợi về giao thông đường bộ và đường không. Các tuyến đường huyết mạch: Quốc lộ 1A, 1B, quốc lộ 18, quốc lộ 38, đường sắt Hà Nội- Lạng Sơn, Hà Nội- Quảng Ninh nối liền Bắc Ninh với các trung tâm kinh tế, văn hóa và thương mại của khu vực phía Bắc Việt Nam, với cảng hàng không quốc tế Nội Bài và liên thông với hệ thống các trục đường quốc lộ đến với mọi miền trong cả nước.

Bắc Ninh không giàu về tài nguyên khoáng sản và cũng ít tài nguyên rừng, nhưng vô cùng phong phú về tài nguyên nhân văn. Đây là một trong những miền quê “địa linh nhân kiệt”, một trong những nơi hội tụ nhiều nhất các di tích lịch sử, văn hóa. Tiêu biểu là chùa, đền, đình, miếu, các loại hình nghệ thuật dân gian gắn liền với các lễ hội, các làng nghề truyền thống. Đặc biệt, các làn điệu dân ca quan họ không những đã trở thành di sản văn hóa của cả nước mà còn vượt qua mọi không gian, thời gian đến với bạn bè quốc tế.

Nhờ vị trí địa lý thuận lợi cùng với các cơ chế và giải pháp phát triển kinh tế hợp lý, Bắc Ninh đã và đang khai thác các tiềm năng hiện có của tỉnh để trở thành một trung tâm kinh tế- văn hóa phụ trợ, một thành phố vệ tinh quan trọng cho Hà Nội và là một điểm nhấn trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội- Hải Phòng-Quảng Ninh. Nơi đây vừa là thị trường tiêu thụ, vừa là khu vực cung cấp nguồn nhân lực, sản phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ... cho các tỉnh thành trong vùng đồng bằng Sông Hồng và các vùng lân cận. Cùng với việc khai thác lợi thế của các làng nghề thủ công truyền thống, Bắc Ninh đang có nhiều chính sách thu hút đầu tư, mở rộng về quy mô sản xuất, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm tạo thành các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp vừa và nhỏ, cụm công nghiệp làng nghề nhằm cung cấp các sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ, trong nước và xuất khẩu. Song song với việc phát triển công nghiệp, Bắc Ninh đang tập trung khai thác hiệu quả diện tích đất nông nghiệp- nguồn tài nguyên đất chiếm hơn 60% tổng diện tích tự nhiên- bằng việc hình thành và phát triển các vùng cây, con có giá trị thương mại theo hướng chuyên canh. Tỉnh đang từng bước đưa chăn nuôi trở thành một ngành chính tạo nguồn nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn theo hướng hiện đại hóa.

Với mục tiêu phát triển toàn diện, Bắc Ninh luôn chú trọng vào việc phát triển con người và các vấn đề xã hội, nâng cao trình độ dân trí và mức sống của nhân dân. Phát huy truyền thống cần cù, khéo léo, năng động sáng tạo của người

dân Kinh Bắc, nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng lao động, kỹ năng giao tiếp cho lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Tuy là tỉnh có diện tích nhỏ nhất đồng bằng Sông Hồng và cũng là tỉnh nhỏ nhất nước, với dân số cũng chỉ hơn một triệu người, nhưng Bắc Ninh có tốc độ tăng GDP năm 2010 là 32,74%, đứng vị trí thứ nhất trong số các tỉnh của đồng bằng Bắc Bộ.

Về môi trường đầu tư, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2016 của Bắc Ninh là 60,35 điểm, đứng thứ 17 trong số 63 tỉnh thành trên toàn quốc. Nhiều tập đoàn công nghiệp lớn như Canon, Nippon Steell, Nikon Seiki, Sumsung, Sentec, Nokia... đã đầu tư, mở cơ sở sản xuất tại Bắc Ninh.

Nhờ phát huy những lợi thế về vị trí địa lý của tỉnh và những truyền thống nhân văn tốt đẹp, kết hợp với việc chủ động tìm tòi và khai thác những cơ hội phát triển trong thời đại mới, Bắc Ninh đang từng bước khẳng định vị thế của mình trong khu vực đồng bằng Sông Hồng nói riêng và cả nước nói chung. Bắc Ninh còn tiến nhanh và vững chắc hơn nữa trong bước đường hội nhập, xây dựng một xã hội văn minh hiện đại.

3.1.2. Khái quát về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thành lập theo Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 18/3/2008 của UBND tỉnh Bắc Ninh, trên cơ sở hợp nhất Sở Văn hoá - Thông tin với Sở Thể dục - Thể thao; đồng thời tiếp nhận chức năng và tổ chức về Du lịch từ Sở Thương mại và Du lịch, về gia đình từ Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh; chuyển chức năng và tổ chức về báo chí, xuất bản vào Sở Thông tin và Truyền thông.

3.1.2.1. Vị trí chức năng

Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 11 tháng 03 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh quy định chức năng của Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh như sau:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (trừ quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin) . Sở có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự

chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3.1.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

Với chức năng như trên thì Sở VH-TT-DL Bắc Ninh có nhiệm vụ và quyền hạn là:

- Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; đề án, dự án, chương trình phát triển văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch; phân cấp quản lý và xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch ở địa phương.

- Quản lý các lĩnh vực: Di sản văn hóa; Nghệ thuật biểu diễn; Điện ảnh; Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm; Quyền tác giả, quyền liên quan; Thư viện; Quảng cáo; Văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động; Văn học; Gia đình; Thể dục, thể thao cho mọi người; Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp; Du lịch.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập về văn hóa, thể thao và du lịch theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu với UBND tỉnh về việc tổ chức các lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch quy mô cấp tỉnh; Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện đối với các tài năng văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch ở địa phương.

- Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, thanh tra, các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

- Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao và thực hiện ngân sách được phân bổ hàng năm theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

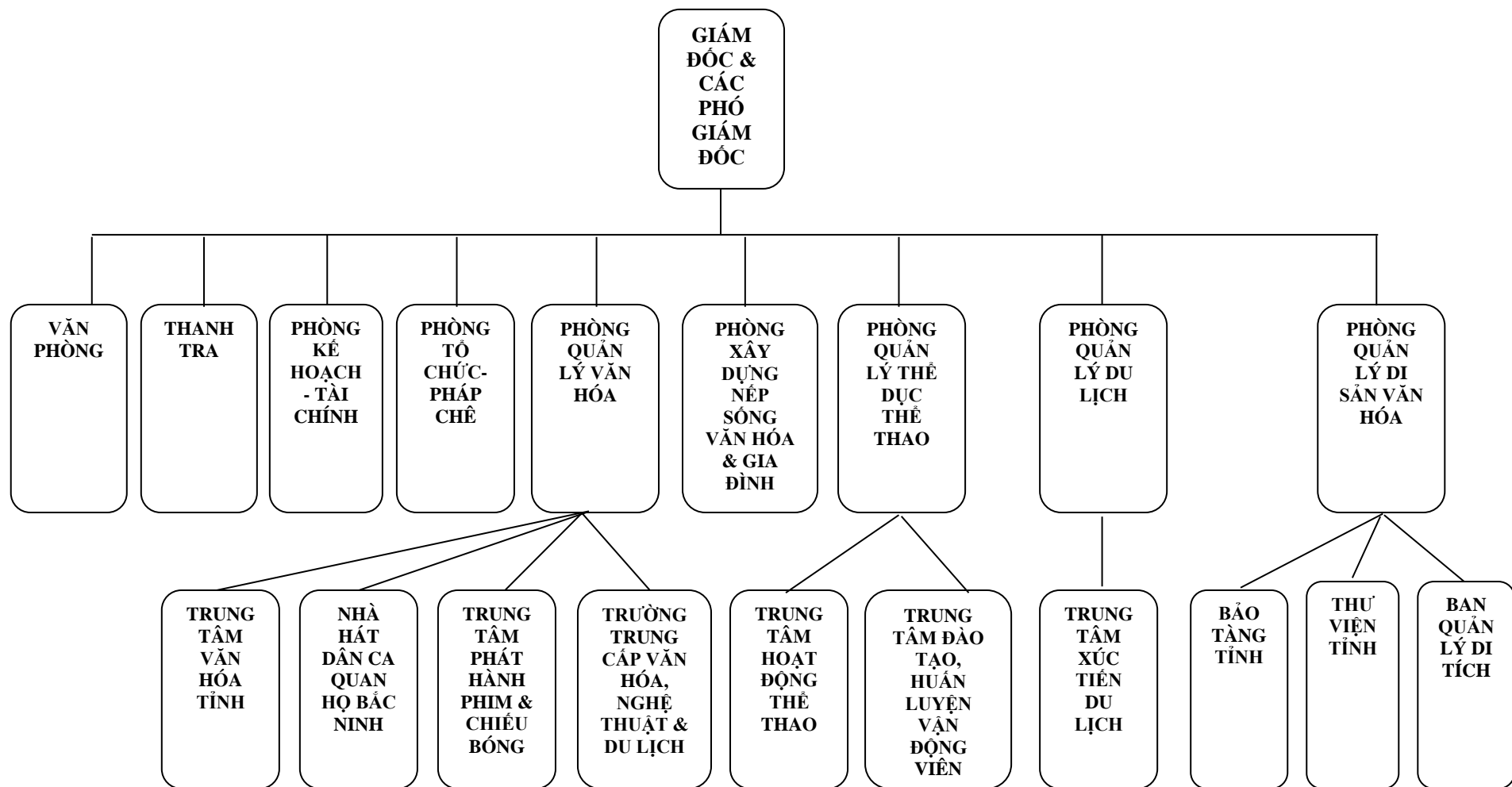
3.1.2.3. Cơ cấu bộ máy tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh gồm có: 01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc, 09 phòng tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ và 10 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở. (Hình 3.2)

Trong đó:

Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.



Sơ đồ 3.1. Bộ máy tổ chức của Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh

3.1.2.4. Tình hình nhân sự

Tình hình nhân sự của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 được thể hiện qua bảng sau :

**Bảng 3.1: Tình hình nhân sự của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh
giai đoạn 2015 - 2017**

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính: Người | | | | | |
|--|--------------------|------------|------------|---------------|---------------|---------------|
| | So sánh (%) | | | | | |
| | 2015 | 2016 | 2017 | 2016/ 2015 | 2017/ 2016 | BQ |
| Tổng | 261 | 314 | 309 | 120,31 | 98,41 | 108,81 |
| 1. Ban lãnh đạo | 5 | 5 | 5 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| 2. Tổ chức tham mưu tổng hợp & chuyên môn nghiệp vụ | 38 | 34 | 37 | 89,47 | 108,82 | 98,68 |
| - Văn Phòng | 9 | 7 | 8 | 77,78 | 114,29 | 94,28 |
| - Thanh tra | 4 | 3 | 4 | 75,00 | 133,33 | 100,00 |
| - Phòng Kế hoạch - Tài chính | 3 | 3 | 3 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| - Phòng Tổ chức - Pháp chế | 3 | 3 | 3 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| - Phòng Quản lý văn hóa | 5 | 4 | 5 | 80,00 | 125,00 | 100,00 |
| - Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình | 3 | 3 | 3 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| - Phòng Quản lý thể dục thể thao | 3 | 3 | 3 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| - Phòng Quản lý du lịch | 4 | 4 | 4 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| - Phòng Quản lý di sản văn hóa | 4 | 4 | 4 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| 3. Đơn vị sự nghiệp | 218 | 275 | 267 | 126,15 | 97,09 | 110,67 |
| - Bảo tàng tỉnh | 20 | 25 | 25 | 125,00 | 100,00 | 111,80 |
| - Thư viện tỉnh | 21 | 25 | 21 | 119,05 | 84,00 | 100,00 |
| - Ban Quản lý di tích | 19 | 21 | 21 | 110,53 | 100,00 | 105,13 |
| - Trung tâm Văn hóa tỉnh | 31 | 38 | 34 | 122,58 | 89,47 | 104,73 |
| - Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh | 28 | 33 | 35 | 117,86 | 106,06 | 111,80 |
| - Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng | 17 | 20 | 20 | 117,65 | 100,00 | 108,47 |
| - Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch tỉnh | 30 | 39 | 37 | 130,00 | 94,87 | 111,06 |
| - Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao tỉnh | 35 | 38 | 40 | 108,57 | 105,26 | 106,90 |
| - Trung tâm Hoạt động thể thao tỉnh | 15 | 23 | 23 | 153,33 | 100,00 | 123,83 |
| - Trung tâm Xúc tiến du lịch | 2 | 13 | 11 | 650,00 | 84,62 | 234,52 |

(Nguồn: Văn phòng Sở VH-TT-DL Bắc Ninh)

Nhìn vào bảng trên ta thấy tình hình nhân sự của Sở có sự biến động đáng kể qua các năm, cụ thể: năm 2015 toàn Sở có 261 người nhưng đến năm 2015 đã tăng lên đến 314 người (tăng 20,31%), đến năm 2017 giảm nhẹ xuống còn 309 người (giảm 1,59%), song tính bình quân trong 3 năm vẫn tăng là 8,81%.

Trong đó, nhân sự của Ban lãnh đạo Sở vẫn giữ được sự ổn định, các phòng tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thì hầu như không có sự biến động, bình quân trong 3 năm có sự giảm nhẹ không đáng kể (1,32%). Sự biến động nhân sự chủ yếu tập trung ở các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, đặc biệt là năm 2016 do trong năm 2016 Sở đã tuyển dụng thêm một số lượng cán bộ viên chức phục vụ cho công tác chuyên môn tại các đơn vị. Trong đó, biến động nhân sự lớn nhất là Trung tâm Xúc tiến du lịch, tăng từ 2 người (2015) lên đến 13 người (2016), tuy có giảm 2 người vào năm 2015 song mức tăng bình quân trong 3 năm là đôi cao (134,52%).

Tình hình nhân sự của hai trung tâm thuộc ngành thể thao trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2017 cũng tăng lên đáng kể, cụ thể là: Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao bình quân trong 3 năm tăng 6,90% và Trung tâm Hoạt động thể thao là 23,83%. Điều này cho thấy sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh cũng như lãnh đạo sở nhằm bổ sung nguồn nhân lực phục vụ cho công tác phát triển sự nghiệp thể thao của tỉnh.

3.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

3.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

3.2.1.1. Thu thập số liệu thứ cấp

Các số liệu thứ cấp liên quan đến đề tài được thu thập thông qua những tài liệu đã có sẵn, tổng hợp từ nguồn đã được công bố trên các nghiên cứu khoa học, tạp chí, bài báo trên internet, báo cáo xây dựng dự toán, giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm của Sở Tài chính Bắc Ninh, Sở VH-TT-DL Bắc Ninh, Trung tâm Hoạt động thể thao tỉnh Bắc Ninh, Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao tỉnh Bắc Ninh từ năm 2015 đến năm 2017 .

3.2.1.2. Thu thập số liệu sơ cấp

Các dữ liệu sơ cấp phục vụ cho đề tài này được thu thập thông qua điều tra, phỏng vấn các cán bộ quản lý, cán bộ các phòng ban và các đối tượng liên quan đến việc sử dụng ngân sách, cụ thể:

- + Lãnh đạo Sở: 01 người
- + Cán bộ Phòng Kế hoạch – Tài chính: 02 người
- + Lãnh đạo và cán bộ Trung tâm Hoạt động thể thao: 09 người
- + Lãnh đạo và cán bộ Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao: 26 người
- + Vận động viên: 10 người
- + Cán bộ Sở Tài chính: 01 người
- + Cán bộ Kho bạc nhà nước: 02 người
- Tổng cộng: 51 người

Các nội dung điều tra chủ yếu bao gồm: thông tin cơ bản về người được phỏng vấn; phòng, ban đang công tác; ý kiến đánh giá về hệ thống tổ chức bộ máy quản lý NSNN; đánh giá về công tác quản lý chi ngân sách (công tác lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán và kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chi NSNN,); nguyên nhân của các sai phạm xảy ra trong quá trình quản lý, sử dụng NSNN...

3.2.2. Phương pháp xử lý thông tin và phân tích số liệu

3.2.2.1. Phương pháp xử lý thông tin

Các dữ liệu thu thập được phải đáp ứng theo 3 yêu cầu: đầy đủ, chính xác và logic.

Sau khi thu thập được các thông tin cần thiết qua các phiếu điều tra và các báo cáo, số liệu sẽ được xử lý chủ yếu bằng phần mềm Excel để tính toán, so sánh các chỉ tiêu, tìm ra được tốc độ phát triển của các chỉ tiêu. Đó cũng là cơ sở để chúng ta phân tích, tìm ra những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý chi ngân sách, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện và tăng cường công tác quản lý chi ngân sách cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới.

Kết quả sau khi tổng hợp sẽ được trình bày qua bảng biểu, sơ đồ, hình ...

3.2.2.2. Phương pháp phân tích số liệu

a. Phương pháp thống kê mô tả

Phương pháp này được dùng để thống kê số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân. Các chỉ tiêu thống kê sẽ được tính toán nhằm mô tả các hoạt động và phản

ánh kết quả thực hiện công tác quản lý chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh.

b. Phương pháp thống kê so sánh

Phương pháp phân tích này được dùng để so sánh mức độ hoàn thành kế hoạch, so sánh giữa thực tế với định mức của nhà nước về các khoản chi NSNN, so sánh giữa năm sau với năm trước về chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp thể thao của VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh. Từ đó giúp cho quá trình nghiên cứu đưa ra những kết luận, nhận xét một cách chính xác nhất.

3.2.3. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu

3.2.3.1. Nhóm chỉ tiêu đánh giá đặc điểm sự nghiệp thể thao

- Số lượng các môn thi đấu được đào tạo
- Số lượng huấn luyện viên, vận động viên
- Số lượng huy chương giành được qua các giải thi đấu
- Số lượng các hoạt động thi đấu thể thao được tổ chức

3.2.3.2. Nhóm chỉ tiêu phản ánh hoạt động quản lý chi NSNN cho thể thao

- Mức chi và tổng số chi ngân sách mỗi năm cho thể thao
- Mức phân bổ chi NSNN cho các đơn vị sự nghiệp thể thao
- Cơ cấu chi NSNN cho thể thao theo nhóm chi, nội dung chi
- Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán chi NSNN cho thể thao
- Mức độ hoàn thành kế hoạch dự toán chi NSNN cho thể thao

3.2.3.3. Nhóm chỉ tiêu đánh giá của cán bộ quản lý và người thụ hưởng ngân sách về công tác quản lý chi NSNN cho thể thao

- Mức chi NSNN đầu tư cho thể thao
- Mức độ chấp hành dự toán chi, quyết toán chi NSNN cho thể thao (đạt, chưa đạt)
- Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý NSNN (tốt, trung bình, kém)

PHẦN 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO THỂ THAO TẠI SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BẮC NINH

4.1.1. Tình hình phát triển sự nghiệp thể thao của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư từ HĐND, UBND tỉnh Bắc Ninh, ngành thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Điều này được thể hiện qua bảng sau :

Bảng 4.1. Tình hình phát triển sự nghiệp thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2015 | 2016 | 2017 | So sánh (%) | |
|---------------------------------------|-------|------|------|------|---------------|---------------|
| | | | | | 2016/ 2015 | 2017/ 2016 |
| I/ Thể thao thành tích cao | | | | | | |
| 1. Số lượng các môn đào tạo | môn | 8 | 9 | 10 | 112,50 | 111,11 |
| 2. Số lượng huấn luyện viên | người | 21 | 24 | 27 | 114,29 | 112,50 |
| 3. Số lượng vận động viên | người | 141 | 199 | 217 | 141,13 | 109,05 |
| 4. Thành tích thi đấu | chiếc | 148 | 153 | 205 | 103,38 | 133,99 |
| - Huy chương vàng | chiếc | 37 | 47 | 52 | 127,03 | 110,64 |
| - Huy chương bạc | chiếc | 40 | 41 | 50 | 102,50 | 121,95 |
| - Huy chương đồng | chiếc | 71 | 65 | 103 | 91,55 | 158,46 |
| II/ Hoạt động thi đấu thể thao | | | | | | |
| - Số lượng giải thi đấu quốc tế | giải | 1 | 2 | 2 | 200,00 | 100,00 |
| - Số lượng giải thi đấu quốc gia | giải | 4 | 3 | 5 | 75,00 | 166,67 |
| - Số lượng giải thi đấu cấp tỉnh | giải | 9 | 11 | 9 | 122,22 | 81,82 |

(Nguồn: Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh)

Qua số liệu trên cho thấy, trong những năm qua thể thao thành tích cao của tỉnh không ngừng khởi sắc, lớn mạnh cả về số lượng cũng như chất lượng. Đóng góp vào thành tích chung ấy có công sức của đội ngũ 40 cán bộ, huấn luyện viên của Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể:

Số lượng các môn thi đấu thể thao được đào tạo tại Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2015, Trung tâm đào tạo 8 môn thi đấu là Vật, Cầu lông, Karate-do, Đấu kiếm, Cử tạ, Đá cầu, Boxing, Cờ vua. Năm 2016 bổ sung thêm môn Wushu và năm 2017 bổ sung thêm môn Judo. Những môn thể thao này đều phù hợp với tố chất các vận động viên và xu hướng đầu tư phát triển các môn thể thao thi đấu ở Olympic, ASIAD, Sea Games.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của tỉnh trong việc định hướng, đầu tư cho sự phát triển của thể thao tỉnh nhà, hàng năm Trung tâm đều xây dựng kế hoạch tuyển chọn, đào tạo vận động viên ở các bộ môn phù hợp với điều kiện thực tế và sự phát triển theo từng giai đoạn, lộ trình được qui hoạch. Vì vậy, số lượng và chất lượng vận động viên được đào tạo mỗi năm đều được tăng lên. Năm 2015, tổng số vận động viên được đào tạo ở tất cả các bộ môn là 141 vận động viên, con số này tăng lên đến 199 vận động viên vào năm 2016 (tăng 41,13%) và 217 vận động viên vào năm 2017 (tăng 9,05%). Tính đến năm 2017, toàn tỉnh có 56 vận động viên đạt đẳng cấp, trong đó có 10 vận động viên đạt cấp kiện tướng và 46 vận động viên đạt cấp I.

Với việc được đầu tư một cách có chọn lọc, phù hợp với xu hướng phát triển thể thao trong nước cũng như quốc tế mà thành tích thi đấu của các vận động viên đang ngày càng được cải thiện và nâng cao. Tổng số huy chương mà các vận động viên đạt được từ các giải thi đấu qua các năm đều tăng lên đáng kể cả về số lượng và chất lượng. Năm 2016 đạt 153 huy chương, tăng 5 huy chương (tương ứng với 3,38%) so với năm 2015 (148 huy chương), đến năm 2017 tăng mạnh lên tới 205 huy chương, tăng 52 huy chương (tương ứng với 33,99%). Qua 3 năm, tuy số lượng huy chương đồng vẫn chiếm ưu thế (chiếm hơn 50% tổng số huy chương trong năm 2017), song số lượng huy chương vàng và huy chương bạc cũng đều có xu hướng tăng lên. Từ việc có 37 huy chương vàng, 40 huy chương bạc vào năm 2015 tăng lên đến 52 huy chương vàng, 50 huy chương bạc vào năm 2017.

Bên cạnh công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên thành tích cao của Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thì công tác tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao tại Trung tâm Hoạt động thể thao cũng được thực hiện thành công tốt đẹp. Mỗi năm Sở VH-TT-DL chỉ đạo tổ chức từ 9 đến 11 giải thi đấu thường niên của tỉnh như Giải Cầu lông - quần vợt đầu xuân, Giải điền kinh,

Giải vô địch bóng bàn các câu lạc bộ tỉnh, Giải Bóng đá cúp Báo Bắc Ninh, Giải Cầu lông các nhóm tuổi, Giải Quần vợt các câu lạc bộ tỉnh ... , với sự góp mặt của các vận động viên thuộc 8 huyện thành (Thành phố Bắc Ninh, huyện Tiên Du, huyện Quế Võ, huyện Yên Phong, huyện Lương Tài, huyện Gia Bình, huyện Thuận Thành, thị xã Từ Sơn) cùng với sự tham gia của các cơ quan đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh. Điều này đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào tập luyện thể dục thể thao trên toàn tỉnh.

Bên cạnh đó, mỗi năm Sở cũng tổ chức thành công từ 5 đến 7 giải thi đấu cấp quốc gia và quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế cho thể thao tỉnh trên đấu trường trong nước cũng như ngoài nước.

4.1.2. Nguồn vốn đầu tư cho thể thao của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh

Nguồn kinh phí đầu tư cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh phổ biến từ các nguồn sau:

- Nguồn NSNN bao gồm: Kinh phí bảo đảm cho hoạt động thường xuyên tại các đơn vị, thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, huấn luyện, tham gia thi đấu, tổ chức thi đấu trong phạm vi dự toán.

- Nguồn tài trợ: Tiền ủng hộ của các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh để đầu tư cho thể thao tỉnh nhà, các khoản được biểu tặng bằng hiện vật (trang thiết bị tập luyện, thi đấu, giải thưởng cho các giải thi đấu ...).

- Nguồn thu dịch vụ: Tiền thu được từ các hoạt động thi đấu, dịch vụ hoạt động thể dục thể thao, các sự kiện ... được tổ chức tại Trung tâm Hoạt động thể thao.

Cụ thể nguồn vốn đầu tư cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 được thể hiện qua bảng 4.2 dưới đây:

Bảng 4.2. Nguồn vốn đầu tư cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Nguồn vốn đầu tư | 2015 | | 2016 | | 2017 | | So sánh (%) | | |
|------------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| | Kinh phí | Cơ cấu (%) | Kinh phí | Cơ cấu (%) | Kinh phí | Cơ cấu (%) | 2016/ 2015 | 2017/ 2016 | BQ |
| Tổng cộng | 30.990,4 | 100,00 | 36.077,5 | 100,00 | 44.196,8 | 100,00 | 116,42 | 122,51 | 119,42 |
| - NSNN | 23.269,6 | 75,09 | 25.203,8 | 69,86 | 30.059,6 | 68,01 | 108,31 | 119,27 | 113,66 |
| - Tài trợ | 6.490,0 | 20,94 | 9.301,2 | 25,78 | 11.755,5 | 26,60 | 143,32 | 126,39 | 134,59 |
| - Thu dịch vụ | 1.230,8 | 3,97 | 1.572,5 | 4,36 | 2.381,7 | 5,39 | 127,76 | 151,46 | 139,11 |

(Nguồn: Sở VH-TT-DL Bắc Ninh)

Qua bảng trên cho thấy tổng nguồn vốn đầu tư cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh qua 3 năm có chiều hướng tăng dần. Năm 2015 tổng nguồn vốn đầu tư cho thể thao là 30.990,4 triệu đồng, đến năm 2016 là 36.077,5 triệu đồng (tăng 16,42% so với năm 2015) và năm 2017 là 44.196,8 triệu đồng (tăng 22,51% so với năm 2016), bình quân 3 năm tăng 19,42%. Trong đó, nguồn NSNN luôn chiếm tỷ trọng lớn từ 68,01% đến 75,09% tổng nguồn vốn đầu tư cho thể thao, với tổng mức đầu tư từ 23.269,6 triệu đồng đến 30.059,6 triệu đồng mỗi năm. Đây là nguồn kinh phí ổn định và đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp thể thao của tỉnh.

Ngoài kinh phí từ NSNN đầu tư trực tiếp cho thể thao, trên thực tế hoạt động thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh còn có sự hỗ trợ rất lớn từ nguồn tài trợ và từ nguồn thu dịch vụ các hoạt động thể thao. Tỷ trọng các nguồn kinh phí này có xu hướng ngày càng tăng, cụ thể: nguồn tài trợ tăng từ 20,94% năm 2015 lên 26,60% năm 2017; nguồn thu dịch vụ tăng từ 3,97% năm 2015 lên 5,39% năm 2017. Điều này cho thấy việc phát triển sự nghiệp thể thao đang ngày càng được xã hội hóa, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đã và đang quan tâm chú trọng cho đầu tư vào thể thao. Tuy nhiên, xét trên tổng thể cơ cấu nguồn vốn đầu tư cho thể thao thì tỷ trọng nguồn vốn ngoài ngân sách này còn hạn chế và không ổn định, phụ thuộc khá nhiều vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Vậy nên, đầu tư cho thể thao vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn từ NSNN. Vì vậy, cần có giải pháp quản lý, khai thác và sử dụng nguồn vốn này từ khâu lập dự toán, chấp hành và quyết toán sao cho ngày càng tiết kiệm và hiệu quả hơn.

4.1.3. Thực trạng quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh

4.1.3.1. Mô hình và bộ máy quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh

Hiện nay, việc phân cấp quản lý được thực hiện như sau:

+ Sở Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về mặt tài chính, phối hợp với Sở VH-TT-DL, các Sở, ngành có liên quan quản lý và điều hành ở tất cả các khâu: lập và phân bổ dự toán, điều hành cấp phát và kiểm tra quyết toán cho đơn vị.

+ Sở VH-TT-DL trực tiếp quản lý ngân sách các đơn vị trực thuộc ở các khâu: lập và phân bổ dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán, thanh tra, kiểm tra.

Theo mô hình quản lý như trên, tổ chức bộ máy trực tiếp quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh được bố trí như sau:

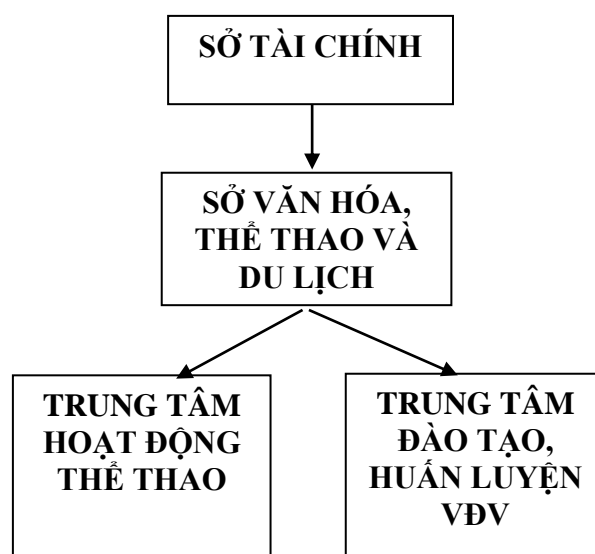
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh theo dõi, quản lý chi NSNN đối với ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch được phân công cho một số phòng ban chức năng trực tiếp đảm nhiệm. Cụ thể là: Phòng Tài chính - Hành chính sự nghiệp chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý chi NSNN lĩnh vực thường xuyên; Phòng Tài chính đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh: là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn toàn tỉnh và trực tiếp quản lý tất cả các đơn vị trực thuộc. Phòng ban đảm nhận nhiệm vụ quản lý là Phòng Kế hoạch - Tài chính.

- Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Ninh: có chức năng quản lý quỹ NSNN, kiểm soát chi ngân sách như kiểm soát tính hợp pháp của chứng từ, chữ ký của người chuẩn chi, số tiền chi trả có nằm trong dự toán được duyệt, tiêu chuẩn định mức chi ngân sách hiện hành.

- Trung tâm Hoạt động thể thao; Trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao: Trực tiếp nhận kinh phí do Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh cấp.

Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh có thể khái quát qua sơ đồ sau :



**Sơ đồ 4.1. Tổ chức bộ máy quản lý chi NSNN cho thể thao
tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh**

4.1.3.2. Thực trạng công tác lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Lập dự toán NSNN là khâu rất quan trọng trong công tác quản lý chi ngân sách. Dự toán ngân sách hàng năm của ngành thể thao được lập trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Phòng Kế hoạch – Tài chính thuộc Sở VH-TT-DL có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy trình này.

Vào thời điểm tháng 7 hàng năm, căn cứ Thông tư 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng dự toán NSNN; chỉ thị của UBND tỉnh Bắc Ninh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội nói chung, kế hoạch phát triển sự nghiệp thể thao nói riêng và dự toán NSNN; thông báo dự kiến giao chi NSNN năm kế hoạch của Sở Tài chính, Sở VH-TT-DL thông báo số dự kiến giao chi NSNN gửi cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

Căn cứ vào văn bản hướng dẫn và thông báo dự kiến chi, các đơn vị sự nghiệp thể thao với tư cách là đơn vị trực tiếp thụ hưởng ngân sách có trách nhiệm xây dựng dự toán của đơn vị mình đảm bảo đúng thời gian quy định, đúng mẫu biểu quy định và đúng chế độ tiêu chuẩn định mức rồi gửi lên cho Phòng Kế hoạch – Tài chính.

Sau khi thực hiện thẩm tra, xét duyệt dự toán của các đơn vị, Phòng Kế hoạch – Tài chính sẽ tổng hợp, lập dự toán NSNN của toàn ngành và báo cáo lên Lãnh đạo Sở ký duyệt, sau đó gửi lên Sở Tài chính.

Sở Tài chính tổng hợp, lập dự toán của sự nghiệp Văn hóa, Thể Thao và Du lịch với dự toán ngân sách tỉnh trình UBND tỉnh.

Sau khi dự toán ngân sách đã được UBND tỉnh phê duyệt, Phòng Kế hoạch – Tài chính tiến hành phân bổ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc để các đơn vị này có thể chủ động trong chi tiêu (chậm nhất vào ngày 05/01 của năm tài chính).

Căn cứ kinh phí được phân bổ và chức năng nhiệm vụ đã được giao, các đơn vị tiến hành lập dự toán chi tiết cho từng mục chi theo quy chế chi tiêu nội bộ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

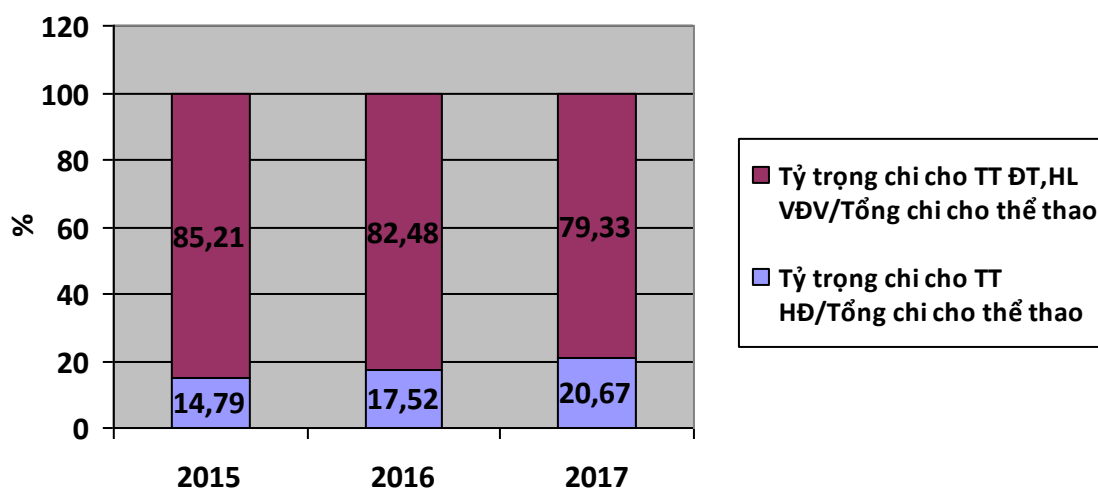
Tình hình phân bổ dự toán chi NSNN cho các đơn vị sự nghiệp thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4.3. Dự toán chi NSNN cho các đơn vị sự nghiệp thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Đơn vị | 2015 | 2016 | 2017 | So sánh (%) | | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|
| | | | | 2016/ 2015 | 2017/ 2016 | BQ |
| Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao | 19.828,6 | 20.694,9 | 23.915,2 | 104,37 | 115,56 | 109,82 |
| Trung tâm Hoạt động thể thao | 3.441,0 | 4.397,4 | 6.230,0 | 127,79 | 141,67 | 134,56 |
| Tổng cộng | 23.269,6 | 25.092,3 | 30.145,2 | 107,83 | 120,14 | 113,82 |

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở VH-TT-DL Bắc Ninh)



Biểu đồ 4.1. Tỷ trọng chi cho các trung tâm thể thao trong tổng chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017

Từ bảng số liệu và biểu đồ trên cho thấy, về tổng NSNN cấp cho ngành thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh qua 3 năm đều có xu hướng tăng lên, từ 23.269,6 triệu đồng (năm 2015) lên đến 30.145,2 triệu đồng (năm 2017), bình quân 3 năm tăng 13,82%. Do tính chất đặc thù về nhiệm vụ, hoạt động nên có sự chênh lệch rõ rệt về tỷ trọng phân bổ chi NSNN cho hai đơn vị sự nghiệp thể thao. Theo đó, chiếm tới hơn 80% ngân sách cho thể thao là chi cho Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao - nơi phụ trách công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên thành tích cao cho tỉnh.

Phân theo đối tượng chi NSNN thì chi ngân sách được chia thành 5 nhóm chi: chi thanh toán cho cá nhân; chi cho nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý hành chính; chi mua sắm, sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ và chi khác. Chi tiết dự toán chi NSNN cho thể thao theo 5 nhóm chi được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 4.4. Dự toán chi NSNN cho thể thao theo các nhóm
của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017**

Đơn vị tính : Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | 2017 | So sánh (%) | | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|
| | | | | 2016/ 2015 | 2017/ 2016 | BQ |
| 1. Chi thanh toán cho cá nhân | 15.542,0 | 16.703,5 | 18.923,4 | 107,47 | 113,29 | 110,34 |
| 2. Chi nghiệp vụ chuyên môn | 2.356,5 | 2.608,9 | 3.759,4 | 110,71 | 147,93 | 127,98 |
| 3. Chi quản lý hành chính | 1.904,1 | 2.008,2 | 2.456,7 | 105,47 | 122,33 | 113,59 |
| 4. Chi mua sắm, sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ | 3.073,0 | 3.370,9 | 4.281,8 | 109,69 | 127,02 | 118,04 |
| 5. Chi khác | 394,0 | 400,8 | 723,9 | 101,73 | 155,66 | 125,84 |
| Tổng cộng | 23.269,6 | 25.092,3 | 30.145,2 | 107,83 | 120,14 | 113,82 |

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở VH-TT-DL Bắc Ninh)

Các nhóm chi trong dự toán chi ngân sách hầu như đều có xu hướng tăng lên, năm sau cao hơn năm trước. Trong đó, mức tăng cao nhất thuộc nhóm chi cho nghiệp vụ chuyên môn của ngành, bình quân 3 năm tăng 27,98%. Tuy có mức tăng thấp nhất là 10,34% song lại chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi ngân sách là nhóm chi thanh toán cho cá nhân. Điều này cho thấy sự ổn định trong công tác lập dự toán chi cho nhóm này.

Nhìn chung các đơn vị đều đã nắm được cách lập dự toán chi cho đơn vị mình, cơ bản thực hiện theo đúng trình tự, thời gian, mẫu biểu, dự toán được lập căn cứ đúng theo chế độ, định mức quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bám sát dự toán của Sở và UBND tỉnh đã giao cho.

Đối với Sở VH-TT-DL Bắc Ninh, dự toán chi đã phân bổ chi tiết đến từng đơn vị sự nghiệp thể thao theo chương, loại, khoản, mục của mục lục NSNN, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động, kịp thời triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao ngay từ đầu năm.

Tuy nhiên, hiện nay tình trạng công tác lập dự toán chi tại các đơn vị sự nghiệp thể thao chưa sát với thực tế vẫn thường xuyên xảy ra, dẫn đến việc gặp khó khăn trong quá trình chấp hành dự toán. Nguyên nhân của việc dự toán được lập chưa sát với thực tế được thể hiện qua bảng số liệu điều tra sau:

Bảng 4.5. Kết quả khảo sát nguyên nhân của việc lập dự toán chưa sát với thực tế (n = 11)

| TT | Nguyên nhân | Số ý kiến | % |
|----|--|-----------|--------|
| 1 | Thời gian lập dự toán bị giới hạn | 3 | 27,27 |
| 2 | Chưa căn cứ vào tình hình thực hiện của những năm liền kề và nhiệm vụ của năm kế hoạch | 5 | 45,45 |
| 3 | Năng lực, trình độ của người được giao nhiệm vụ lập dự toán còn hạn chế | 9 | 81,82 |
| 4 | Chưa lường trước được những nhiệm vụ phát sinh trong năm | 11 | 100,00 |
| 5 | Ý kiến khác | 1 | 9,09 |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra)

Kết quả khảo sát đối với các lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về nguyên nhân của việc lập dự toán chưa sát với thực tế cho thấy 100% ý kiến cho rằng chưa lường trước được hết những nhiệm vụ phát sinh trong năm; 81,82% ý kiến là năng lực, trình độ của người được giao nhiệm vụ lập dự toán còn hạn chế; 45,45% ý kiến là do đơn vị chưa căn cứ vào tình hình thực hiện của những năm liền kề và nhiệm vụ của năm kế hoạch, còn lại 27,27% ý kiến là do thời gian lập dự toán bị hạn chế và 9,09% ý kiến là do nguyên nhân khác.

Vì vậy, trong thời gian tới để nâng cao hơn nữa chất lượng của khâu lập dự toán thì Sở VH-TT-DL Bắc Ninh cần có những biện pháp hợp lý để sớm khắc phục tình trạng này.

4.1.3.3. Thực trạng chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Trên cơ sở dự toán chi NSNN cả năm được giao và yêu cầu nhiệm vụ phải chi, các đơn vị sự nghiệp thể thao lập dự toán chi ngân sách theo quý (có chia theo tháng) và chi tiết theo các nhóm mục chi của mục lục ngân sách (Chi thanh toán cho cá nhân, chi nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý hành chính, chi mua sắm, sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ và chi khác) gửi lên Sở VH-TT-DL Bắc Ninh trước ngày 10 của tháng cuối quý trước để thẩm định. Dự toán chi ngân sách được phòng Kế hoạch - Tài chính của Sở thẩm định chặt chẽ trên cơ sở quy định của định mức, chế độ tiêu chuẩn của nhà nước. Sau khi dự toán được phê duyệt, phòng Kế hoạch - Tài chính sẽ tiến hành cấp phát kinh phí cho các trung tâm.

Các đơn vị có trách nhiệm gửi dự toán đã được duyệt đến KBNN để làm căn cứ thanh toán và kiểm soát chi ngân sách và bắt đầu quy trình chấp hành ngân sách.

Trong quá trình thực hiện, các đơn vị được phép điều chỉnh dự toán chi hoạt động sự nghiệp, kinh phí hoạt động thường xuyên đã được giao cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị mình và phải gửi lên Sở VH-TT-DL Bắc Ninh và KBNN nơi đơn vị giao dịch để theo dõi quản lý.

Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017 được thể hiện qua bảng 4.6 dưới đây.

Qua bảng số liệu cho thấy, hàng năm tổng chi NSNN cho thể thao đều có xu hướng tăng lên, đặc biệt là năm 2017. Nếu như năm 2015 tổng chi NSNN cho thể thao là 23.269,6 triệu đồng thì tới năm 2017 con số này đã là 30.059,6 triệu đồng, tăng 6.790 triệu đồng, tương ứng với 29,18% so với năm 2015.

Bảng 4.6. Chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2015 | | 2016 | | 2017 | | So sánh (%) | | |
|--|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| | Kinh phí | Cơ cấu (%) | Kinh phí | Cơ cấu (%) | Kinh phí | Cơ cấu (%) | 2015/ 2014 | 2016/ 2015 | BQ |
| 1. Chi thanh toán cho cá nhân | 15.642,0 | 67,22 | 16.866,6 | 66,92 | 19.199,3 | 63,87 | 107,83 | 113,83 | 110,79 |
| 2. Chi nghiệp vụ chuyên môn | 2.396,9 | 10,30 | 2.702,6 | 10,72 | 3.489,1 | 11,61 | 112,75 | 129,10 | 120,65 |
| 3. Chi quản lý hành chính | 1.709,9 | 7,35 | 1.945,5 | 7,72 | 2.686,7 | 8,94 | 113,78 | 138,10 | 125,35 |
| 4. Chi mua sắm, sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ | 3.150,3 | 13,54 | 3.266,8 | 12,96 | 3.998,6 | 13,30 | 103,70 | 122,40 | 112,66 |
| 5. Chi khác | 370,5 | 1,59 | 422,3 | 1,68 | 685,9 | 2,28 | 113,98 | 162,42 | 136,06 |
| Tổng cộng | 23.269,6 | 100,00 | 25.203,8 | 100,00 | 30.059,6 | 100,00 | 108,31 | 119,27 | 113,66 |

(Nguồn: Báo cáo quyết toán ngành thể thao của Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh)

Sự gia tăng của chi NSNN cho sự nghiệp thể thao thể hiện ở sự gia tăng của các nhóm chi. Trong đó, nhóm chi thanh toán cho cá nhân chiếm tỷ lệ cao nhất là từ 63,87% đến 67,22% tổng kinh phí. Các khoản chi cho cá nhân là những khoản chi cần thiết bắt buộc phải thực hiện, khi lập dự toán cũng như khi phân bổ ngân sách trước hết phải ưu tiên đảm bảo cho các khoản chi này, kể cả khi nguồn vốn ngân sách có hạn, các khoản chi còn lại chỉ được cân đối bố trí trong phạm vi nguồn ngân sách còn lại khi đã tính đủ cho nhóm mục chi này. Năm 2015 kinh phí cho hoạt động này là 15.642 triệu đồng, năm 2016 là 16.866,6 triệu đồng (tăng 7,83% so với năm 2015) và năm 2017 là 19.199,3 triệu đồng (tăng 13,83%), bình quân 3 năm tăng 10,79%. Một trong những nguyên nhân tăng chi cho nhóm này là do nhà nước có chính sách về tăng mức lương tối thiểu chung cho cán bộ công chức, viên chức từ 1.210.000 đồng (năm 2015) lên 1.300.000 đồng (năm 2017). Mặc dù chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu chi NSNN cho thể thao song các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu của nhóm chi này lại rất cụ thể và rõ ràng, điều này giúp làm tăng tính chính xác cho các khoản chi và rất thuận lợi cho công tác quản lý. Vì vậy, nhìn chung thời gian qua công tác quản lý sử dụng nguồn kinh phí NSNN cấp để chi cho nhóm mục chi này được thực hiện tương đối tốt, đảm bảo đúng mục đích, sát với dự toán được duyệt.

Tình hình chi ngân sách chi tiết cho sự nghiệp thể thao theo các nhóm chi của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh cụ thể như sau:

*** Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân**

Đây là khoản chi lớn nhất và quan trọng nhất trong cơ cấu chi thường xuyên cho sự nghiệp thể thao. Khoản chi này bao gồm chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn Khoản chi này ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất, tinh thần của toàn bộ cán bộ nhân viên cũng như ảnh hưởng đến chất lượng tập luyện và thi đấu của các huấn luyện viên và vận động viên. Chính vì vậy, việc tổ chức quản lý đối với nhóm chi này đòi hỏi phải luôn đảm bảo chi đúng, chi đủ, chi kịp thời các khoản chi theo đúng chế độ hiện hành.

Ngoài các chế độ về lao động, tiền lương, tiền công, phụ cấp; chế độ làm thêm giờ ... theo văn bản quy định hiện hành của nhà nước thì ngành thể thao còn một số chế độ đặc thù sau:

Căn cứ vào Quyết định 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao,

trong đó quy định tiền công định mức phân bổ cho một ngày tập trung tập luyện, thi đấu của huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh trực thuộc trung ương. Cụ thể theo bảng dưới đây:

Bảng 4.7. Định mức tiền công cho huấn luyện viên, vận động viên

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

| TT | Đối tượng áp dụng | Chế độ thực hiện |
|-----------|---------------------------|------------------|
| I | Huấn luyện viên | |
| 1 | Đội tuyển tỉnh | 120.000 |
| 2 | Đội tuyển trẻ tỉnh | 90.000 |
| 3 | Đội tuyển năng khiếu tỉnh | 90.000 |
| II | Vận động viên | |
| 1 | Đội tuyển tỉnh | 80.000 |
| 2 | Đội tuyển trẻ tỉnh | 40.000 |
| 3 | Đội tuyển năng khiếu tỉnh | 30.000 |

Căn cứ vào Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của UBND tỉnh Bắc Ninh về ban hành quy định chế độ dinh dưỡng cho một ngày tập trung tập luyện, thi đấu của huấn luyện viên, vận động viên thể thao theo định mức như sau:

Bảng 4.8. Định mức tiền dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

| TT | Huấn luyện viên, vận động viên | Mức ăn hàng ngày |
|-----------|--------------------------------|------------------|
| I | Tập trung tập luyện | |
| 1 | Đội tuyển tỉnh | 150.000 |
| 2 | Đội tuyển trẻ tỉnh | 120.000 |
| 3 | Đội tuyển năng khiếu tỉnh | 90.000 |
| II | Tập trung thi đấu | |
| 1 | Đội tuyển tỉnh | 200.000 |
| 2 | Đội tuyển trẻ tỉnh | 150.000 |

Thực tế các khoản chi thanh toán cho cá nhân trong ngành thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh trong 3 năm vừa qua được thể hiện qua bảng 4.9 dưới đây:

Bảng 4.9. Chi thanh toán cho cá nhân*Đơn vị tính : Triệu đồng*

| TT | Nội dung | Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao | | | Trung tâm Hoạt động thể thao | | |
|----|---|--|-----------------|-----------------|------------------------------|----------------|----------------|
| | | 2015 | 2016 | 2017 | 2015 | 2016 | 2017 |
| 1 | Tiền lương | 1.387,1 | 1.444,6 | 1.529,5 | 591,1 | 742,9 | 888,5 |
| 2 | Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng | 1.781,1 | 1.865,3 | 2.091,4 | 195,5 | 293,6 | 318,7 |
| 3 | Phụ cấp lương | 103,6 | 139,8 | 185,6 | 63,9 | 75,8 | 102,3 |
| 4 | Tiền thưởng | 1.585,0 | 1.639,0 | 2.603,0 | 503,7 | 767,8 | 852,8 |
| 5 | Các khoản đóng góp | 376,5 | 411,7 | 438,8 | 121,3 | 220,1 | 244,5 |
| 6 | Các khoản thanh toán khác cho cá nhân | 8.835,7 | 9.111,4 | 9.763,0 | 97,5 | 154,7 | 181,2 |
| | Tổng cộng | 14.069,0 | 14.611,8 | 16.611,3 | 1.573,0 | 2.254,8 | 2.588,1 |

(Nguồn: Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao, Trung tâm Hoạt động thể thao tỉnh Bắc Ninh)

Từ bảng 4.9 ta thấy khoản chi thanh toán cho cá nhân ở các đơn vị sự nghiệp thể thao đều có sự tăng lên rõ rệt qua các năm. Cụ thể như sau:

Đối với Trung tâm Hoạt động thể thao: khoản chi thanh toán cho cá nhân năm 2015 là 1.573 triệu đồng; năm 2016 là 2.254,8 triệu đồng, tăng 43,35% so với năm 2015; năm 2017 là 2.588,1 triệu đồng, tăng 14,78% so với năm 2016; bình quân 3 năm tăng 28,27%. Chiếm tỷ trọng lớn nhất là khoản chi lương cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong trung tâm, chiếm 34,90% tổng chi thanh toán cho cá nhân, với số chi thực tế tăng từ 591,1 triệu đồng năm 2015 lên 742,9 triệu đồng năm 2016 và 888,5 triệu đồng năm 2017. Sở dĩ có sự tăng lên như vậy ngoài nguyên nhân là chính sách tăng mức lương tối thiểu chung của Nhà nước thì còn một nguyên nhân nữa là do sự tăng lên đáng kể về nhân sự của trung tâm vào năm 2016.

Đối với Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao: khoản chi thanh toán cho cá nhân năm 2015 là 14.069 triệu đồng; năm 2016 là 14.611,8 triệu đồng, tăng 3,86% so với năm 2015; năm 2017 là 16.611,3 triệu đồng, tăng 13,68% so với năm 2016; bình quân 3 năm tăng 8,66%. Khác với Trung tâm Hoạt động thể thao, do đặc thù nhiệm vụ là đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao nên chiếm tỷ trọng lớn nhất không phải là khoản chi lương mà là các khoản thanh toán khác cho cá nhân, chiếm 61,28% tổng chi thanh toán cho cá nhân. Nội dung chủ yếu của khoản chi này là chi tiền công, tiền dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên.

Bên cạnh đó, chiếm tỷ lệ cao 12,67% là các khoản chi trả tiền công cho lao động thường xuyên theo hợp đồng. Do số lượng biên chế huấn luyện viên có hạn, không đáp ứng được hết nhu cầu đào tạo, huấn luyện ở một số môn thi đấu nên Trung tâm phải thuê huấn luyện ngoài dẫn đến làm tăng lượng chi ngân sách cho khoản chi này.

*** Nhóm 2: Chi cho nghiệp vụ chuyên môn**

Tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị sự nghiệp thể thao, các khoản chi cho chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành đặc thù của ngành.

Chi cho chuyên môn nghiệp vụ là nhóm chi liên quan trực tiếp cho thể thao. Các khoản chi của nhóm này chủ yếu là chi mua hàng hoá, vật tư, trang thiết bị chuyên dụng, đồng phục, trang phục phục vụ cho việc tập luyện và thi đấu của huấn luyện viên, vận động viên; chi mua, in ấn, phô tô tài liệu dùng cho công tác

chuyên môn; chi tiền ăn, bồi dưỡng cho thành viên ban tổ chức giải và một số chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác.

Thực tế các khoản chi cho chuyên môn nghiệp vụ trong ngành thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh trong 3 năm vừa qua được thể hiện qua bảng 4.10 dưới đây.

Năm 2015, kinh phí chi cho nghiệp vụ chuyên môn là 2.396,9 triệu đồng, năm 2016 là 2.702,6 triệu đồng (tăng 12,75% so với năm 2015) và năm 2017 là 3.489,1 triệu đồng (tăng 29,10% so với năm 2016). Có mức tăng bình quân 3 năm là 20,65% song đây là khoản chi chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ là 10,86% trong tổng chi NSNN cho thể thao. Điều này cho thấy tuy đã có sự quan tâm đầu tư hơn cho nhóm chi này qua mỗi năm song như vậy là chưa đủ để đảm bảo cho hoạt động chuyên môn diễn ra thường xuyên tại các trung tâm.

Bảng 4.10. Chi cho nghiệp vụ chuyên môn*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Nội dung | Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao | | | Trung tâm Hoạt động thể thao | | |
|----|---|--|----------------|----------------|------------------------------|----------------|----------------|
| | | 2015 | 2016 | 2017 | 2015 | 2016 | 2017 |
| 1 | Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành | 313,1 | 389,5 | 439,1 | - | - | - |
| 2 | Chi mua, in ấn, phô tô tài liệu chỉ dùng cho chuyên môn của ngành | - | - | - | 7,5 | 8,3 | 6,1 |
| 3 | Đồng phục, trang phục | 212,3 | 281,6 | 323,0 | - | - | - |
| 4 | Chi thanh toán hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn | 178,0 | 201,0 | 156,5 | - | - | - |
| 5 | Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành khác | 701,0 | 756,4 | 866,4 | 985,0 | 1.065,8 | 1.698,0 |
| | Tổng cộng | 1.404,4 | 1.628,5 | 1.785,0 | 992,5 | 1.074,1 | 1.704,1 |

(Nguồn: Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao, Trung tâm Hoạt động thể thao tỉnh Bắc Ninh)

*** Nhóm 3: Chi quản lý hành chính**

Nhóm chi này bao gồm các khoản chi hàng hoá, dịch vụ phục vụ cho việc quản lý mọi hoạt động tại các trung tâm như: mua vật tư văn phòng, điện, nước, điện thoại, internet, công tác phí, chi thuê mướn và chi đoàn đi công tác.

Ngoài hệ thống các văn bản quy định của nhà nước như thông tư quy định chế độ công tác phí; tiêu chuẩn trang bị, sử dụng điện thoại; chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô... thì tùy theo khả năng kinh phí và nhu cầu sử dụng thực tế, các đơn vị còn xây dựng định mức khoán chi cho một số nội dung theo quy định của nhà nước về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý tài chính (Quy chế chi tiêu nội bộ). Cụ thể như bảng dưới đây:

Bảng 4.11. Định mức khoán chi

| TT | Nội dung | Định mức (nghìn đồng) |
|-----------|---|------------------------------|
| 1 | Chi tiền điện thoại cố định tại các phòng ban | 100-150/phòng/tháng |
| 2 | Chi tiền điện thoại di động cho quản lý và lãnh đạo | 50-200/người/tháng |
| 3 | Chi khoán công tác phí | 150-200/người/tháng |
| 4 | Chi văn phòng phẩm cho cá nhân | 150-250/người/năm |
| 5 | Chi tiền chè nước cho cá nhân | 150/người/năm |

Thực tế các khoản chi quản lý hành chính trong ngành thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh trong 3 năm vừa qua được thể hiện qua bảng 4.12 dưới đây.

Nhóm chi quản lý hành chính mặc dù không ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thể thao nhưng lại là nhóm chi không thể thiếu trong quá trình hoạt động của đơn vị. Khoản chi trong nhóm này là một khoản chi nhỏ, chiếm 7,97 % trong tổng chi NSNN cho thể thao, song những nội dung của nhóm chi này không nằm trong kế hoạch chi cụ thể mà tùy thuộc vào tình hình sử dụng của mỗi đơn vị nên dễ tạo ra sơ hở trong quản lý. Vì vậy, cần phải có biện pháp để quản lý chặt chẽ nhóm chi này.

Bảng 4.12. Chi quản lý hành chính*Đơn vị tính : Triệu đồng*

| TT | Nội dung | Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao | | | Trung tâm Hoạt động thể thao | | |
|----|-----------------------------------|--|----------------|----------------|------------------------------|--------------|----------------|
| | | 2015 | 2016 | 2017 | 2015 | 2016 | 2017 |
| 1 | Thanh toán dịch vụ công cộng | 450,1 | 483,5 | 364,1 | 84,6 | 108,9 | 305,3 |
| 2 | Vật tư văn phòng | 41,8 | 40,0 | 28,6 | 5,3 | 7,7 | 30,4 |
| 3 | Thông tin, tuyên truyền, liên lạc | 119,1 | 142,8 | 126,3 | 254,4 | 362,6 | 514,1 |
| 4 | Công tác phí | 80,5 | 86,6 | 94,6 | 39,2 | 56,7 | 65,0 |
| 5 | Chi phí thuê mướn | 168,9 | 130,2 | 400,2 | 181,0 | 197,6 | 198,0 |
| 6 | Chi đoàn đi công tác, thi đấu | 285,0 | 329,0 | 560,1 | - | - | - |
| | Tổng cộng | 1.145,4 | 1.212,1 | 1.573,9 | 564,5 | 733,4 | 1.112,8 |

(Nguồn: Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao, Trung tâm Hoạt động thể thao tỉnh Bắc Ninh)

Nhóm 4: Chi mua sắm, sửa chữa lớn và xây dựng nhỏ

Bảng 4.13. Chi mua sắm, sửa chữa lớn và xây dựng nhỏ

Đơn vị tính : Triệu đồng

| TT | Nội dung | Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao | | | Trung tâm Hoạt động thể thao | | |
|----|---|--|----------------|----------------|------------------------------|--------------|--------------|
| | | 2015 | 2016 | 2017 | 2015 | 2016 | 2017 |
| 1 | Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình CSHT | 2.525,0 | 2.801,5 | 584,1 | 175,0 | 226,4 | 28,4 |
| 2 | Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn | 385,5 | 215,6 | 2.850,8 | 64,8 | 23,3 | 535,4 |
| | Tổng cộng | 2.910,5 | 3.017,1 | 3.434,9 | 239,8 | 249,7 | 563,7 |

(Nguồn: Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao, Trung tâm Hoạt động thể thao tỉnh Bắc Ninh)

Chi mua sắm, sửa chữa và xây dựng nhỏ chiếm 13,27% trong tổng chi NSNN cho thể thao, chỉ đứng sau nhóm chi thanh toán cho con người. Tuy con số thực tế chi là không lớn song lại có xu hướng tăng lên qua mỗi năm. Năm 2015, chi mua sắm, sửa chữa và xây dựng nhỏ là 3.150,3 triệu đồng, năm 2016 là 3.266,8 triệu đồng (tăng 3,70% so với năm 2015) và đến năm 2017 con số này đã là 3.998,6 triệu đồng (tăng 22.40% so với năm 2016).

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy, trong năm 2015 và 2016, cả hai trung tâm thể thao đều tập trung vào việc sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng như sửa chữa, bảo dưỡng mái nhà thi đấu, hệ thống điều hoà nhiệt độ, máy phát điện, đường điện, cấp thoát nước, thiết bị tin học... Đặc biệt, trong 2 năm này Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên đã giành một phần lớn kinh phí để sửa sang lại phòng làm việc cho cán bộ, nâng cấp, mở rộng khu nhà ở và nhà tập chung cho vận động viên. Điều này cũng cho thấy được sự quan tâm đầu tư của Sở VH-TT-DL đến công tác đầu tư cơ sở vật chất cho thể thao thành tích cao của tỉnh nhà.

Nhằm từng bước chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các môn thi đấu của ASIAD 18 tại Bắc Ninh cũng như để phục vụ tốt hơn cho việc tổ chức các giải thi đấu cấp quốc gia, quốc tế và việc tập luyện của vận động viên, năm 2016, Sở VH-TT-DL đã chỉ đạo tập trung mua sắm những trang thiết bị chuyên dụng cần thiết cho cả hai trung tâm.

Nhìn chung, tuy đã có sự đầu tư hơn qua các năm song kinh phí phân bổ cho nhóm chi này vẫn còn thấp, nên tình trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị vẫn còn thiếu tại các trung tâm, đặc biệt là ở Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao.

*** Nhóm 5: Chi các khoản khác**

Bảng 4.14. Chi các khoản khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nội dung | Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao | | | Trung tâm Hoạt động thể thao | | |
|----|--|--|--------------|--------------|------------------------------|-------------|--------------|
| | | 2015 | 2016 | 2017 | 2015 | 2016 | 2017 |
| 1 | Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán | 13,5 | 15,0 | 20,2 | - | - | 9,6 |
| 2 | Chi hỗ trợ khác | 90,0 | 97,5 | 130,0 | - | - | 52,5 |
| 3 | Chi tiếp khách | 149,0 | 165,5 | 201,0 | 60,5 | 64,8 | 138,0 |
| 4 | Chi các khoản khác | 46,8 | 58,9 | 75,8 | 10,7 | 20,6 | 58,8 |
| | Tổng cộng | 299,3 | 336,9 | 427,0 | 71,2 | 85,4 | 258,9 |

(Nguồn: Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao, Trung tâm Hoạt động thể thao tỉnh Bắc Ninh)

Các khoản chi khác xét về số tương đối và tuyệt đối đều chiếm tỷ lệ nhỏ nhất trong tổng chi NSNN cho thể thao song lại đều có xu hướng tăng lên qua các năm. Năm 2015, khoản chi này là 370,5 triệu đồng, chiếm 1,59%, năm 2016 là 422,3 triệu đồng (tăng 13,98 % so với năm 2015), chiếm 1,68% và năm 2017 là 685,9 triệu đồng (tăng 62,42% so với năm 2016), chiếm 2,28%. Tỷ trọng bình quân 3 năm thấp nhất là 1,83% nhưng lại có mức tăng cao nhất 36,06% trong cơ cấu chi NSNN cho thể thao. Đây là một điểm yếu trong công tác quản lý chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh khi để nhóm khoản chi thứ yếu này lại tăng cao hơn cả các nhóm chi chủ yếu cho ngành. Đặc biệt, nhìn vào bảng 4.14 ở trên ta thấy khoản chi tiếp khách trung bình mỗi năm là hơn 200 triệu đồng, chiếm hơn 50% tổng chi cho nhóm này. Đây là một khoản chi gián tiếp nên cần chi tiêu tiết kiệm hơn để tăng cường nguồn chi trực tiếp cho chuyên môn nghiệp vụ của ngành.

Đánh giá một cách tổng quát cho thấy chi NSNN cho thể thao từ nguồn ngân sách cấp trong những năm gần đây có sự gia tăng đáng kể. Tuy nhiên, cơ cấu nhóm chi trong tổng chi ở các đơn vị còn chưa hợp lý. Nhóm chi cho nghiệp vụ chuyên môn và chi mua sắm, sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ là hai nhóm chi quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của ngành thể thao nhưng lại chưa được quan tâm đúng mức, mức chi còn rất khiêm tốn. Ngược lại, nhóm chi cho công tác quản lý hành chính chỉ nên chiếm tỷ trọng nhỏ thì ở đây vẫn còn khá cao. Trong khi đáng lẽ khoản chi này có thể tiết kiệm được. Điều này nói lên một thực trạng trong bộ máy quản lý hành chính của các đơn vị hiện nay còn hoạt động kém hiệu quả. Để đảm bảo chi NSNN cho sự nghiệp thể thao hiệu quả hơn cần có sự thay đổi trong cơ cấu theo khoản chi.

So sánh tỷ lệ phần trăm thực hiện chi so với dự toán chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015 – 2017 được thể hiện qua bảng 4.15 dưới đây.

**Bảng 4.15. Tỷ lệ phần trăm thực hiện chi so với dự toán chi NSNN
cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017**

| Chỉ tiêu | Thực hiện/ Dự toán (%) | | |
|--|------------------------|--------------|-------------|
| | 2015 | 2016 | 2017 |
| 1. Chi thanh toán cho cá nhân | 100,6 | 114,9 | 101,5 |
| 2. Chi nghiệp vụ chuyên môn | 101,7 | 103,6 | 90,4 |
| 3. Chi quản lý hành chính | 89,8 | 96,9 | 109,4 |
| 4. Chi mua sắm, sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ | 102,5 | 96,9 | 93,4 |
| 5. Chi khác | 94,0 | 105,4 | 109,9 |
| Tổng cộng | 100,0 | 100,4 | 99,7 |

(Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở VH-TT-DL Bắc Ninh)

Nhìn vào bảng số liệu trên cho thấy, ngoại trừ năm 2015 thì kết quả thực hiện chi NSNN cho thể thao của hai năm còn lại đều có sự biến động so với dự toán chi, tuy nhiên sự biến động này là khá nhỏ và có dấu hiệu rút ngắn lại. Năm 2016, mức độ chênh lệch giữa thực hiện và dự toán chi là 0,4 % thì đến năm 2017 con số này chỉ còn 0,3%. Điều này cho thấy công tác lập dự toán chi NSNN của các đơn vị sự nghiệp thể thao đang ngày càng được quan tâm và cải thiện hơn. Thực tế thực hiện nhiệm vụ chi và chấp hành dự toán chi là một công việc khó hơn so với các công tác khác do các khoản chi trong hoạt động ngân sách thường biến động và hay có sự đột biến.

Bên cạnh đó, một phần do nguyên nhân là đầu năm 2016 có sự biến động về cán bộ làm công tác tài chính tại Sở và tại các đơn vị sự nghiệp thể thao nên các cán bộ mới này chưa nắm bắt kịp thời được nhiệm vụ cũng như công việc của mình, dẫn đến công tác lập dự toán và chấp hành dự toán còn kém.

Tổng hợp ý kiến đánh giá của các cá nhân thụ hưởng ngân sách về công tác quản lý chi NSNN của các trung tâm thể thao trực thuộc Sở VH-TT-DL Bắc Ninh được thể hiện qua bảng 4.16 dưới đây.

Bảng 4.16. Đánh giá của cá nhân thụ hưởng về công tác quản lý chi NSNN của các trung tâm thể thao (n = 40)

| TT | Nội dung câu hỏi | Có | | Chưa | |
|----|--|-----------|-------|-----------|-------|
| | | Số ý kiến | % | Số ý kiến | % |
| 1 | Định mức các khoản chi đã phù hợp với thực tế | 15 | 37,50 | 25 | 62,50 |
| 2 | Chất lượng cơ sở vật chất của các trung tâm được đầu tư hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương | 25 | 62,50 | 15 | 37,50 |
| 3 | Thủ tục thanh, quyết toán các khoản chi có đơn giản, nhanh gọn | 11 | 27,50 | 29 | 72,50 |
| 4 | Sự công khai, minh bạch trong quá trình sử dụng ngân sách | 19 | 47,50 | 21 | 52,50 |
| 5 | Công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách thường xuyên | 12 | 30,00 | 28 | 70,00 |
| 6 | Bộ phận thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả | 10 | 25,00 | 30 | 75,00 |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra)

Qua ý kiến đánh giá của các cá nhân thụ hưởng ngân sách, cụ thể là các cán bộ nhân viên, người lao động, huấn luyện viên, vận động viên cho thấy, công tác quản lý chi NSNN cho thể thao tại các trung tâm trong những năm vừa qua vẫn còn một số bất cập. Chất lượng cơ sở vật chất được đầu tư từ nguồn ngân sách phân bổ hàng năm có chất lượng không cao, xuống cấp nhanh chóng. Nhiều dụng cụ, trang thiết bị tập luyện của vận động viên do thời gian sử dụng lâu, ít được bảo dưỡng thường xuyên nên có dấu hiệu xuống cấp, không đảm bảo chất lượng. Thủ tục thanh quyết toán các khoản chi cho cá nhân còn chậm. Theo thông tư 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao, sau khi kết thúc giải, trong thời hạn tối đa 30 ngày, kế toán phải có trách nhiệm tập hợp chứng từ thu, chi và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành. Song thực tế thời gian thanh toán các khoản chi này thường phải mất từ hai đến ba tháng. Hoặc việc quyết toán các khoản chi cho đoàn khi đi thi đấu cũng vẫn còn chậm, làm ảnh hưởng không tốt tới tâm lý của cán bộ nhân viên, huấn luyện viên cũng như vận động viên. Điều này cho thấy sự yếu kém về

trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán cũng như sự hạn chế trong công tác quản lý tài chính của lãnh đạo các đơn vị.

Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra ở các đơn vị và của cấp trên về mặt quản lý tài chính hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Theo số liệu điều tra các cá nhân thụ hưởng cho thấy, có 70% số ý kiến cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách là chưa thường xuyên và 75% cho rằng bộ phận thanh tra nhân dân hoạt động chưa hiệu quả. Trên thực tế, thành phần ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của ban chấp hành công đoàn trung tâm hầu như đều thiếu hiểu biết về nghiệp vụ kế toán tài chính và chỉ tồn tại trên danh nghĩa nên khó phát hiện được những sai phạm xảy ra. Còn cấp trên, mặc dù hằng năm vẫn có bộ phận tài chính về kiểm tra quyết toán tài chính đơn vị nhưng đôi khi vì nể nang, vì quan hệ lợi ích nên dễ dàng bỏ qua những sai phạm.

Để quản lý tài chính luôn minh bạch, hiệu quả, đúng luật, tránh được những sai phạm gây thất thoát, các cấp quản lý cần mở những lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác tài chính tại các đơn vị. Cùng với đó, các đơn vị cần tập trung thực hiện nghiêm quy chế dân chủ, các khoản thu, chi phải được công khai, bàn bạc thống nhất. Đồng thời, phải tạo điều kiện cho thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát tài chính, góp phần lành mạnh hóa công tác tài chính tại đơn vị.

4.1.3.4. Thực trạng công tác quyết toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Quyết toán chi NSNN cho thể thao được tiến hành trên cơ sở xem xét, phân tích, đánh giá các khoản chi đã được nêu trong báo cáo quyết toán của các đơn vị sự nghiệp thể thao, để xác nhận các khoản chi theo đúng dự toán, đúng chế độ Nhà nước quy định. Công tác này làm chặt chẽ có tác dụng tăng cường kỷ luật tài chính, kế toán, ngăn ngừa và có biện pháp xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm chế độ chính sách tài chính phát sinh. Trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách nghiêm túc các báo cáo quyết toán của các đơn vị này giúp cho Sở VH-TT-DL và Sở Tài chính tổng hợp quyết toán NSNN hàng năm được đầy đủ và chính xác.

Công tác khoá sổ, lập và báo cáo quyết toán NSNN cuối năm được thực hiện theo Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn khác của Sở Tài chính. Trình tự lập, gửi, xét duyệt báo cáo quyết toán thời gian qua được thực hiện như sau:

Đến ngày 31/12 hàng năm các đơn vị phải thực hiện khoá sổ sổ kế toán và tiến hành lập báo cáo quyết toán NSNN hàng năm. Kinh phí hoạt động

thường xuyên của các đơn vị được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo chế độ. Các đơn vị thực hiện đối chiếu số dư dự toán với Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Căn cứ kết quả đối chiếu số dư dự toán, Kho bạc nhà nước có trách nhiệm thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước sang dự toán ngân sách năm sau.

Sau khi thực hiện công tác khóa sổ, kế toán các đơn vị có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán và gửi về phòng Kế hoạch - Tài chính của Sở VH-TT-DL để xét duyệt theo đúng chế độ tài chính quy định. Thời hạn nộp báo cáo quyết toán của các đơn vị sẽ do Sở VH-TT-DL quy định.

Phòng Kế hoạch - Tài chính theo chức năng nhiệm vụ quy định thực hiện xét duyệt quyết toán năm của các đơn vị theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ Tài chính. Cụ thể, Phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện kiểm tra danh mục báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán năm; kiểm tra tính chính xác và pháp lý của dự toán chi ngân sách được giao, bảo đảm khớp đúng với dự toán được cấp có thẩm quyền giao về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi; kiểm tra tính hợp pháp của từng khoản chi, bảo đảm khoản chi phải có trong dự toán NSNN được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc mức chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và đã được thủ trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền quyết định chi; kiểm tra việc mua sắm, quản lý và xử lý tài sản, việc tổ chức đấu thầu, thẩm định giá đối với những khoản chi mua sắm, sửa chữa lớn, bảo đảm việc mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản theo đúng quy định của pháp luật; kiểm tra việc hạch toán, kế toán các khoản thu, chi, bảo đảm theo đúng chế độ kế toán, năm ngân sách, cấp ngân sách và mục lục NSNN và kiểm tra tính khớp đúng của số liệu trên các chứng từ chi với sổ kế toán và báo cáo quyết toán.

Kết thúc thời gian xét duyệt quyết toán, phòng Kế hoạch - Tài chính thông báo kết quả xét duyệt quyết toán tới các đơn vị và lập báo cáo quyết toán năm của Sở VH-TT-DL gửi về Sở Tài chính trước ngày 25/3 năm sau để thẩm định.

Theo quy định tại Quyết định số 93/2010/QĐ-UBND ngày 23/7/2010 của UBND tỉnh Bắc Ninh, thời gian thẩm định quyết toán của Sở Tài chính đối với Sở VH-TT-DL tối đa là 25 ngày, kể từ khi nhận được báo cáo quyết toán của các đơn vị.

Nhìn chung, công tác lập báo cáo quyết toán chi ngân sách của các đơn vị sự nghiệp thể thao cơ bản đáp ứng được quy định của Nhà nước. Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách đã theo đúng các nội dung ghi trong dự toán được giao, đều có xác nhận của KBNN. Các đơn vị sử dụng ngân sách ngày càng ý thức được trách nhiệm của mình trong công tác quyết toán nên đã thực hiện lập, nộp các loại báo cáo theo đúng mẫu biểu quy định; Các số liệu trên sổ sách kế toán, báo cáo tài chính của mỗi đơn vị cơ bản cân đối và khớp đúng với số liệu chi ngân sách qua KBNN cả về tổng số và chi tiết. Công tác xét duyệt, thẩm định quyết toán chi NSNN được thực hiện nghiêm túc, cơ bản, chặt chẽ, đúng quy định. Quyết toán được lập từ cơ sở, tổng hợp từ dưới lên trên nên đảm bảo đầy đủ khách quan, nhanh gọn.

Tuy nhiên, công tác quyết toán của các đơn vị vẫn tồn tại một số hạn chế, yếu kém. Hầu như các đơn vị đều lập và nộp báo cáo quyết toán không đúng thời gian quy định. Nguyên nhân của việc này được thể hiện qua bảng số liệu điều tra sau:

Bảng 4.17. Kết quả khảo sát nguyên nhân của việc lập báo cáo quyết toán chi ngân sách chậm (n = 11)

| TT | Nguyên nhân | Số ý kiến | % |
|----|---|-----------|-------|
| 1 | Trình độ, năng lực kế toán đơn vị còn yếu kém | 8 | 72,73 |
| 2 | Văn bản hướng dẫn không rõ ràng | 3 | 27,27 |
| 3 | Thiếu tinh thần trách nhiệm | 6 | 54,55 |
| 4 | Khối lượng công việc nhiều | 5 | 45,45 |
| 5 | Ý kiến khác | 2 | 18,18 |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra)

Qua kết quả khảo sát đối với 11 phiếu cho cả lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về nguyên nhân của việc lập báo cáo quyết toán chi ngân sách chậm cho thấy có tới 72,73% ý kiến cho rằng là do trình độ, năng lực kế toán đơn vị còn yếu kém, 54,55% ý kiến là do thiếu tinh thần trách nhiệm, 45,45% ý kiến là do khối lượng công việc nhiều, còn lại 27,27% ý kiến là do văn bản hướng dẫn không rõ ràng và 18,18% ý kiến là do nguyên nhân khác.

Kế toán tại các đơn vị có trình độ chưa cao (kế toán tại Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao mới chỉ có bằng cao đẳng kế toán), hơn

nữa lại đều là các cán bộ trẻ, mới được tuyển dụng nên thiếu kinh nghiệm công tác thực tế, chưa theo kịp với sự đổi mới công tác quản lý tài chính NSNN trong giai đoạn hiện nay; ý thức chấp hành chế độ chính sách còn hạn chế, chưa nghiêm túc, chưa coi trọng việc quản lý chi NSNN theo cơ chế tự chủ như hiện nay. Do đó, để góp phần hoàn thiện công tác quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao cần có giải pháp đúng đắn nhằm tăng cường công tác quyết toán của các đơn vị.

4.1.3.5. Thực trạng công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Công tác kiểm tra, kiểm soát trong quá trình thực hiện là một trong những biện pháp ngăn ngừa việc chi tiêu bất hợp pháp, sử dụng sai mục đích các khoản chi, để có thể quản lý chi tiêu theo một trật tự nhất định.

Với đặc điểm cơ bản của các khoản chi là diễn ra thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị, mặc dù hệ thống văn bản chế độ hướng dẫn tương đối đầy đủ và chi tiết, tuy nhiên nhiều khoản chi còn mang tính cá biệt, đặc thù văn bản chế độ chưa quy định hoặc quy định chưa rõ ràng. Chính vì vậy, việc kiểm tra, kiểm soát quá trình chi là rất quan trọng và cần thiết.

** Đối với công tác kiểm tra, kiểm soát của Sở VH-TT-DL và Sở Tài chính*

Trên cơ sở dự toán được duyệt và các chính sách chế độ chi NSNN hiện hành, Sở Tài chính, Sở VH-TT-DL phải tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành dự toán chi ngân sách của các đơn vị sự nghiệp thể thao. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo định kỳ bằng việc xét duyệt, thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý của các đơn vị.

Để đánh giá, kiểm tra và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp các khoản chi trong quá trình thực hiện, các đơn vị phải gửi báo cáo tài chính lên Sở VH-TT-DL đúng thời gian quy định để kiểm tra đối chiếu. Mỗi quý, Sở Tài chính sẽ tiến hành kiểm tra số liệu chi của các đơn vị theo mục lục lục ngân sách, rà soát toàn bộ các mục chi, phát hiện các mục chi bất hợp lý, chi sai, tìm hiểu nguyên nhân để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp.

Qua công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chi của các đơn vị trong thời gian qua cho thấy vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Việc lập dự toán chi NSNN của các đơn vị vẫn chưa đầy đủ và chính xác các nhiệm vụ chi, dẫn đến việc trong quá trình điều hành chi NSNN, tỉnh vẫn phải bổ sung ngân sách cho các đơn vị.

- Công tác quản lý quỹ tiền mặt chưa chặt chẽ, các đơn vị sử dụng nhiều tiền mặt trong thanh toán.

- Nhiều khoản chi cho một số hội nghị, tiếp khách còn hoang phí, không cần thiết.

- Việc thực hiện kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán còn chậm, thiếu chủ động trong việc chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với các nội dung đã được kiến nghị xử lý; công tác báo cáo kết quả xử lý còn chậm, chưa bảo đảm thời gian quy định.

** Đối với công tác kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước*

Việc kiểm soát chi NSNN cho thể thao qua KBNN được thực hiện theo Thông tư số 18/2006/TT-BTC ngày 13.03.2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính và Thông tư 81/2006/TT-BTC ngày 06/9/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính.

- Đối với những khoản chi thanh toán cho cá nhân, chi quản lý hành chính và chi cho chuyên môn nghiệp vụ: KBNN thực hiện kiểm soát chi dựa vào các chế độ, định mức theo quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính; dựa vào nội dung công việc và dự toán được giao đầu năm cho các đơn vị.

- Đối với những khoản chi mua sắm, sửa chữa: KBNN thực hiện kiểm soát theo chế độ quy định hiện hành về kiểm soát chi thường xuyên và thông báo chi tiết của Sở Tài chính về các khoản chi này, đảm bảo đúng các nội dung dự toán được giao.

Kết quả kiểm soát các khoản chi NSNN qua KBNN của các đơn vị sự nghiệp thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2015 – 2017 được thể hiện qua bảng 4.18 dưới đây.

Qua kết quả kiểm soát của KBNN về các khoản chi trên trong thời gian vừa qua cho thấy một tình trạng xảy ra là có khá nhiều khoản thanh toán sai bị KBNN trả lại. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do chi sai chế độ tiêu chuẩn định mức, sai các yếu tố ghi trên chứng từ và ghi sai mục lục ngân sách. Ngoài ra, một số khoản chi vượt dự toán, thiếu hồ sơ thủ tục cũng bị KBNN trả lại.

Bảng 4.18. Kết quả kiểm soát các khoản chi NSNN qua KBNN của các đơn vị sự nghiệp thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2015-2017

Đơn vị tính: Khoản

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | 2017 | So sánh (%) | | |
|---|-------|-------|-------|---------------|---------------|--------|
| | | | | 2016/ 2015 | 2017/ 2016 | BQ |
| Số khoản thanh toán sai bị KBNN trả lại | 1.581 | 1.583 | 1.445 | 100,13 | 91,28 | 95,60 |
| - Sai chế độ tiêu chuẩn định mức | 452 | 425 | 397 | 94,03 | 93,41 | 93,72 |
| - Chi vượt dự toán | 59 | 55 | 48 | 93,22 | 87,27 | 90,20 |
| - Thiếu hồ sơ thủ tục | 87 | 102 | 96 | 117,24 | 94,12 | 105,05 |
| - Ghi sai mục lục ngân sách | 441 | 436 | 387 | 98,87 | 88,76 | 93,68 |
| - Sai các yếu tố ghi trên chứng từ | 542 | 565 | 517 | 104,24 | 91,50 | 97,67 |

(Nguồn: Báo cáo kiểm soát chi thường xuyên NSNN của các đơn vị sự nghiệp thể thao Bắc Ninh)

Nhìn chung, việc kiểm soát chi NSNN cho thể thao qua KBNN tỉnh Bắc Ninh được thực hiện khá nghiêm túc theo hướng công khai, minh bạch, góp phần thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Bên cạnh những mặt tích cực, việc kiểm soát chi NSNN qua KBNN vẫn còn những hạn chế, bất cập như: công tác kiểm soát chi chưa thực sự hiệu quả, vẫn còn tình trạng lãng phí NSNN; chưa tạo được sự chủ động cho các đơn vị trong sử dụng kinh phí mặc dù đã có cơ chế khoán, tự chủ, tự chịu trách nhiệm sử dụng biên chế và kinh phí hoạt động; còn quá nặng về hình thức chứng từ, gây khó khăn, phiền hà cho các đơn vị một cách không cần thiết.

4.1.4. Đánh giá kết quả công tác quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh

4.1.4.1. Những thành tựu đạt được

Qua phân tích thực trạng quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL Bắc Ninh cho thấy trong 3 năm gần đây tỉnh Bắc Ninh đã giành sự quan tâm, đầu tư khá lớn cho sự nghiệp thể thao và đã đạt được những thành tựu đáng kể trong công tác quản lý chi NSNN cho lĩnh vực này. Cụ thể như sau:

Với mô hình quản lý ngân sách thể thao ở Sở VH-TT-DL Bắc Ninh như hiện nay, Phòng Kế hoạch - Tài chính trực tiếp quản lý các công tác có liên quan đến tài chính của toàn ngành; các đơn vị sự nghiệp thể thao được trao quyền tự chủ trong quá trình quản lý chi NSNN được phân bổ hàng năm cho đơn vị mình. Các khoản chi của các đơn vị sự nghiệp thể thao được kiểm soát qua KBNN dựa trên định mức được phân bổ hàng năm của các đơn vị từ UBND tỉnh. Mô hình trên được đánh giá là tương đối hoàn thiện và đáp ứng kịp thời các yêu cầu đề ra trong quá trình quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao của Sở, đồng thời cũng giúp cho các đơn vị chủ động trong công tác chi tiêu để thực hiện nhiệm vụ, tránh lãng phí NSNN.

Về tổng số chi ngân sách cho thể thao: Được sự quan tâm của HĐND, UBND tỉnh Bắc Ninh nên số kinh phí đầu tư cho sự nghiệp thể thao đã không ngừng tăng lên qua hàng năm cùng với sự gia tăng nhu cầu mở rộng về quy mô và nâng cao chất lượng ngành thể thao. Công tác xã hội hóa thể thao được đẩy mạnh, khả năng khai thác nguồn vốn ngoài NSNN được nâng lên rõ rệt. Vì thế đã hỗ trợ một phần NSNN đầu tư cho thể thao, đó là một trong những nguyên nhân tạo cho ngành thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh có những chuyển biến đáng kể như hiện nay. Kết quả phát triển sự nghiệp thể thao đã đạt được phần nào cho thấy tính phù hợp và hiệu quả của việc tăng chi NSNN đầu tư cho thể thao.

Về cơ cấu chi NSNN: Sở VH-TT-DL Bắc Ninh đã đầu tư cho các nhóm chi theo thứ tự ưu tiên dựa vào vai trò của từng nhóm chi. Trong đó, ưu tiên hàng đầu là nhóm chi cho con người do đây là nhân tố quyết định đến sự phát triển của nền thể thao tỉnh, tiếp đến là nhóm chi cho mua sắm, sửa chữa, xây dựng cơ sở vật chất và chi cho chuyên môn nghiệp vụ. Cuối cùng là các khoản chi cho quản lý hành chính và một số khoản chi khác.

Về công tác lập dự toán chi ngân sách: Quy trình lập dự toán, xét duyệt và phân bổ dự toán chi NSNN cho thể thao được thực hiện theo đúng hướng dẫn của

Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn quy định. Việc lập dự toán bắt đầu từ đơn vị cuối cùng thụ hưởng ngân sách (các đơn vị sự nghiệp thể thao) cho đến các đơn vị cấp cao hơn. Các đơn vị sự nghiệp thể thao chủ động lập dự toán chi ngân sách dưới sự hướng dẫn của Sở Tài chính và Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở VH-TT-DL Bắc Ninh. Trong quá trình lập dự toán đã có sự thống nhất, thảo luận giữa Sở tài chính và Sở VH-TT-DL và các đơn vị sự nghiệp thể thao do đó đảm bảo được tính tập trung, dân chủ. Dự toán được lập theo đúng biểu mẫu, đúng thời gian và theo đúng định mức được phân bổ. Việc lập và phân bổ dự toán được thực hiện qua nhiều bước, chịu sự kiểm tra giám sát của nhiều cơ quan chức năng và được thông báo công khai đã làm tăng tính trung thực, chính xác của dự toán. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chấp hành dự toán.

Về công tác chấp hành dự toán chi ngân sách: Phần lớn nguồn kinh phí cấp phát cho các đơn vị sự nghiệp thể thao đã được tổ chức thực hiện bám sát dự toán được phân bổ, tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng NSNN. Với việc kiểm soát chi qua KBNN đã cho phép hạn chế thấp nhất những khoản chi sai mục đích, chế độ. Trên thực tế, hầu hết các khoản chi được sử dụng đúng mục đích, theo đúng dự toán đã được duyệt. Tính hiệu quả, tiết kiệm của các khoản chi được nâng cao.

Về công tác quyết toán chi ngân sách: Quy trình lập, gửi, xét duyệt báo cáo quyết toán được tuân thủ chặt chẽ theo Luật NSNN đảm bảo tính tập trung, dân chủ trong quản lý NSNN. Về cơ bản, nội dung báo cáo quyết toán theo đúng mục lục NSNN đã quy định, phản ánh đúng các nội dung ghi trong dự toán, đúng biểu mẫu quy định, hiện nay 100% các đơn vị sử dụng phần mềm kế toán theo hệ thống tạo điều kiện cho cơ quan quản lý được hiệu quả và thuận lợi.

4.1.4.2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác quản lý chi NSNN cho thể thao tại Sở VH-TT-DL Bắc Ninh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như sau:

* Về tổ chức bộ máy quản lý NSNN

Tổ chức bộ máy quản lý còn nhiều bất cập, đội ngũ cán bộ quản lý tài chính còn thiếu và kinh nghiệm còn hạn chế nên chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc. Trong quá trình điều hành, quản lý, hướng dẫn các đơn vị thực hiện dự toán còn chưa thật sát sao dẫn đến hiệu quả quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao chưa cao.

Sự phối hợp giữa các đơn vị trong mô hình quản lý và cấp phát kinh phí chưa thực sự gắn kết.

*** Về nguồn vốn đầu tư cho thể thao**

Trong tổng kinh phí cấp cho sự nghiệp thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh thì NSNN trung bình chiếm đến 70%. Điều này cho thấy sự phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn NSNN cấp. Các đơn vị sự nghiệp thể thao chưa làm tốt công tác xã hội hóa thể thao để tăng nguồn thu cho chi hoạt động thường xuyên của đơn vị mình, nhằm giảm bớt gánh nặng cho NSNN.

Hàng năm, nguồn NSNN tỉnh Bắc Ninh cấp cho ngành thể thao đều có chiều hướng tăng lên song như vậy vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành thể thao đang ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn cả về số lượng và chất lượng.

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của 11 lãnh đạo và các cán bộ quản lý tài chính về nguồn NSNN mà tỉnh Bắc Ninh cấp cho Sở VH-TT-DL để đầu tư cho ngành thể thao thì có đến 81,82 % ý kiến cho rằng nguồn ngân sách này chỉ mới dừng ở mức tạm đủ.

*** Về công lập dự toán chi ngân sách**

Công tác lập dự toán chưa thực sự được coi trọng và quan tâm đúng mức, chưa được coi là một công cụ hữu hiệu trong quản lý chi NSNN.

Cơ sở lập dự toán chưa có độ tin cậy cao. Các tiêu chuẩn, định mức áp dụng làm căn cứ lập dự toán qua thực tiễn nhiều năm đã không còn phù hợp. Với điều kiện giá cả, cơ cấu và nhu cầu tiêu dùng hiện nay mà vẫn áp dụng các định mức cũ là không thực tế, dẫn tới các đơn vị sự nghiệp thể thao lập dự toán chỉ mang tính chất hình thức, đối phó và thường đi theo lối mòn của các năm trước. Vấn đề này cũng xuất phát từ tâm lý ngại sửa đổi để bám sát vào các mục tiêu, nhiệm vụ mới trong thực tế. Vì nếu làm như vậy sẽ mất nhiều thời gian, công sức hơn cho việc lập dự toán mà lại gây ra những khó khăn trong việc xin xét duyệt dự toán.

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của lãnh đạo và các cán bộ quản lý tài chính về công tác lập dự toán chi NSNN của các đơn vị sự nghiệp thể thao thuộc Sở VH-TT-DL Bắc Ninh được thể hiện qua bảng 4.19 dưới đây.

Bảng 4.19. Đánh giá của lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về công tác lập dự toán chi NSNN của các trung tâm thể thao (n = 11)

| TT | Nội dung | Có | | Chưa | |
|----|---|-----------|-------|-----------|-------|
| | | Số ý kiến | % | Số ý kiến | % |
| 1 | Dự toán lập đã sát với thực tế | 2 | 18,18 | 9 | 81,82 |
| 2 | Dự toán lập đúng trình tự, thời gian, mẫu biểu quy định | 7 | 63,64 | 4 | 36,36 |
| 3 | Dự toán lập căn cứ vào chế độ, định mức quy định | 9 | 81,82 | 2 | 18,18 |
| 4 | Phân bổ dự toán chi ngân sách hợp lý | 8 | 72,73 | 3 | 27,27 |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra)

*** Về công tác chấp hành dự toán chi ngân sách**

Do việc xây dựng dự toán quý đơn vị còn làm chiếu lệ, không sát với tình hình thực tế do đó thường dẫn đến bị động trong chi tiêu và không tránh khỏi tình trạng chi sai mục đích, định mức quy định.

Qua kết quả khảo sát đối với lãnh đạo và các cán bộ quản lý tài chính về công tác chấp hành dự toán chi NSNN của các đơn vị sự nghiệp thể thao thuộc Sở VH-TT-DL Bắc Ninh ở bảng 4.20 dưới đây cho thấy có 27,27% ý kiến cho rằng một số khoản chi không đúng với dự toán được giao đầu năm, có 36,36% ý kiến cho rằng nhiều khoản chi không tuân theo tiêu chuẩn, định mức quy định như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí.

Hạch toán các khoản chi còn chưa đúng với mục lục NSNN hiện hành, nhất là đối với một số khoản chi mua sắm, sửa chữa... Một số khoản chi không có trong dự toán được duyệt nhưng đơn vị vẫn thực hiện, cuối năm đơn vị lại làm thủ tục xin điều chỉnh mục chi để hợp lý hóa thủ tục cho các khoản chi đó.

Bảng 4.20. Đánh giá của lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về công tác chấp hành dự toán chi NSNN của các trung tâm thể thao (n = 11)

| TT | Nội dung | Có | | Chưa | |
|----|--|-----------|-------|-----------|-------|
| | | Số ý kiến | % | Số ý kiến | % |
| 1 | Mọi khoản chi tiêu đều trong dự toán được giao đầu năm | 8 | 72,73 | 3 | 27,27 |
| 2 | Mọi khoản chi đều đúng tiêu chuẩn, định mức, đúng quy định | 7 | 63,64 | 4 | 36,36 |
| 3 | Quy trình cấp phát kinh phí đã kịp thời, chặt chẽ | 9 | 81,82 | 2 | 18,18 |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra)

*** Về công tác quyết toán chi ngân sách**

Công tác hạch toán kế toán, cập nhật chứng từ của các đơn vị sự nghiệp thể thao chưa kịp thời dẫn đến thời gian nộp báo cáo quyết toán chậm so với quy định. Báo cáo thuyết minh tài chính ở các đơn vị còn sơ sài, chưa nêu đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm.

Thời gian kiểm tra quyết toán theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính không nhiều, số lượng cán bộ tài chính của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh tham gia công tác kiểm tra quyết toán có hạn, trong khi đó số lượng các đơn vị sự nghiệp cần kiểm tra rất lớn nên công tác kiểm tra, xét duyệt quyết toán còn mang hình thức chiếu lệ, chưa sâu.

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của lãnh đạo và các cán bộ quản lý tài chính về công tác lập quyết toán chi NSNN của các đơn vị sự nghiệp thể thao thuộc Sở VH-TT-DL Bắc Ninh được thể hiện qua bảng 4.21 dưới đây.

Bảng 4.21. Đánh giá của lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về công tác quyết toán chi NSNN của các trung tâm thể thao (n = 11)

| TT | Nội dung | Có | | Chưa | |
|----|---|-----------|-------|-----------|-------|
| | | Số ý kiến | % | Số ý kiến | % |
| 1 | Quyết toán đúng thời gian quy định | 4 | 36,36 | 7 | 63,64 |
| 2 | Quyết toán đã phản ánh đầy đủ các nội dung theo mục lục NSNN quy định | 8 | 72,73 | 3 | 27,27 |
| 3 | Các báo cáo tài chính có được lập đầy đủ và đúng quy định | 8 | 72,73 | 3 | 27,27 |
| 4 | Số liệu quyết toán được công khai theo quy định | 9 | 81,82 | 2 | 18,18 |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra)

*** Về công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách**

Công tác kiểm tra, kiểm soát việc quản lý sử dụng ngân sách ở các đơn vị sự nghiệp thể thao chưa thường xuyên, chủ yếu mới dừng ở việc đi duyệt quyết toán cho các đơn vị khi hết năm. Hàng năm chưa thực hiện được việc đánh giá tình hình chi tiêu, hiệu quả chi tiêu của các nhóm mục chi, vì vậy, chưa tiến hành phân tích rút kinh nghiệm cho quản lý tốt hơn, có hiệu quả hơn.

Việc phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn (Sở Tài chính, Sở VH-TT-DL và KBNN) để theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí của đơn vị còn chưa chặt chẽ. Trình độ của đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát còn hạn chế, dẫn đến còn nhiều khoản chi sai chế độ, chi vượt định mức, chi không đúng đối tượng và thủ tục thanh toán còn chưa đầy đủ. Nhiều khoản chi theo nội dung công việc, mua sắm, sửa chữa với kinh phí lớn nhưng không được giám sát chặt chẽ nên hiệu quả sử dụng trang thiết bị không cao, gây lãng phí NSNN.

Qua kết quả khảo sát đối với lãnh đạo và các cán bộ quản lý tài chính về công tác kiểm tra, kiểm soát chi NSNN cho thể thao ở bảng 4.22 dưới đây cho thấy có tới 81,82% ý kiến cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát chưa được thường xuyên, thời gian tới cần phải có biện pháp cụ thể nhằm tăng cường hơn nữa trong việc quản lý chi tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

Bảng 4.22. Đánh giá của lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính về công tác kiểm tra, kiểm soát chi NSNN cho thể thao (n = 11)

| TT | Nội dung | Có | | Chưa | |
|----|---|-----------|-------|-----------|-------|
| | | Số ý kiến | % | Số ý kiến | % |
| 1 | Công tác kiểm tra, kiểm soát có thường xuyên | 2 | 18,18 | 9 | 81,82 |
| 2 | Công tác kiểm tra, kiểm soát có công khai, minh bạch | 7 | 63,64 | 4 | 36,36 |
| 3 | Cách thức tiến hành kiểm tra có phù hợp, đúng trình tự quy định | 6 | 54,55 | 5 | 45,45 |
| 4 | Sự phối hợp của các bên liên quan có đồng bộ, chặt chẽ | 7 | 63,64 | 6 | 36,36 |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra)

4.2. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO THỂ THAO TẠI SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BẮC NINH

4.2.1. Cơ chế, chính sách của Nhà nước về quản lý chi ngân sách nhà nước

Môi trường pháp lý là nhân tố có ảnh hưởng rất lớn tới quản lý chi NSNN ở địa phương nói chung và cho sự nghiệp thể thao nói riêng. Điển hình như: Hệ thống NSNN hiện nay vẫn mang tính lồng ghép nên quy trình ngân sách (khâu dự toán và quyết toán) khá phức tạp và nếu HĐND tuân thủ phương án phân bổ ngân sách của ngân sách cấp trên thì việc quyết định dự toán của HĐND chỉ mang tính hình thức, tỉnh Bắc Ninh cũng không ngoại lệ trong trường hợp này. Do đó, mặc dù Luật NSNN đã quy định rõ thẩm quyền thuộc về địa phương song địa phương vẫn chưa thể chủ động phân cấp nhiệm vụ chi cho cấp dưới, trong đó có chi cho sự nghiệp thể thao. Điều này dẫn đến tình trạng các đơn vị sử dụng ngân sách cấp dưới phải ngồi chờ vốn từ cấp trên, trong khi đó, đơn vị dự toán cấp trên lại phải chờ quyết định từ cơ quan quản lý ngân sách Trung ương mới có thể quyết định chi ngân sách. Bên cạnh đó, việc lập dự toán NSNN hiện nay đang thực hiện từ dưới lên trên nên dường như phải mất gấp đôi thời gian để lập được dự toán ngân sách. Điều này làm cho chất lượng của dự toán không cao và không sát với tình hình thực tế, đồng thời ảnh hưởng đến công tác quản lý và điều hành NSNN.

Định mức chi tiêu của Nhà nước là một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng dự toán, phân bổ dự toán và kiểm soát chi NSNN, cũng là một trong những chỉ tiêu để đánh giá chất lượng quản lý và điều hành NSNN của các cấp chính quyền địa phương. Việc ban hành các định mức chi một cách khoa học, cụ thể, kịp thời sẽ góp phần không nhỏ trong việc quản lý chi tiêu NSNN được chặt chẽ và hiệu quả hơn. Song hiện nay, một số hệ thống các định mức còn mang tính cứng nhắc, lạc hậu so với thực tế. Chẳng hạn như định mức chi tiêu cho các giải thi đấu thể thao được Liên Bộ Tài Chính, Bộ VH-TT-DL ban hành từ cuối năm 2011 đến nay vẫn được áp dụng. Việc này gây khó khăn không nhỏ cho công tác quản lý chi tiêu NSNN trong đơn vị sự nghiệp thể thao.

4.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước

- Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở VH-TT-DL

- + Thẩm tra việc phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp thể thao trực thuộc.

- + Kiểm tra các đơn vị trong việc quản lý, sử dụng kinh phí, đảm bảo đúng dự toán, đúng mục đích, chế độ, tiêu chuẩn. Trường hợp phát hiện các khoản chi vượt nguồn cho phép, sai chính sách chế độ hoặc đơn vị không chấp hành báo cáo thì có quyền yêu cầu KBNN tạm dừng thanh toán.

- + Thẩm định báo cáo quyết toán của các đơn vị, kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, khớp đúng giữa số liệu quyết toán do các đơn vị lập, số quyết toán đã qua KBNN xét quyết toán các đơn vị theo đúng quy định.

- Kho bạc nhà nước

- + Thực hiện việc thanh toán, chi trả các khoản chi NSNN cho thể thao căn cứ vào dự toán được giao, quyết định chi của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thể thao và tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ thanh toán theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật về chi NSNN.

- + Từ chối các khoản chi ngân sách cho thể thao khi không đủ điều kiện chi hoặc tạm dừng thanh toán theo yêu cầu của cơ quan tài chính.

- Sở Tài chính

- + Theo dõi, kiểm tra việc phân bổ, sử dụng ngân sách ngành thể thao của Sở VH-TT-DL và các đơn vị sự nghiệp thể thao.

- + Thẩm định báo cáo quyết toán của các đơn vị sự nghiệp thể thao mà Sở VH-TT-DL trình lên.

- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thể thao
- + Quyết định chi đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.
- + Quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.
- Kế toán các đơn vị
- + Thực hiện theo đúng chế độ quản lý tài chính, ngân sách, chế độ kế toán nhà nước quy định.
- + Phối hợp với cơ quan thanh tra, kiểm tra tài chính khi có yêu cầu.

Khi từng khâu, từng bộ phận trong bộ máy trên làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình và phối hợp với nhau một cách thống nhất, chặt chẽ sẽ làm tăng hiệu quả cho công tác quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao và ngược lại.

Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát đối với 11 phiếu cho cả lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính cho thấy có 54,55% ý kiến cho rằng công tác phối hợp giữa các phòng ban, các đơn vị còn chưa chặt chẽ, thống nhất; 45,45% ý kiến cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát còn chưa thường xuyên; 54,55% ý kiến cho rằng các văn bản hướng dẫn thực hiện NSNN thường xuyên thay đổi nhưng Sở Tài chính, Sở VH-TT-DL lại không kịp thời hướng dẫn cho đơn vị sự nghiệp thể thao; cùng với đó có 72,73 ý kiến cho rằng có sự yếu kém trong năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý NSNN đã dẫn đến nhiều khoản chi sai tiêu chuẩn, định mức quy định, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác chấp hành dự toán chi NSNN cho thể thao.

Bảng 4.23. Kết quả khảo sát nguyên nhân của các khoản chi chưa đạt tiêu chuẩn, định mức, chưa đúng quy định (n = 11)

| TT | Nguyên nhân | Số ý kiến | % |
|----|---|-----------|-------|
| 1 | Do chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định chưa phù hợp | 8 | 72,73 |
| 2 | Do cấp chậm nguồn ngân sách | 2 | 18,18 |
| 3 | Do văn bản hướng dẫn thường xuyên thay đổi, các đơn vị chưa nắm bắt kịp | 6 | 54,55 |
| 4 | Do thiếu sự hướng dẫn của cơ quan quản lý về chuyên môn nghiệp vụ | 6 | 54,55 |

| | | | |
|---|---|---|-------|
| 5 | Do năng lực quản lý của lãnh đạo và trình độ kế toán đơn vị sử dụng ngân sách chưa đáp ứng được yêu cầu | 8 | 72,73 |
| 6 | Do công tác phối hợp giữa các phòng ban liên quan chưa chặt chẽ, thống nhất | 6 | 54,55 |
| 7 | Do công tác kiểm tra, kiểm soát chưa chặt chẽ, thường xuyên | 5 | 45,45 |
| 8 | Ý kiến khác | 1 | 9,09 |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra)

4.2.3. Khả năng về nguồn lực ngân sách nhà nước

Nguồn vốn NSNN đóng vai trò quan trọng, quyết định đến sự phát triển sự nghiệp thể thao. Mà nguồn vốn đầu tư cho thể thao của tỉnh hiện nay chủ yếu từ ngân sách của tỉnh, hay nói cách khác phụ thuộc rất lớn vào nguồn thu ngân sách tỉnh. Hiện nay, Bắc Ninh là một tỉnh đang có nền kinh tế trên đà phát triển mạnh với hàng loạt các khu công nghiệp công nghệ cao, đóng góp một phần rất lớn cho nguồn thu NSNN của toàn tỉnh. Từ đó, nguồn ngân sách phục vụ cho sự nghiệp thể thao của tỉnh cũng dồi dào hơn.

Những năm qua, nguồn NSNN đầu tư cho thể thao không ngừng tăng lên đã tạo điều kiện nhiều hơn cho việc cải thiện tình hình cơ sở vật chất, thiết bị tập luyện, nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên, làm cho chất lượng của ngành thể thao không ngừng tăng lên.

4.2.4. Năng lực quản lý của người lãnh đạo và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý trong bộ máy quản lý ngân sách nhà nước

Lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp thể thao đều là những người có chuyên môn về thể thao, năng lực chuyên môn về tài chính bị hạn chế dẫn đến công tác xây dựng và triển khai kế hoạch về tài chính còn chưa hợp lý, cụ thể.

Do thường chú trọng phát triển chuyên môn nên lãnh đạo các đơn vị còn chưa thực sự quan tâm đến công tác quản lý tài chính, chưa tạo được cơ chế giám sát thường xuyên của tập thể cán bộ nhân viên đối với việc chi tiêu, chưa thực hiện nghiêm túc quy chế công khai tài chính. Điều này ảnh hưởng đến tính hiệu quả, tính công khai, minh bạch trong quản lý chi NSNN tại các đơn vị.

Các cán bộ của phòng Kế hoạch – Tài chính Sở VH-TT-DL Bắc Ninh là những người có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ nên thường xuyên đưa ra được những phương pháp quản lý phù hợp, xử lý thông tin quản lý

kip thời, chính xác làm cho hoạt động quản lý ngày càng đạt kết quả tốt, giảm thiểu được sai lệch trong cung cấp thông tin cho đối tượng sử dụng nguồn lực tài chính công, kiểm soát được toàn bộ nội dung chi, nguyên tắc chi và tuân thủ theo các quy định về quản lý nguồn tài chính công đảm bảo theo dự toán đã đề ra.

Cán bộ kế toán tại các đơn vị sự nghiệp thể thao tuy có một trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định song vẫn còn yếu, lại thiếu kinh nghiệm công tác, chưa nắm chắc cơ chế pháp lý hoạt động quản lý chi ngân sách nên khả năng quản lý và kiểm soát các khoản chi còn kém, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác quản lý chi NSNN tại đơn vị.

Kết quả khảo sát đối với các cá nhân thụ hưởng về đội ngũ cán bộ tổ chức quản lý chi NSNN của các đơn vị sự nghiệp thể thao thuộc Sở VH-TT-DL Bắc Ninh được tổng hợp ở bảng 4.19 dưới đây cho thấy có 57,5% ý kiến cho rằng trình độ chuyên môn của bộ phận kế toán đơn vị là trung bình và 5% là kém; 52,5% ý kiến cho rằng năng lực của ban lãnh đạo trong việc quản lý các nguồn lực tài chính ở mức trung bình và 7,5% là kém; và có tới 40% ý kiến cho rằng hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ quản lý chi NSNN là không cao.

Bảng 4.24. Đánh giá của cá nhân thụ hưởng về đội ngũ cán bộ tổ chức quản lý chi NSNN của các trung tâm thể thao (n = 40)

| TT | Nội dung | Tốt | | Trung bình | | Kém | |
|----|--|-----------|-------|------------|-------|-----------|-------|
| | | Số ý kiến | % | Số ý kiến | % | Số ý kiến | % |
| 1 | Năng lực của ban lãnh đạo trong việc quản lý các nguồn lực tài chính | 16 | 40,00 | 21 | 52,50 | 3 | 7,50 |
| 2 | Trình độ chuyên môn của bộ phận kế toán | 15 | 37,50 | 23 | 57,50 | 2 | 5,00 |
| 3 | Thái độ phục vụ của các cán bộ quản lý ngân sách | 35 | 87,50 | 5 | 12,50 | 0 | 0,00 |
| 4 | Hiệu quả công việc | 24 | 60,00 | 12 | 30,00 | 4 | 10,00 |

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra)

4.2.5. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát tài chính của bộ máy quản lý ngân sách nhà nước

Hiện nay, các đơn vị sự nghiệp thể thao đều chưa xây dựng được hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý, chủ yếu dựa trên sự hoạt động của bộ phận thanh tra nhân dân. Song bộ phận này chỉ tồn tại trên hình thức chứ không có sự hoạt động cụ thể nên gần như không có sự giám sát tài chính nào trong các đơn vị. Điều này có thể dẫn đến tình trạng tham ô, tham nhũng, lãng phí nguồn NSNN chi cho thể thao.

Phòng Kế hoạch – Tài chính của Sở VH-TT-DL không có sự kiểm tra, giám sát thường xuyên đến các đơn vị cơ sở, hàng năm chỉ đi kiểm tra một lần nên không nắm bắt hết được tất cả các vấn đề, trong khi đi thanh tra còn càn nê nên nhiều sai phạm dễ dàng được bỏ qua, không xử lý. Đây là vấn đề ảnh hưởng khá nghiêm trọng đến công tác quản lý chi NSNN cho thể thao.

Cán bộ chuyên quản của Sở Tài chính thường chỉ nắm bắt số liệu qua sự tổng hợp và báo cáo của Sở VH-TT-DL mà thiếu sự theo dõi, giám sát, kiểm tra trực tiếp các đơn vị sự nghiệp thể thao nên không đánh giá đúng kết quả thực hiện các khoản chi ngân sách cũng như không đánh giá đúng được hiệu quả công tác quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao.

4.2.6. Công nghệ thông tin trong quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Đây là một trong các yếu tố làm ảnh hưởng tới chất lượng công việc của cán bộ làm công tác quản lý tài chính. Công nghệ thông tin được trang bị hiện đại, đầy đủ sẽ giúp cho cán bộ làm việc hiệu quả hơn, chính xác hơn, tránh được tình trạng lãng phí thời gian và công sức. Các thông tin được truyền đạt nhanh và chính xác hơn. Cán bộ có điều kiện để tìm hiểu thêm các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ tốt cho công việc của mình.

Hiện tại, hệ thống công nghệ thông tin chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của công tác quản lý. Ngoài phòng Kế hoạch – Tài chính của Sở VH-TT-DL được đầu tư máy móc thiết bị, phần mềm tương đối đầy đủ, còn các đơn vị sự nghiệp thể thao thì trừ được trang bị phần mềm kế toán mới ra còn lại máy móc chủ yếu là đã cũ, sử dụng trong một thời gian dài nên đã xuống cấp, phần mềm tin học không thường xuyên được nâng cấp nên không đảm bảo chất lượng phục vụ cho công tác quản lý.

4.3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO THỂ THAO TẠI SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BẮC NINH

4.3.1. Định hướng phát triển sự nghiệp thể thao của tỉnh Bắc Ninh

Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là: Xây dựng nền thể dục, thể thao tiên tiến, góp phần tăng cường thể lực, nâng cao tầm vóc và giáo dục nhân cách, chất lượng cuộc sống và làm phong phú đời sống tinh thần của người dân; phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển phong trào thể dục, thể thao cho mọi người, thể dục, thể thao trong trường học làm nền tảng cơ bản và là tiền đề để phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh. Phấn đấu thành tích ở một số môn thể thao thế mạnh của tỉnh đạt trình độ của khu vực, châu lục và thế giới. Tăng cường xây dựng hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật các cấp, đặc biệt là Khu liên hợp thể dục, thể thao tỉnh tại khu đô thị mới Nam Sơn diện tích khoảng 100 ha trở lên.

Mục tiêu cụ thể:

** Phát triển thể dục thể thao cho mọi người:*

- Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên phấn đấu đến 2020 đạt 33,5%; đến 2025 đạt 37%; đến 2030 đạt trên 40% dân số.

- Tỷ lệ gia đình thể thao phấn đấu đến 2020 đạt khoảng 25%; đến 2025 đạt khoảng 27%; đến 2030 đạt trên 30% tổng số hộ gia đình.

- Số câu lạc bộ thể dục thể thao đến năm 2020 đạt từ 2000 câu lạc bộ trở lên; đến 2025 đạt trên 2500 câu lạc bộ; đến 2030 đạt trên 3000 câu lạc bộ.

- Đảm bảo tỷ lệ 100% học sinh, sinh viên tất cả các cấp học, bậc học thực hiện chương trình giáo dục thể chất chính khóa.

** Phát triển thể thao thành tích cao:*

- Đến năm 2020: Phấn đấu các giải quốc gia, quốc tế đạt 140-160 huy chương các loại. Trong đó 8-10 huy chương giải vô địch, 6-8 huy chương giải quốc tế. Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc lần thứ 8 (năm 2018), đoàn Bắc Ninh xếp thứ 20-22 tỉnh, thành, ngành/toàn quốc.

- Đến năm 2025: Phấn đấu các giải quốc gia, quốc tế đạt 150-170 huy chương các loại. Trong đó 10-12 huy chương giải vô địch, 8-10 huy chương quốc tế. Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc lần thứ 9 (năm 2020) duy trì thứ hạng từ 19-21 tỉnh, thành, ngành/toàn quốc.

- Đến năm 2030: Phấn đấu các giải quốc gia, quốc tế đạt 160-180 huy chương các loại. Trong đó 12-14 huy chương giải vô địch, 8-10 huy chương quốc tế. Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc lần thứ 10, 11 (năm 2026-2030) duy trì thứ hạng 18-20/toàn quốc.

** Về cơ sở vật chất thể thao:*

Triển khai xây dựng khu liên hợp thể dục, thể thao tỉnh tại khu đô thị mới Nam Sơn (sân vận động, nhà thi đấu đa năng, khu thể thao dưới nước, làng vận động viên, các hạng mục phụ trợ...).

** Về ngân sách thể thao:*

- Ngân sách sự nghiệp thể dục, thể thao đầu tư tăng dần từng năm theo sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đảm bảo chi ngân sách xây dựng cơ bản cho các công trình thể dục, thể thao các cấp theo đúng quy định và theo chương trình dự án. Ưu tiên nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng cho các công trình thể dục, thể thao cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, lộ trình đầu tư theo trọng điểm.

4.3.2. Định hướng hoàn thiện công tác quản lý chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp thể thao của tỉnh Bắc Ninh cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh

Những năm qua, công tác quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới cần dựa trên một số định hướng như sau:

- Hoàn thiện công tác quản lý chi NSNN cho thể thao phải được dựa trên cơ sở đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và chiến lược phát triển sự nghiệp thể thao tại địa phương nói riêng và đặc biệt phải đặt trong hành lang pháp lý về quản lý NSNN, đáp ứng các nguyên tắc cơ bản về quản lý chi NSNN.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả của bộ máy tổ chức quản lý tài chính, đảm bảo đủ năng lực đáp ứng nhu cầu quản lý hiện nay. Đồng thời, tăng cường chức năng, quyền hạn của bộ máy quản lý ngân sách, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý chi ngân sách.

- Hoàn thiện công tác quản lý phải đi đôi với việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp quản lý ngân sách cho thể thao nhằm nâng cao hiệu lực quản lý. Phân định chức năng, quyền hạn các cấp trong quản lý ngân sách đối với các đơn vị dự toán gắn liền với việc phân cấp, quản lý chi ngân sách Nhà nước

cho thể thao theo yêu cầu, nội dung phân cấp quản lý NSNN từng thời kỳ, có như vậy mới nâng cao được trách nhiệm của các đơn vị dự toán trong việc sử dụng kinh phí.

- Thực hiện nghiêm chỉnh Luật NSNN ở tất cả các cấp ngân sách và các đơn vị dự toán, trong tất cả các khâu từ xây dựng dự toán, phân bổ, phân cấp và điều hành quản lý đến việc thực hiện cấp phát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán ngân sách. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát kiên quyết xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm Luật NSNN nhằm tăng cường kỷ cương tài chính chống tham nhũng, tham ô, lãng phí làm thất thoát tài sản, tiền vốn của Nhà nước và nhân dân.

4.3.3. Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh

4.3.3.1. Củng cố tổ chức bộ máy quản lý, nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý tài chính

Hoàn thiện công tác quản lý chi ngân sách phải đi liền với hoàn thiện bộ máy, tăng cường chức năng, quyền hạn của bộ máy quản lý, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý. Tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy, rà soát chức năng nhiệm vụ của hệ thống quản lý tài chính để đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính trong giai đoạn mới, thực hiện có hiệu quả các khoản chi ngân sách thuộc quyền quản lý.

Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh cần bố trí cán bộ, công chức, viên chức dựa trên năng lực, trình độ chuyên môn ở từng lĩnh vực; thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định của Chính phủ và bố trí cán bộ phù hợp với khả năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện nghiêm chỉnh việc tuyển chọn cán bộ, tránh tình trạng tuyển cán bộ dựa theo quan hệ, “con ông cháu cha,, đặc biệt là với cán bộ làm công tác quản lý tài chính.

Xây dựng chiến lược quy hoạch cán bộ quản lý chi ngân sách bằng cách đào tạo và đào tạo lại gắn với tiêu chuẩn hóa từng chức danh và yêu cầu công tác. Bên cạnh đào tạo chuyên môn nghiệp vụ còn phải chú ý đào tạo kiến thức về quản lý nhà nước, về kinh tế thị trường, ngoại ngữ, tin học... Gắn việc đào tạo bồi dưỡng với quá trình sử dụng phù hợp với sở trường của cán bộ tài chính. Quan tâm chế độ tiền lương và thu nhập của đội ngũ cán bộ này làm cho họ yên tâm không tìm cách xoay sở bóp méo chính sách của Đảng và Nhà nước. Hàng năm phải đánh giá trách nhiệm nhiệm vụ của cán bộ chi ngân sách và xử lý

nghiêm minh các trường hợp cố ý làm sai trong quản lý chi ngân sách cho thể thao tại các đơn vị.

Đơn vị sự nghiệp thể thao là nơi trực tiếp sử dụng các khoản kinh phí NSNN đầu tư cho thể thao (kể cả kinh phí ngân sách cấp và các nguồn thu khác của đơn vị). Yêu cầu đặt ra cho công tác quản lý tài chính ở đây là quản lý, sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích, đúng chế độ các khoản chi ngân sách cho thể thao, tăng cường tính tự chịu trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị, các chủ tài khoản trong công tác quản lý tài chính trong đơn vị. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với những khoản chi sai chế độ, tiêu chuẩn, lãng phí, không đúng mục đích. Nếu vi phạm làm tổn thất ngân sách của Nhà nước phải bồi thường, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Để đáp ứng được yêu cầu trên đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý tài chính tại các đơn vị sự nghiệp phải có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để quản lý chặt chẽ và hạch toán đầy đủ, rõ ràng các khoản chi từ các nguồn khác nhau. Xuất phát từ thực trạng thời gian vừa qua, cán bộ làm công tác quản lý tại các đơn vị sự nghiệp thể thao chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý; chủ tài khoản các đơn vị chỉ sâu về quản lý chuyên môn thể thao không am hiểu về quản lý tài chính, đội ngũ cán bộ kế toán tại các đơn vị thiếu kinh nghiệm về nghiệp vụ chuyên môn và phải kiêm nhiệm các công việc khác như quản lý hành chính, văn thư. Vì vậy, cũng cố nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính tại các đơn vị sự nghiệp thể thao cần chú trọng đến việc thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý tài chính nói chung, công tác kế toán nói riêng cho đội ngũ cán bộ làm công tác kế toán ở các đơn vị. Hàng năm Nhà nước thường ra nhiều quy định mới đòi hỏi các cán bộ quản lý tài chính phải nghiên cứu, cập nhật thường xuyên. Vì vậy các đơn vị nên tạo điều kiện cho cán bộ vừa được đi học tập và vừa làm việc một cách tốt nhất.

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ làm công tác quản lý chi NSNN cho thể thao.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài chính tại các đơn vị sự nghiệp thể thao để nâng cao hiệu quả tham mưu, điều hành NSNN.

4.3.3.2. Tăng cường nguồn vốn đầu tư cho thể thao

Như đã nói ở trên, hiện nay, trong các nguồn vốn đầu tư cho thể thao thì nguồn vốn NSNN chiếm tỷ trọng lớn nhất, các nguồn khác như viện trợ, tài trợ, nguồn thu sự nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ hơn rất nhiều. Điều đó tạo ra gánh nặng đối với ngân sách địa phương trong việc cân đối nguồn để đáp ứng nhiệm vụ chi cho sự nghiệp thể thao của tỉnh.

Để giảm bớt gánh nặng cho NSNN, tăng cường sự tham gia của toàn xã hội vào quá trình phát triển thể thao của tỉnh nhà thì xã hội hóa thể thao là giải pháp cơ bản tạo nguồn thu đáp ứng nhu cầu chi của ngành.

Tăng cường hoạt động xã hội hóa vào việc đầu tư xây dựng các hạng mục công trình văn hoá, thể dục thể thao nhằm giải quyết một phần những khó khăn về ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng công trình thể dục, thể thao: bể bơi, nhà tập, sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân tennis... giúp đưa Thể thao Bắc Ninh trở thành một trong những tỉnh có hệ thống cơ sở TDTT phát triển hiện đại.

Tăng cường hoạt động xã hội hóa trong việc tài trợ cho các bộ môn đào tạo thành tích của tỉnh bằng hình thức tiền hoặc thiết bị, dụng cụ, trang phục phục vụ cho việc tập luyện và thi đấu thể thao.

Để làm tốt công tác xã hội hóa thể thao thì Sở VH-TT-DL Bắc Ninh cần có các giải pháp đồng bộ và đầy đủ. Cụ thể như sau:

- Thành lập “Quỹ hỗ trợ tài năng thể thao” các cấp nhằm huy động các nguồn đóng góp. Có cơ chế chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho sự nghiệp thể thao. Tiền ủng hộ của các tổ chức, cá nhân được ghi dưới hình thức phù hợp theo yêu cầu.

- Tuyển chọn vận động viên một cách kỹ lưỡng, có chọn lọc nhằm nâng cao chất lượng ngành thể thao, làm cơ sở để huy động nguồn tài trợ cho thể thao của tỉnh.

- Có chính sách ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến tham gia tập luyện, thi đấu, sử dụng các dịch vụ thể thao tại Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bắc Ninh nhằm tăng nguồn thu sự nghiệp thể thao.

4.3.3.3. Hoàn thiện công tác lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Một trong những yêu cầu cơ bản nhất đối với việc quản lý chi NSNN cho thể thao là công tác lập dự toán. Việc lập dự toán chi NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL phải dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển sự nghiệp thể thao của tỉnh Bắc Ninh; dựa trên những căn cứ cụ thể và các văn bản pháp quy hướng dẫn lập dự toán.

Xây dựng dự toán hàng năm cho thể thao phải dựa trên tinh thần quán triệt quan điểm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ quan trọng, trọng tâm của ngành trên cơ sở nguồn lực ngân sách được phân bổ hàng năm.

Việc lập dự toán ở các đơn vị sự nghiệp thể thao phải căn cứ vào tình hình thực hiện năm trước để đảm bảo độ chính xác nhất định, tránh tình trạng dự toán các đơn vị lập lên quá cao, gây khó khăn cho công tác thẩm định, xét duyệt dự toán.

Để khắc phục những hạn chế còn tồn tại và nâng cao chất lượng dự toán chi NSNN cho thể thao thì cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cần ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn lập dự toán năm kế hoạch, tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp thể thao chủ động trong việc xác định thời gian và biểu mẫu số liệu phục vụ cho việc thảo luận dự toán với Sở VH-TT-DL Bắc Ninh.

- Tăng thời gian chuẩn bị ngân sách để có thể dành lượng thời gian cần thiết cho việc các đơn vị sự nghiệp thể thao chuẩn bị dự toán chi NSNN chi tiết theo mục lục ngân sách.

- Dự toán chi NSNN cho thể thao phải được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá hiệu quả của những khoản chi qua các năm, mọi khoản chi về NSNN đều phải được xác định một cách chi tiết trước trong dự toán và đúng với chế độ, định mức, tiêu chuẩn của Nhà nước.

4.3.3.4. Hoàn thiện công tác chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Trong cấp phát ngân sách, cần phải bám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của ngành, đơn vị và dự toán năm của các đơn vị để cấp phát, tránh tình trạng một số khoản kinh phí để dồn đến cuối năm mới cấp phát, gây khó khăn cho các đơn vị.

Việc cấp phát kinh phí luôn luôn phải đảm bảo yêu cầu đúng đối tượng, đúng định mức, đúng mục đích, kịp thời và đúng dự toán được duyệt. Tránh tình trạng gây phiền hà, quan liêu, giấy tờ trong khi đã có đầy đủ căn cứ để cấp cho các đơn vị thụ hưởng.

Trong quá trình cấp phát, cơ quan tài chính phải tạo mối quan hệ chặt chẽ với KBNN nhằm thực hiện kiểm soát chi theo đúng quy định về quản lý NSNN hiện hành. Trong những trường hợp cần thiết, cơ quan tài chính có thể tổ chức

những đợt kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất ở các đơn vị sau khi thực hiện cấp phát kinh phí, nhằm ngăn chặn những hiện tượng sử dụng kinh phí sai mục đích, kém hiệu quả, gây thất thoát nguồn vốn đầu tư cho thể thao.

Các đơn vị sử dụng NSNN phải làm đầy đủ thủ tục thanh toán trước khi gửi KBNN duyệt chi, hạn chế tình trạng nợ thủ tục, sai nội dung chi để xin điều chỉnh mục chi vào cuối năm.

Trong chi NSNN cho thể thao như đã nêu ở trên được phân ra làm 5 nhóm mục chi. Trong mỗi nhóm mục chi ấy lại chia ra nhiều khoản chi khác nhau. Khoản chi nào cũng quan trọng và không thể thiếu được. Song điều quan trọng hơn là phải xác định xem khoản chi nào là cần thiết hơn trong mỗi nhóm mục chi và nhóm chi nào cần thiết hơn trong kết cấu chi NSNN cho thể thao. Từ đó có định hướng để ra tăng cho những khoản chi, nhóm chi ấy nhằm nâng cao hiệu quả chi ngân sách.

Căn cứ vào thực trạng quản lý chi NSNN cho thể thao, cần thực hiện đổi mới cơ cấu chi NSNN theo hướng:

- Dành nguồn đáp ứng đủ mức chi cho con người nhằm đảm bảo điều kiện sống cho cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên. Đồng thời để hạn chế việc tăng chi cho con người không cần thiết, Sở VH-TT-DL cần có kế hoạch rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ hiện có, tinh giản biên chế với những cán bộ và huấn luyện viên không đủ năng lực, trình độ chuyên môn, không đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ công việc. Riêng khoản chi tiền thưởng thì cần chú trọng hơn nữa. Khoản chi này rất có ý nghĩa trong việc khuyến khích, tạo động lực tập luyện, nâng cao thành tích thi đấu cho các vận động viên nhằm mang lại thành tích cho tỉnh nhà mà mang về vinh quang cho cả đất nước bởi từ trước tới nay có không ít vận động viên của tỉnh Bắc Ninh đã đạt nhiều huy chương tại các giải thi đấu thể thao trong khu vực cũng như trên trường quốc tế.

- Nâng dần tỷ trọng chi cho nghiệp vụ chuyên môn và chi cho mua sắm, sửa chữa, xây dựng nhỏ. Nhóm này rất cần thiết, đảm bảo cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị tập luyện, thi đấu, từng bước khắc phục sự xuống cấp của cơ sở vật chất, của đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện vận động viên thành tích cao và chất lượng tổ chức các giải thi đấu thể thao. Với những môn tỉnh có thể mạnh hơn như Vật, Karatedo thì cần đặc biệt quan tâm đầu tư nhiều hơn để mang lại thành tích cao hơn.

- Giảm dần tỷ trọng các khoản chi phí quản lý hành chính và các khoản chi phí khác, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi hội nghị, tiếp khách tránh lãng phí trong chi tiêu ngân sách.

Thực hiện nghiêm quy định của luật phòng chống tham nhũng, luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đặc biệt là tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả Chương trình thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí do UBND tỉnh, thành phố Bắc Ninh ban hành. Phải tạo bước chuyển biến rõ nét trong nhận thức đi đến hành động của từng đơn vị, từng cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong công tác này, đây là một việc khó, nên tránh việc tuyên truyền vận động suông mà phải đi vào thực chất. Trước mắt thực hiện tiết giảm ngay các khoản chi hành chính chưa cần thiết còn mang tính phô trương, hình thức như chi cho tổ chức kỷ niệm các ngày lễ, ngày thành lập ngành, chi liên hoan gặp mặt cuối năm, chi tiếp khách, tham quan...

Thực hiện nghiêm quy định của Nhà nước trong việc mua sắm trang thiết bị phương tiện làm việc trong các cơ quan hành chính. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

4.3.3.5. Hoàn thiện công tác quyết toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Quyết toán ngân sách là khâu cuối cùng của quy trình chấp hành, quản lý tài chính ngân sách ở các đơn vị. Mặc dù luật NSNN quy định chặt chẽ nhưng tình trạng chung hiện nay là quyết toán ở các đơn vị sự nghiệp thể thao cũng như ở Sở VH-TT-DL thường chậm và chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định.

Vì vậy trong thời gian tới cần có những giải pháp nghiêm ngặt, việc lập, nộp và duyệt báo cáo quyết toán, phải đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và chính xác theo yêu cầu của cơ quan tài chính cấp trên. Công tác lập và báo cáo quyết toán phải đảm bảo sự thống nhất từ các đơn vị thụ hưởng (các đơn vị sự nghiệp thể thao) cho đến cơ quan tài chính cấp trên (Sở VH-TT-DL, Sở Tài chính), phải có sự nhất quán ngay từ đầu trong việc ra các văn bản hướng dẫn việc lập báo cáo quyết toán. Đi kèm với báo cáo quyết toán phải có phần đánh giá chính xác việc thực hiện kế hoạch và hiệu quả sử dụng kinh phí trong năm ngân sách. Điều này rất có ý nghĩa trong việc tìm hiểu nguyên nhân để đưa ra những biện pháp khắc phục kịp thời cho việc xây dựng dự toán ngân sách năm sau.

Quyết toán ngân sách cũng đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan quản lý NSNN, đặc biệt là KBNN. Các báo cáo quyết toán phải gửi cho cơ quan

kiểm toán để kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí và có biện pháp xử lý kịp thời đối với những trường hợp sử dụng không đúng mục đích, đối tượng chi.

Đẩy mạnh công khai tài chính nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị trong việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát quá trình quản lý và sử dụng NSNN cho thể thao.

4.3.3.6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chi ngân sách nhà nước cho thể thao

Quản lý chi NSNN cho thể thao được diễn ra liên tục từ khâu lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán. Trong quá trình đó cần phải tăng cường kiểm tra, giám sát xem các đơn vị có thực hiện theo đúng trình tự và thời gian quy định hay không, việc sử dụng nguồn kinh phí cấp phát có đúng mục đích và mang lại hiệu quả hay chưa. Chính vì vậy, các cơ quan tài chính cần tiến hành kiểm tra thường xuyên hay định kỳ từ khâu lập dự toán cho đến khâu quyết toán.

Đối với thanh tra tài chính: cần xác định các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung thanh tra, đặc biệt là các lĩnh vực có nguồn kinh phí lớn, dễ xảy ra thất thoát, lãng phí như: mua sắm trang thiết bị, tài sản phục vụ hoạt động tập luyện, thi đấu thể thao...

Tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan thanh tra tài chính ở địa phương để tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình thanh tra, gây khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị.

Đối với cơ quan tài chính: ngoài việc tổ chức các hình thức cấp phát vốn một cách thích hợp phải tăng cường kiểm tra, giám sát một cách thường xuyên, liên tục và có hệ thống tình hình nhận và sử dụng kinh phí tại mỗi đơn vị được cấp sao cho mỗi khoản chi tiêu kinh phí vừa phải đảm bảo đúng dự toán, đúng tiêu chuẩn của chế độ chi NSNN hiện hành, góp phần nâng cao tính tiết kiệm và hiệu quả trong quản lý các khoản chi NSNN cho thể thao.

Xuất phát từ thực tế trong thời gian qua Sở Tài chính Bắc Ninh mới chủ yếu thực hiện công tác kiểm tra khi quyết toán kinh phí hàng năm vì vậy không có tác dụng ngăn ngừa và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kỷ luật tài chính phát sinh nên thời gian tới phải tăng cường công tác kiểm tra giám sát hàng ngày qua mỗi nghiệp vụ cấp phát kinh phí, đồng thời thực hiện kiểm tra giám sát theo định kỳ bằng việc thẩm định và xét duyệt các báo cáo tài chính hàng tháng, quý của các đơn vị sự nghiệp thể thao.

Đối với KBNN: Với chức năng quản lý quỹ NSNN và là đơn vị được Nhà nước giao nhiệm vụ kiểm soát các khoản chi NSNN. KBNN thực hiện kiểm soát chi khi thủ trưởng đơn vị sử dụng NSNN đã chuẩn chi, chính vì vậy để tránh sự chồng chéo về nội dung kiểm soát giữa cơ quan tài chính và KBNN cần xác định rõ nội dung kiểm soát của KBNN, có như vậy mới phân định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong quá trình quản lý chi NSNN cho thể thao.

Phạm vi kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước là kiểm tra tính hợp pháp và hợp lý của hồ sơ, chứng từ mua bán; tính hợp pháp của các chữ ký của người chuẩn chi và kế toán trưởng đơn vị; số tiền chi trả có nằm trong dự toán được duyệt và có đúng mục lục ngân sách hay không và cuối cùng là việc tuân thủ các định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách Nhà nước hiện hành. Ngoài việc kiểm tra, kiểm soát các nội dung trên, hiện nay, KBNN cần quan tâm đến việc kiểm soát một cách chặt chẽ tồn quỹ tiền mặt tại các đơn vị sự nghiệp thể thao, tăng cường thanh toán các khoản chi bằng hình thức chuyển khoản, hạn chế khối lượng tiền mặt tồn dư tại các đơn vị quá lớn.

Khi tăng cường kiểm tra của các cơ quan chức năng, cơ quan tài chính không có nghĩa là hạ thấp vai trò kiểm soát nội bộ của các đơn vị sự nghiệp thể thao. Cần xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động độc lập với phòng Kế toán của đơn vị và phải thực hiện một cách nghiêm túc, thường xuyên, liên tục nhằm ngăn chặn và phát hiện kịp thời các gian lận, sai sót trong công tác chi NSNN cho thể thao tại các đơn vị, đồng thời góp phần hỗ trợ một cách tích cực cho công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan tài chính cấp trên.

PHẦN 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài *“Quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh”* tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Nghiên cứu đã góp phần hệ thống hóa những cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý chi NSNN cho thể thao. Về cơ sở lý luận, nghiên cứu làm rõ một số nội dung như ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước, thể thao, quản lý chi NSNN cho thể thao, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi NSNN cho thể thao. Trong đó nhấn mạnh nội dung công tác quản lý chi NSNN bao gồm bốn nội dung cơ bản là quản lý công tác lập dự toán, quản lý việc chấp hành dự toán, quản lý quyết toán và kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chi NSNN cho thể thao. Về cơ sở thực tiễn, nghiên cứu làm rõ về công tác quản lý chi NSNN cho thể thao ở một số tỉnh trong nước, trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh.

2. Qua phân tích thực trạng quản lý chi NSNN cho sự nghiệp thể thao tại Sở VH-TT-DL tỉnh Bắc Ninh cho thấy về cơ bản công tác quản lý chi đã được thực hiện khá tốt như công tác lập dự toán được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Luật Ngân sách nhà nước; chấp hành dự toán dựa trên các tiêu chuẩn định mức và theo đúng dự toán được duyệt; báo cáo quyết toán được lập theo đúng mẫu biểu quy định Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác quản lý chi vẫn có một số tồn tại cần khắc phục như: các đơn vị sự nghiệp thể thao còn lúng túng, chưa chủ động trong việc triển khai lập dự toán, dự toán chưa bám sát nhu cầu thực tế, không có tính dự báo trước các khoản phát sinh trong kế hoạch; công tác lập và nộp báo cáo quyết toán còn chậm so với thời gian quy định; công tác kiểm tra, kiểm soát với việc sử dụng kinh phí ở các đơn vị còn thiếu chặt chẽ, chưa được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chi NSNN cho thể thao là cơ chế, chính sách của Nhà nước, tổ chức bộ máy quản lý, khả năng về nguồn vốn, năng lực trình độ của đội ngũ quản lý, hệ thống kiểm tra tài chính và công nghệ thông tin trong quản lý. Trong đó, trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý chi ngân sách là yếu tố ảnh hưởng cơ bản chủ yếu.

3. Trên cơ sở phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng, tác giả đã đưa ra định hướng và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi

NSNN cho thể thao của Sở VH-TT-DL Bắc Ninh. Các giải pháp đó bao gồm: (1) củng cố tổ chức bộ máy quản lý, nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý tài chính; (2) Tăng cường nguồn vốn đầu tư cho thể thao; (3) Hoàn thiện công tác lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao; (4) Hoàn thiện công tác chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao; (5) Hoàn thiện công tác quyết toán chi ngân sách nhà nước cho thể thao; (6) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chi ngân sách nhà nước cho thể thao.

5.2. KIẾN NGHỊ

5.2.1. Đối với Chính phủ, Bộ Tài chính

- Cần nghiên cứu hoàn thiện các Luật về chi NSNN, cần cụ thể hoá các nội dung chi hiện đã được quy định rất chung trong luật NSNN thành các Luật chuyên về từng nội dung chi, thậm chí về những khoản chi quan trọng.

- Bổ sung, sửa đổi một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đã quá lạc hậu, không phù hợp với các điều kiện kinh tế hiện tại như định mức chi cho các giải thi đấu thể thao, định mức chi cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao.

- Đề nghị thực hiện phân cấp, phân quyền cho địa phương được phép ban hành một số chế độ tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách với những yêu cầu và điều kiện nhất định theo định mức trong khung do Bộ Tài chính quy định.

5.2.2. Đối với chính quyền tỉnh Bắc Ninh

- Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, định mức chi NSNN được phân cấp một cách nhanh chóng và không trái với những quy định của các cơ quan chức năng cấp trên. Tổ chức triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản quy định chế độ chi tiêu NSNN đến tất cả các đơn vị sử dụng NSNN.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và cả hệ thống chính trị chăm lo cho sự nghiệp thể thao, đảm bảo cân đối được nguồn ngân sách đầu tư cho thể thao, NSNN đầu tư cho thể thao phải đảm bảo đáp ứng được nhu cầu thực tế của sự nghiệp thể thao.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý tài chính tại các đơn vị sự nghiệp thể thao trực thuộc Sở VH-TT-DL Bắc Ninh. Cần chú ý tới chất lượng của những đợt thanh tra cũng như việc lựa chọn cán bộ làm công tác thanh tra là một vấn đề hết sức quan trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011). Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao.
2. Bộ Tài chính (2007). Thông tư số 01/2007/TT-BTC hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp
3. N.H (2016). Thẻ dực Thể thao không thể thiếu trong đời sống xã hội và phát triển của mỗi quốc gia.
<http://www.tdtt.gov.vn/tabid/194/ArticleID/19114/Default.aspx?returnUrl=/tabid/194/Default.aspx>
4. Nguyễn Văn Hà (2016). Quản lý ngân sách nhà nước tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phú Thọ. Trường Đại học kinh tế Đại học Quốc Gia Hà Nội. tr. 9.
5. Nguyễn Xuân Cừ, Trần Văn Hậu, Đặng Đức Hoàn, Hoàng Văn Hưng, Nguyễn Đăng Thiện, Nguyễn Văn Toàn (2013). Bài giảng Lý thuyết giáo dục thể chất. Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội. tr. 4-5.
6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh (2015-2017). Báo cáo quyết toán ngân sách ngành thể thao các năm, Bắc Ninh.
7. Thủ tướng Chính phủ (2011). Quyết định 32/2011/QĐ-TTg về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu.
8. Trung tâm Đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao tỉnh Bắc Ninh (2015-2017). Báo cáo quyết toán ngân sách các năm, Bắc Ninh.
9. Trung tâm Hoạt động thể thao tỉnh Bắc Ninh (2015-2017). Báo cáo quyết toán ngân sách các năm, Bắc Ninh.
10. UBND tỉnh Bắc Ninh (2008). Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND về việc thành lập Sở VH-TT-DL Bắc Ninh.
11. UBND tỉnh Bắc Ninh (2012). Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù cho huấn luyện viên, vận động viên và chế độ chi tiêu tài chính các giải thể thao trên địa bàn tỉnh.
12. UBND tỉnh Bắc Ninh (2016). Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn

hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh.

13. Vị trí địa lý tỉnh Bắc Ninh (2015). <http://bacninh.gov.vn/news/-/details/20182/vi-tri-ia-ly-tinh-bac-ninh>
14. Vũ Thị Thu Trang (2015). Quản lý chi ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Ninh. Luận văn Thạc sỹ. Trường Đại học kinh tế Đại học Quốc Gia Hà Nội. tr. 16-19.
15. HĐND tỉnh Bắc Ninh (2014). Nghị quyết số 161/2014/NQ-HĐND17 về việc thông qua đề án “Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển thể dục, thể thao tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
16. Bùi Thị Quỳnh Thơ (2013). Hoàn thiện quản lý chi ngân sách nhà nước tỉnh Hà Tĩnh. Luận án Tiến sỹ kinh tế. Học viện Tài chính Hà Nội. tr. 22-23
17. Quốc hội (2015). Luật số 83/2015/QH13. Luật Ngân sách nhà nước.

PHIẾU ĐIỀU TRA

Mẫu số 01

Đề tài: “Quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh”

(Dùng cho phỏng vấn lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính)

Thông tin về người trả lời:

1. Họ và tên: Giới tính: Nam/Nữ
2. Tuổi:
3. Đơn vị công tác:
4. Chức vụ công tác:
5. Trình độ đào tạo:

Xin Anh/Chị vui lòng cho biết một số thông tin sau:

Câu 1. Anh/Chị đánh giá như thế nào về nguồn NSNN mà tỉnh Bắc Ninh cấp cho Sở VHTTDL để đầu tư cho ngành thể thao? (Đánh dấu X vào ô thích hợp)

- ☐ Đủ ☐ Tạm đủ ☐ Thiếu ☐ Rất thiếu

Câu 2. Anh/Chị hãy cho biết ý kiến của mình về công tác lập dự toán chi NSNN của các trung tâm thể thao trực thuộc Sở VHTTDL Bắc Ninh.

| Nội dung | Có | Chưa |
|--|----|------|
| 1. Dự toán lập đã sát với thực tế | | |
| 2. Dự toán lập đúng trình tự, thời gian, mẫu biểu quy định | | |
| 3. Dự toán lập căn cứ vào chế độ, định mức quy định | | |
| 4. Phân bổ dự toán chi ngân sách hợp lý | | |

Nếu theo Anh/Chị lập dự toán chưa sát với thực tế, vậy thì nguyên nhân là do đâu? (Có thể chọn nhiều mục để đánh dấu X)

- ☐ Thời gian lập dự toán bị giới hạn
- ☐ Chưa căn cứ vào tình hình thực hiện của những năm liền kề và nhiệm vụ của năm kế hoạch
- ☐ Năng lực, trình độ của người được giao nhiệm vụ lập dự toán còn hạn chế
- ☐ Chưa lường trước được những nhiệm vụ phát sinh trong năm
- ☐ Ý kiến khác (nêu cụ thể)

Câu 3. Anh/Chị hãy cho biết ý kiến của mình về công tác chấp hành dự toán chi NSNN của các trung tâm thể thao thuộc Sở VHTTDL Bắc Ninh.

| Nội dung | Đạt | Chưa đạt |
|---|-----|----------|
| 1. Mọi khoản chi tiêu đều trong dự toán giao đầu năm | | |
| 2. Mọi khoản chi đều đúng tiêu chuẩn, định mức, đúng quy định | | |
| 3. Quá trình cấp phát kinh phí đã kịp thời, chặt chẽ | | |

Nếu theo Anh/Chị các khoản chi chưa đạt tiêu chuẩn, định mức, chưa đúng quy định, vậy thì nguyên nhân do đâu? (Có thể chọn nhiều mục để đánh dấu X)

- ☐ Do chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định chưa phù hợp
- ☐ Do cấp chậm nguồn ngân sách
- ☐ Do văn bản hướng dẫn thường xuyên thay đổi, các đơn vị chưa nắm bắt kịp
- ☐ Do thiếu sự hướng dẫn của cơ quan quản lý về chuyên môn nghiệp vụ
- ☐ Do năng lực quản lý của lãnh đạo và trình độ kế toán đơn vị sử dụng ngân sách chưa đáp ứng được yêu cầu
- ☐ Do công tác phối hợp giữa các phòng ban liên quan chưa chặt chẽ, thống nhất
- ☐ Do công tác kiểm tra, kiểm soát chưa chặt chẽ, thường xuyên
- ☐ Ý kiến khác (nêu cụ thể)

Câu 4. Anh/Chị hãy cho biết ý kiến của mình về công tác quyết toán chi NSNN của các trung tâm thể thao thuộc Sở VHTTDL Bắc Ninh.

| Nội dung | Có | Chưa |
|--|----|------|
| 1. Quyết toán đúng thời gian quy định | | |
| 2. Quyết toán đã phản ánh đầy đủ các nội dung theo mục lục NSNN quy định | | |
| 3. Các báo cáo tài chính có được lập đầy đủ và đúng quy định | | |
| 4. Số liệu quyết toán được công khai theo quy định | | |

Câu 5. Theo Anh/Chị nguyên nhân của việc lập báo cáo quyết toán chi ngân sách chậm là do đâu? (Có thể chọn nhiều mục để đánh dấu X)

- ☐ Do trình độ, năng lực kế toán đơn vị còn yếu kém
- ☐ Văn bản hướng dẫn không rõ ràng
- ☐ Thiếu tinh thần trách nhiệm
- ☐ Khối lượng công việc nhiều
- ☐ Ý kiến khác (nêu cụ thể)

Câu 6. Anh/Chị hãy cho biết ý kiến của mình đối với công tác kiểm tra, kiểm soát chi NSNN cho thể thao của Sở VHTTDL Bắc Ninh.

| Nội dung | Có | Chưa |
|--|----|------|
| 1. Công tác kiểm tra, kiểm soát có thường xuyên | | |
| 2. Công tác kiểm tra, kiểm soát có công khai, minh bạch | | |
| 3. Cách thức tiến hành kiểm tra có phù hợp, đúng trình tự quy định | | |
| 4. Sự phối hợp của các bên liên quan có đồng bộ, chặt chẽ | | |

Câu 7. Đánh giá chung của A/C về công tác quản lý chi NSNN của các trung tâm thể thao trực thuộc Sở VHTTDL Bắc Ninh.

- ☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

Câu 8. Theo A/C trong thời gian tới Sở VHTTDL cũng như các trung tâm thể thao cần áp dụng những giải pháp nào để nâng cao chất lượng công tác quản lý chi NSNN cho thể thao?

.....

.....

.....

.....

.....

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

PHIẾU ĐIỀU TRA

Mẫu số 02

**Đề tài: “Quản lý chi ngân sách nhà nước cho thể thao tại Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh”**

(Dùng cho phỏng vấn cá nhân thụ hưởng)

Thông tin về người trả lời:

6. Họ và tên: Giới tính: Nam/Nữ
7. Tuổi:
8. Đơn vị công tác:
9. Chức vụ công tác:
10. Trình độ đào tạo:

Xin A/C vui lòng cho biết một số thông tin sau:

Câu 1. Đánh giá của A/C về đội ngũ cán bộ tổ chức quản lý chi NSNN của các trung tâm thể thao trực thuộc Sở VHTTDL Bắc Ninh.

| Nội dung | Tốt | Trung bình | Kém |
|---|-----|------------|-----|
| 1. Năng lực của ban lãnh đạo trong việc quản lý các nguồn lực tài chính | | | |
| 2. Trình độ chuyên môn của bộ phận kế toán | | | |
| 3. Thái độ phục vụ của các cán bộ quản lý ngân sách | | | |
| 4. Hiệu quả công việc | | | |

Câu 2. Đánh giá của A/C về công tác quản lý chi NSNN của các trung tâm thể thao thuộc trực Sở VHTTDL Bắc Ninh.

| Nội dung | Có | Chưa |
|---|----|------|
| 1. Định mức các khoản chi đã phù hợp với thực tế | | |
| 2. Chất lượng cơ sở vật chất của các trung tâm được đầu tư hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương | | |
| 3. Thủ tục thanh, quyết toán các khoản chi có đơn giản, | | |

| | | |
|--|--|--|
| nhanh gọn | | |
| 4. Sự công khai, minh bạch trong quá trình sử dụng ngân sách | | |
| 5. Công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách thường xuyên | | |
| 6. Bộ phận thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả | | |

Câu 3. Đánh giá chung của A/C về công tác quản lý chi NSNN của các trung tâm thể thao trực thuộc Sở VHTTDL Bắc Ninh.

☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

Câu 4. Theo A/C trong thời gian tới Sở VHTTDL cũng như các trung tâm thể thao cần áp dụng những giải pháp nào để nâng cao chất lượng công tác quản lý chi NSNN cho thể thao?

.....

.....

.....

.....

.....

XIN TRÂN TRỌNG CẢM